TIẾT 1 **BÀI MỞ ĐẦU**

Thời gian thực hiện (1 tiết)

ND: 6/9/2023

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hiểu được tầm quan trọng của việc nắm vững các khái niệm cơ bản, các kĩ năng địa lí trong học tập và sinh hoạt.
- Hiểu được ý nghĩa và sự lí thú mà phân môn Địa lí mang lại.
- Nêu được vai trò của địa lí trong cuộc sống, có cái nhìn khách quan về thế giới quan và giải quyết các vấn đề trong cuộc sống

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Tự học và hoàn thiện các nhiệm vụ thông qua phiếu học tập

+ Giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ, kết hợp với các công cụ học tập để trình bày thông tin, thảo luận nhóm.

+ Giải quyết vấn đề sáng tạo : Phân tích được ý nghĩa và sự lí thú của việc học tập môn Địa lí

- Năng lực Địa lí

+ Nhận thức khoa học Địa lí : Trình bày được các khái niệm cơ bản, các kĩ năng địa lí trong học tập và trong sinh hoạt. Phân tích mối quan hệ giữa Địa lí và cuộc sống.

+ Tìm hiểu Địa lí: Sử dụng các công cụ của Địa lí học (tranh ảnh, video, văn bản…) để trình bày một vấn đề bất kì về Trái Đất.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập.
- Nhân ái: Tôn trọng ý kiến của người khác, có ý thức học hỏi lẫn nhau.
- Trung thực: Tự giác tham gia và vận động người khác tham gia phát hiện, đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập.
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập (cá nhân/nhóm)

4. Học sinh khuyết tật

Biết nêu được một số vai trò của Địa lí trong đời sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Hình ảnh, video về thiên nhiên, các hiện tượng, đối tượng địa lí.
- Một số công cụ địa lí học thường sử dụng: Quả địa cầu, bản đồ, mô hình, bảng số liệu thống kê…
- Thiết bị điện tử

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động mở đầu

a. Mục tiêu

- Kết nối vào bài học

b.Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ: Học sinh quan sát hình ảnh , trả lời câu hỏi

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS hoạt động cá nhân

Bước 3: Trao đổi thảo luận và báo cáo kết quả

- HS tham gia trả lời bằng cách giơ tay nhanh nhất

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức.

Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs.

=> Từ câu trả lời của học sinh, GV kết nối vào bài học

2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1. Những khái niệm cơ bản và kĩ năng của môn Địa lí

a. Mục tiêu

- Hiểu được tầm quan trọng của việc nắm các khái niệm cơ bản, các kĩ năng địa lí trong học tập và trong sinh hoạt.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh

- Giáo viên chia lớp thành 6 nhóm và phân chia nhiệm vụ cho các nhóm

Nhiệm vụ 1: Nhóm 1,3,5: Tìm hiểu về các khái niệm cơ bản trong môn Địa lí

+ Dựa vào cấu trúc chương trình Địa lí lớp 6, em hãy cho biết chúng ta sẽ được tìm hiểu những khái niệm nào?

+ Việc nắm vững các khái niệm này có ý nghĩa gì đối với em trong học tập và cuộc sống?

Nhiệm vụ 2: Nhóm 2,4,6 Tìm hiểu về những kĩ năng chủ yếu khi học Địa lí.

- Dựa vào thông tin mục 1, hình 1,2,3, các em hãy:

+ Kể tên các **công cụ hỗ trợ** khi học Địa lí??

+ Cho biết **kĩ năng** chủ yếu khi học Địa lí?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

+ Các nhóm thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.

Bước 3: Trao đổi thảo luận và báo cáo kết quả

+ Gọi 1 thành viên bất kì trong nhóm trả lời câu hỏi của nhóm mình.

+ Các học sinh khác có ý kiến nhận xét, bổ sung.

+ Giáo viên hướng dẫn học sinh điều chỉnh, hoàn thiện kết quả và ghi chép kiến thức, chốt lại nội dung học tập.

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh

- Chuẩn kiến thức:

1. Những khái niệm cơ bản và kĩ năng chủ yếu của môn Địa lí

- Chương trình Địa lí lớp 6 sẽ giúp các em tìm hiểu một số khái niệm địa lí cơ bản về Trái Đất, các thành phần tự nhiên của Trái Đất và mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên.

- Các kĩ năng Địa lí chủ yếu

+ Sử dụng bản đồ, sơ đồ, hình ảnh, bảng số liệu, biểu đồ …

+ Tổ chức học tập ngoài thực địa. + Khai thác thông tin trên Internet.

Hoạt động 2. Môn Địa lí và những điều lí thú

a. Mục tiêu

- Hiểu được ý nghĩa và sự lí thú của việc học môn Địa lí.
- Yêu thích môn học, thích tìm hiểu các sự vật, hiện tượng Địa lí.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- Chia nhóm 4 người.
- Nhiệm vụ: Dựa vào thông tin SGK và hiểu biết của bản thân để hoàn thành bài tập sau:

+ Em hãy nêu những điều lí thú được thể hiện qua các hình ảnh trên?

+ Kể thêm những điều lí thú mà em biết về tự nhiên và con người trên Trái Đất?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- Thảo luận nhóm 3p và viết thông tin vào bảng nhóm.

Bước 3: HS báo cáo kết quả làm việc

- Gọi 1 học sinh bất kì trả lời câu hỏi nhóm.
- HS khác nhận xét, bổ sung

GV mở rộng: Những hiện tượng thiên nhiên kì lạ nhất hành tinh.

https://www.youtube.com/watch?v=jJDDEaOr4Ys

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh
- Chuẩn kiến thức:

2. Môn Địa lí và những điều lí thú - Học Địa lí thật là lí thú: Giúp các em khám phá và giải thích được nhiều hiện tượng tự nhiên, dân cư, văn hóa, kinh tế…của các vùng đất khác nhau trên thế giới và nơi mình đang sinh sống. - Được tìm hiểu về các mối quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng địa lí: Chuyển động của Trái Đất với hiện tượng ngày, đêm, các mùa. Mối quan hệ giữa khí áp và gió…

Hoạt động 3. Địa lí và cuộc sống

a. Mục tiêu

- Nêu được vai trò của Địa lí trong cuộc sống.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ: Dựa vào thông tin SGK và hiểu biết của mình, em hãy lấy được các ví dụ để thấy được vai trò của môn Địa lí đối với cuộc sống (câu hỏi ưu tiên cho học sinh khuyết tật).

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- Thảo luận cặp đôi

Bước 3: HS báo cáo kết quả làm việc

- Gọi đại diện cặp trả lời
- HS khác nhận xét, bổ sung

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh
- Chuẩn kiến thức:

3. Địa lí và cuộc sống

- Môn Địa lí cung cấp cho các em hiểu biết về:

+ Các hiện tượng trong tự nhiên.

+ Mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên.

⇨ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống hàng ngày

3. Hoạt đông luyện tập

a. Mục tiêu

- Củng cố các kiến thức đã học trong bài

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh:

- Hoạt động nhóm 4 - 6 học sinh
- Mỗi nhóm sẽ có 1 quả đại cầu
- Nhiệm vụ: Quan sát quả đại cầu, các em hãy trao đổi và cho biết chúng ta có thể khai thác các thông tin địa lí nào từ quả địa cầu?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS dựa vào kiến thức đã học trong bài để tra lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc

- Gọi 1 nhóm bất kì trình bày.
- Cac nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs

4. Hoạt đông vận dụng, mở rộng

a. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh

- Sử dụng thiết bị điện tử để sưu tầm một số câu ca dao, tục ngữ về mối quan hệ giữa thiên nhiên và con người.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Sử dụng thiết bị điện tử để tìm kiếm thông tin.

Bước 3: Báo cáo kết quả làm

Bước 4: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs.

GV dặn dò học sinh chuẩn bị cho tiết 2: bài 1- Hệ thống kinh, vĩ tuyến . Tọa độ Địa lí

Cá nhân tự chuẩn bị phiếu học tập với nội dung :

PHIẾU HỌC TẬP

Nhiệm vụ: Dựa vào hình 1.2 và thông tin SGK, các em hãy trao đổi và hãy điền những thông tin còn thiếu vào phiếu học tập.

Kinh tuyến?	
Kinh tuyến gốc?	
Vĩ tuyến?	
Vĩ tuyến gốc?	
Vĩ tuyến Bắc	
Vĩ tuyến Nam?	
Kinh tuyến Tây?	
Kinh tuyến Đông?	

TIẾT 2 BÀI 1: HỆ THỐNG KINH, VĨ TUYẾN. TỌA ĐỘ ĐỊA LÍ

Thời gian thực hiện (1 tiết)

ND: 7/9/2023

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Biết được thế nào là kinh tuyến, vĩ tuyến, kinh tuyến gốc, vĩ tuyến gốc, các bán cầu, tọa độ địa lí.
- Xác định được trên bản đồ và trên quả địa cầu: kinh tuyến, vĩ tuyến, kinh tuyến gốc, vĩ tuyến gốc, các bán cầu và tọa độ địa lí, kinh độ, vĩ độ.

2. Năng lực

- Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian. Biết sử dụng quả địa cầu để nhận biết các kinh tuyến, vĩ tuyến, kinh tuyến gốc, vĩ tuyến gốc, các bán cầu, tọa độ địa lí.
- Sử dụng các công cụ của Địa lí học (tranh ảnh, video, văn bản…) để tìm hiểu các khái niệm kinh, vĩ tuyến. Xác định được tọa độ địa lí của một điểm trên bản đồ.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vẽ 1 bức tranh về 1 quốc gia hoặc một khu vực bằng trí tưởng tượng và phải thể hiện được hệ thống kinh tuyến vĩ tuyến và hệ tọa độ của quốc gia đó.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập.: Tôn trọng ý kiến của người khác, có ý thức học hỏi lẫn nhau.
- Trung thực: Tự giác tham gia và vận động người khác tham gia phát hiện, đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập.
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập (cá nhân/nhóm)

4. Học sinh khuyết tật

- Học sinh phân biệt đường kinh tuyến và vĩ tuyến trên quả địa cầu

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Quả địa cầu
- Phiếu học tập, trò chơi trong bài
- Các hình ảnh về Trái Đất
- Hình ảnh các điểm cực trên lãnh thổ VN.
- Thiết bị điện tử

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động mở đầu

a. Mục tiêu

- Kết nối vào bài học

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ:

Ngày nay, các con tàu ra khơi đều có gắn các thiết bị định vị để thông báo vị trí của tàu. Vậy dựa vào đâu để người ta xác định được vị trí của con tàu khi đang lênh đênh trên biển?

Bước 2: Thục hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của học sinh => Từ câu trả lời của học sinh, GV kết nối vào bài học.

2. Hoạt động : Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1. Hệ thống kinh, vĩ tuyến

a. Mục tiêu

- Phân biệt được kinh tuyến, vĩ tuyến, kinh tuyến gốc, vĩ tuyến gốc, các bán cầu.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh

Nhiệm vụ 1: Dựa vào hình 1.1 và thông tin SGK, em hãy trả lời các câu hỏi sau:

- Quả địa cầu là gì?
- Xác định điểm cực Bắc và cực Nam trên quả địa cầu?

Nhiệm vụ 2: Giáo viên chia lớp thành 6 nhóm và phân chia nhiệm vụ cho các nhóm

<table>
<tr><td colspan="2">PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1
Nhiệm vụ: Dựa vào hình 2 và thông tin SGK, các em hãy trao đổi và hãy điền những thông tin còn thiếu vào phiếu học tập.</td></tr>
<tr><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td>Kinh tuyến?</td><td></td></tr>
<tr><td>Kinh tuyến gốc?</td><td></td></tr>
<tr><td>Vĩ tuyến?</td><td></td></tr>
<tr><td>Vĩ tuyến gốc?</td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2">Nhiệm vụ 3: Dựa vào kiến thức đã học, em hãy
- Xác định trên quả địa cầu các đường: Kinh tuyến gốc, kinh tuyến bắc, kinh tuyến nam, vĩ tuyến gốc, vĩ tuyến bắc, vĩ tuyến nam?
- So sánh độ dài giữa các kinh tuyến và vĩ tuyến?
- Xác định vị trí của Việt Nam trên quả địa cầu? Cho biết nước ta nằm ở nửa cầu nào trên bề mặt Trái Đất?</td></tr>
</table>

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
- Cá nhân\ nhóm thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
Bước 3: Trao đổi thảo luận và báo cáo kết quả
- HS trả lời câu hỏi.
- Học sinh khuyết tật chỉ các đường kinh tuyến , vĩ tuyến trên quả địa cầu.
- Các học sinh khác có ý kiến nhận xét, bổ sung.
- Giáo viên hướng dẫn học sinh điều chỉnh, hoàn thiện kết quả và ghi chép kiến thức, chốt lại nội dung học tập.
Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức
- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh
- Chuẩn kiến thức:

1. Hệ thống kinh, vĩ tuyến
- Kinh tuyến là nửa đường vòng tròn nối hai cực Bắc và cực Nam trên quả địa cầu.
- Kinh tuyến gốc là kinh tuyến đi qua Đài thiên văn Grin-uýt ở ngoại ô thủ đô Luân-đôn cua nước Anh, đánh số 0°.
- Vĩ tuyến là những vòng tròn trên quả địa cầu và vuông góc với kinh tuyến.
- Vĩ tuyến gốc là xích đạo, được đánh số 0°.

Hoạt động 2. Kinh độ, vĩ độ và tọa độ địa lí của 1 điểm trên bản đồ
a. Mục tiêu
- Hiểu thế nào là kinh độ, vĩ độ.
- Biết cách xác định tọa độ địa lí của một điểm trên bản đồ.
b. Cách thức tổ chức
Bước 1: Giao nhiệm vụ
Nhiệm vụ 1: Cá nhân
Dựa vào thông tin SGK, em hãy cho biết:
- Muốn xác định vị trí của 1 điểm trên qủa địa cầu hay bản đồ, em cần phải xác định yếu tố nào của điểm đó?
- Kinh độ là gì? Quy ước kinh độ đông, kinh độ tây?
- Vĩ độ là gì? Quy ước vĩ độ bắc, vĩ độ nam?
- Kinh độ và vĩ độ của 1 điểm trên bản đồ được gọi là gì?
- Nêu cách viết tọa độ địa lí của 1 điểm?
Nhiệm vụ 2: Cặp đôi
- Dựa vào kiến thức đã học, xác định tọa độ địa lí của điểm A, B, C trên hình 4

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ
- HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân và nhóm cặp
Bước 3: HS báo cáo kết quả làm việc
- Gọi 1 học sinh bất kì trả lời câu hỏi.
- HS khác nhận xét, bổ sung
Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh
- Chuẩn kiến thức:

2. Kinh độ, vĩ độ và tọa độ địa lí
- Kinh độ của 1 điểm là khoảng cách tính bằng độ từ kinh tuyến gốc đến kinh tuyến đi qua địa điểm đó.
- Vĩ độ của 1 điểm là khoảng cách tính bằng độ từ xích đạo đến vĩ tuyến đi qua địa điểm đó.
- Tọa độ địa lí của 1 điểm là kinh độ và vĩ độ của điểm đó.
- Cách viết tọa độ địa lí của 1 điểm (VD: Điểm A): A (vĩ độ, kinh độ)

3. Hoạt đông luyện tập

a. Mục tiêu
- Củng cố các kiến thức đã học trong bài

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh:
- Dựa và kiến thức đã học và hiểu biết của mình, em hãy cho biết nếu vẽ các đường kinh tuyến, vĩ tuyến cách nhau 1 độ thì trên quả Địa Cầu có bao nhiêu kinh tuyến, vĩ tuyến?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
- HS dựa vào kiến thức đã học trong bài để tra lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc

Bước 4: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs.

4. Hoạt đông vận dụng, mở rộng

a. Mục tiêu
- Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

út, kinh độ 109 độ 24 phút Đ

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh
- Học sinh hãy tượng tượng và vẽ một quốc gia hoặc một khu vực có hệ thống kinh vĩ tuyến và hệ tọa độ các điểm cực .

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả vào tiết học sau

Bước 4: Gv nhận xét đánh giá hoạt động học của hs.

Giao nhiệm vụ cho bài 2: BẢN ĐỒ. MỘT SỐ LƯỚI KINH, VĨ TUYẾN. PHƯƠNG HƯỚNG TRÊN BẢN ĐỒ

- Muốn vẽ được bản đồ, người ta cần làm gì?
- Mô tả hình dạng lưới kinh, vĩ tuyến ở mỗi bản đồ?

TIẾT 3 BÀI 2: BẢN ĐỒ. MỘT SỐ LƯỚI KINH, VĨ TUYẾN. PHƯƠNG HƯỚNG TRÊN BẢN ĐỒ

Thời gian thực hiện (1 tiết)

ND: 13/9/2023

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được khái niệm bản đồ và xác định được vai trò của bản đồ trong hoạt động đời sống.
- Nhận biết được một số lưới kinh vĩ tuyến của bản đồ thế giới.
- Xác định được phương hướng trên bản đồ

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Tự học và hoàn thiện các nhiệm vụ thông qua phiếu học tập.

+ Giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ, kết hợp với các công cụ học tập để trình bày thông tin, thảo luận nhóm.

+ Giải quyết vấn đề sáng tạo: Xác định được phương hướng trong thực tế dựa vào kiến thức đã học.

- Năng lực Địa lí

+ Nhận thức khoa học Địa lí : Nhận biết được một số lưới kinh vĩ tuyến của bản đồ thế giới. Xác định được phương hướng trên bản đồ.

+ Tìm hiểu Địa lí: Sử dụng các công cụ của Địa lí học (tranh ảnh, video, văn bản…) để tìm hiểu khái niệm bản đồ, sự khác nhau của một số lưới kinh vĩ tuyến trên bản đồ thế giới. Cách xác định phương hướng trên bản đồ.

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Xác định phương hướng trong thực tế.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập.
- Nhân ái: Tôn trọng ý kiến của người khác, có ý thức học hỏi lẫn nhau.
- Trung thực: Tự giác tham gia và vận động người khác tham gia phát hiện, đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập.
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập (cá nhân/nhóm)

4. Học sinh khuyết tật.

- Biết đọc tên bản đồ và xác định hướng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Quả địa cầu
- Hình ảnh bản đồ được xây dựng theo một số phép chiếu khác nhau.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động mở đầu

a. Mục tiêu

Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ:

Có một người bạn của cô ở nước ngoài muốn đến Việt Nam du lịch, họ muốn tự khám phá đất nước xinh đẹp của chúng ta, vậy giải pháp nào để họ làm chủ được chuyến du lịch mà không bị lạc đường. Các em hãy giúp người bạn của cô tìm ra giải pháp tốt nhất nhé.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS theo dõi quan sát ảnh

Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc

- Sử dụng bản đồ.

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs => Từ câu trả lời của học sinh, GV kết nối vào bài học

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Khái niệm bản đồ

a. Mục tiêu

- HS trình bày được khái niệm đơn giản về bản đồ và xác định được vai trò của bản đồ trong hoạt động đời sống.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh

Nhiệm vụ 1: Tình huống

- Mai cho rằng: Quả địa cầu không phải bản đồ.
- Lan lại có ý kiến khác: Quả địa cầu là bản đồ

? Theo em trong tình huống này, bạn nào đã nói đúng, vì sao?

Nhiệm vụ 2: Dựa vào thông tin SGK, em hãy cho biết:

+ Bản đồ là gì?

+ Bản đồ có vai trò như thế nào trong đời sống? (ưu tiên Học sinh KT)

+ Em hãy lấy một số ví dụ thể hiện vai trò của bản đồ trong cuộc sống?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả

- HS trả lời câu hỏi.
- Các học sinh khác có ý kiến nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh
- Chuẩn kiến thức:

1. Khái niệm bản đồ

- Bản đồ là hình vẽ thu nhỏ một phần hay toàn bộ bề mặt trái Đất lên mặt phẳng trên cơ

sở toán học, trên đó các đối tượng địa lí được thể hiện bằng các kí hiệu bản đồ.
- Bản đồ có vai trò quan trọng, trong học tập và đời sống.

Mở rộng: Tìm hiểu thêm về phân loại và công dụng của bản đồ
https://dovenhanh.com/ban-do-la-gi-phan-loai-va-cong-dung-cua-ban-do/

Hoatj động 2: Một số lưới kinh, vĩ tuyến của bản đồ thế giới

a. Mục tiêu
- Nhận biết được một số lưới kinh vĩ tuyến của bản đồ thế giới.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ: Dựa vào thông tin SGK và hình 1, các em hãy trao đổi theo cặp để trả lời các câu hỏi sau:
- Muốn vẽ được bản đồ, người ta cần làm gì?
- Mô tả hình dạng lưới kinh, vĩ tuyến ở mỗi bản đồ?

*Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ
- HS trao đổi và trả lời các câu hỏi.

*Bước 3: HS báo cáo kết quả làm việc
- Gọi 1 học sinh bất kì trả lời câu hỏi.
- HS khác nhận xét, bổ sung

*Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức
- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh
- Chuẩn kiến thức:

2. Một số lưới kinh, vĩ tuyến của bản đồ thế giới.
- Phép chiếu hình nón
- Phép chiếu hình trụ

=> Tùy thuộc vào mục đích sử dụng, quy mô, vị trí và hình dạng lãnh thổ để lựa chọn bản đồ có phép chiếu phù hợp.

Hoạt động 3: phương hướng trên bản đồ.

a. Mục tiêu
- Xác định được phương hướng trên bản đồ.

b. Cách thức tổ chức

*Bước 1: Giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1

- GV cho HS quan sát bản đồ các nước Đông Nam Á, GV đã ghi sẵn 4 hướng chính trên bản đồ. Sau đó giao nhiệm vụ cho HS:

+ Xác định các đường kinh tuyến, vĩ tuyến.

+ Phía trên đường kinh tuyến chỉ hướng gì? Phía dưới chỉ hướng gì?

+ Đầu bên trái và phải của đường kinh tuyến chỉ hướng gì?

Nhiệm vụ 2: GV yêu cầu học sinh kẻ các hướng chính vào vở ghi.

- GV kẻ sẵn hình trên bảng, và chỉ điền hướng Bắc
- Gọi 1 học sinh lên bảng điền các hướng còn lại

HSKT: Học sinh xác định hướng B, N, T, Đ trong phòng học

HS dưới lớp tự hoàn thiện vào vở

*Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- HS tìm hiểu thông tin và thực hiện nhiệm vụ học tập.

*Bước 3: HS báo cáo kết quả làm việc

- Gọi 1 học sinh bất kì trả lời câu hỏi.
- HS khác nhận xét, bổ sung

*Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh
- Chuẩn kiến thức:

4. Phương hướng trên bản đồ

- Xác định phương hướng dựa vào các đường kinh tuyến, vĩ tuyến trên bản đồ.

+ Đầu phía trên của đường kinh tuyến là hướng Bắc.
+ Đầu phía dưới của đường kinh tuyến là hướng Nam.
+ Đầu bên phải của vĩ tuyến là hướng Đông.
+ Đầu bên trái của vĩ tuyến là hướng Tây.

- Xác định phương hướng dựa vào mũi tên chỉ hướng Bắc trên bản đồ

3. Hoạt đông luyện tập

a. Mục tiêu

- Củng cố các kiến thức đã học trong bài

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh:

- Dựa vào bản đồ Việt Nam trong Đông Nam Á, cho biết phần đất liền ở nước ta tiếp giáp với biển ở những hướng nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS dựa vào kiến thức đã học trong bài để tra lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc

Bước 4: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs.

4. Hoạt đông vận dụng, mở rộng

a. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

b. Cách thức tổ chức

B1: Giao nhiệm vụ

GV: HS sưu tâm một bản đồ và giới thiệu với các bạn về tấm bản đồ đó với các yêucầu: Đó là bản đổ gì (tên bản đổ)? Bản đồ đó có hệ thống kinh, vĩ tuyến không? Nội dungbản đồ? Tấm bản đồ có ý nghĩa gì?,.

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS dựa vào kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc

Bước 4: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs.

GV dặn dò hs chuẩn bị bài **TỈ LỆ BẢN ĐỒ , TÍNH KHOẢN CÁCH THỰC TẾ DỰA VÀO TỈ LỆ BẢN ĐỒ**

GV có thể cho HS quan sát hai bản đồ trong SGK: bản đổ Hành chính Việt Nam (trang 110) và bản đổ Các nước Đông Nam Á (trang 101) rồi yêu cầu HS:

1/ nhận xét về kích thước lãnh thổ Việt Nam và mức độ chỉ tiết về nội dung của hai bản đồ và tại sao có sự khácnhau đó?

2/ HS rút ra nhận xét sự khác nhau về kích thước và mức độ chỉ tiết về nội dung của hai bản đồ là do chúng có tỉ lệ khác nhau

3/ khái niệm tỉ lệ bản đổ và ý nghĩa của nó

TIẾT 4 **BÀI 3: TỈ LỆ BẢN ĐỒ**

TÍNH KHOẢNG CÁCH THỰC TẾ DỰA VÀO TỈ LỆ BẢN ĐỒ

Thời gian thực hiện (1 tiết)

ND: 14/9/2023

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Biết được tỉ lệ bản đồ
- Tính được khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Tự học và hoàn thiện các nhiệm vụ thông qua phiếu học tập

+ Giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ, kết hợp với các công cụ học tập để trình bày thông tin, thảo luận nhóm.

- Năng lực Địa lí

+ Nhận thức khoa học Địa lí: Xác định được vị trí cỉa các đối tượng địa lí trên lược đồ. Đo tính được khoảng cách của các đối tượng trên bản đồ.

+ Tìm hiểu Địa lí: Sử dụng các công cụ của Địa lí học (tranh ảnh, video, văn bản…)

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Tính được khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập.
- Nhân ái: Tôn trọng ý kiến của người khác, có ý thức học hỏi lẫn nhau.
- Trung thực: Tự giác tham gia và vận động người khác tham gia phát hiện, đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập.
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập (cá nhân/nhóm)

4. Học sinh khuyết tật

Biết đọc tỉ lệ của bản đồ

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Bản đồ giáo khoa trang 107 (hình 1)
- Bản đồ có cả tỉ lệ số và thước

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động mở đầu

a. Mục tiêu

Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- Bạn A: Không biết Hải Phòng cách Hà Nội bao nhiêu ki-lô-mét nhỉ?
- Bạn B: Đưa bản đồ đây mình tính cho.

Theo em tại sao dựa vào bản đồ lại được tính được khoảng cách từ Hải Phòng đến Hà Nội?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc

Gọi hs trả lời, hs khác nhận xét

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs => Từ câu trả lời của học sinh, GV kết nối vào bài học

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Tỉ lệ bản đồ

a. Mục tiêu

- Biết tỉ lệ bản đồ
- Phân loại tỉ lệ bản đồ

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: HĐ cặp - GV cho HS quan sát hai bản đồ trong SGK: bản đồ Hành chính Việt Nam (trang 110) và bản đồ Các nước Đông Nam Á (trang 101) rồi yêu cầu HS:

Nhận xét về kích thước lãnh thổ Việt Nam và mức độ chi tiết về nội dung của hai bản đồ và tại sao có sự khác nhau đó?

Nhiệm vụ 2: HĐ cá nhân - Dựa vào thông tin SGK, em hãy cho biết?

- Khái niệm tỉ lệ bản đồ và ý nghĩa của nó.
- Tỉ lệ bản đồ được thể hiện ở các dạng nào?
- Tỉ lệ số và tỉ lệ thước khác nhau như thế nào?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: HS báo cáo kết quả làm việc

- Gọi học sinh trả lời câu hỏi.
- HS khác nhận xét, bổ sung

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh
- Chuẩn kiến thức:

1. Tỉ lệ bản đồ

- Tỉ lệ bản đồ cho biết mức độ thu nhỏ độ dài giữa các đối tượng trên bản đồ so với thực tế là bao nhiêu.
- Ý nghĩa của tỉ lệ bản đồ: cho biết mức độ thu nhỏ độ dài giữa các đối tượng trên bản đồ dso với thực tế là bao nhiêu.
- Có 2 dạng: Tỉ lệ thước và tỉ lệ số.

*** HSKT: GV chiếu một số bản đồ và yêu cầu học sinh đọc tỉ lên của bản đồ đó.**

Hoạt động 2. Tính khoảng cách trên thực tế dựa vào tỉ lệ bản đồ

a. Mục tiêu

- Biết tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: HĐ cá nhân -Tìm hiểu cách đo tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ.

- GV hướng dẫn các bước đo tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ.

+ Bước 1: Dùng thước đo khoảng cách của 2 địa điểm trên bản đồ

+ Bước 2: Tính khoảng cách trên thực tế

** Nếu trên bản đồ là tỉ lệ số: Lấy số đo khoảng cách của 2 địa điểm trên bản đồ* ***X*** *mẫu số tỉ lệ.*

** Nếu trên bản đồ là tỉ lệ thước: Lấy Lấy số đo hoảng cách của 2 địa điểm trên bản đồ áp vào thước tỉ lệ sẽ biết được khoảng cách của 2 địa điểm đó trên thực tế.*

- GV mở rộng cho học sinh bằng bài thơ tính khoảng cách cách trên thực tế dựa trên bản đồ.

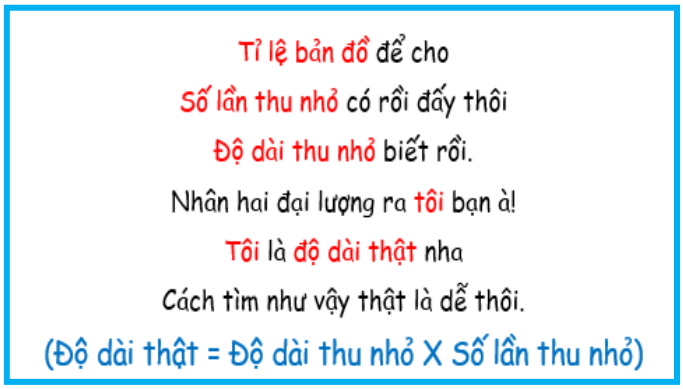

Nhiệm vụ 2 - cặp đôi: Thực hành tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ.

1. Trên bản đồ hành chính có tỉ lệ 1 : 6 000 000, khoảng cách giữa Thủ đô Hà Nội và thành phố Vinh (tỉnh Nghệ An) là 5 cm, vậy trên thực tế hai địa điểm đó cách nhau bao xa?

2. Hai địa điểm có khoảng cách thực tế là 25 km, thì trên bản đồ có tỉ lệ 1 : 500 000, khoảng cách giữa hai địa điểm đó là bao nhiêu?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- GV hỗ trợ, hướng dẫn

Bước 3: HS báo cáo kết quả làm việc

- Gọi học sinh bất kì trả lời câu hỏi.
- HS khác nhận xét, bổ sung

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh
- Chuẩn kiến thức:

2. Tính khoảng cách thực tế dựa vào tỉ lệ bản đồ

- Bước 1: Dùng thước đo khoảng cách của 2 địa điểm trên bản đồ
- Bước 2: Tính khoảng cách trên thực tế

+ Nếu trên bản đồ là tỉ lệ số: Lấy số đo hoảng cách của 2 địa điểm trên bản đồ X mẫu số tỉ lệ.

+ Nếu trên bản đồ là tỉ lệ thước: Lấy Lấy số đo khoảng cách của 2 địa điểm trên bản đồ áp vào thước tỉ lệ sẽ biết được khoảng cách của 2 địa điểm đó trên thực tế.

3. Hoạt đông luyện tập

a. Mục tiêu

- Củng cố các kiến thức đã học trong bài

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh: Căn cứ vào tỉ lệ thước hoặc tỉ lệ số của bản đồ hình 1, em hãy:

- Đo và tính khoảng cách theo đường chim bay từ chợ Bến Thành đến khách sạn Sài Gòn Prince

- Tính chiều dài đường Lê Thánh Tôn từ ngã ba Phạm Hồng Thái đến ngã tư giao với đường Hai Bà trưng

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS dựa vào kiến thức đã học trong bài để tra lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc

Bước 4: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs.

4. Hoạt đông vận dụng

a. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh: Giữa hai bản đồ tự nhiên Việt Nam có tỉ lệ 1: 10 000 000 và 1: 15 000 000, bản đồ nào có tỉ lệ lớn hơn, bản đồ nào thể hiện được nhiều đối tượng địa lí hơn? Giải thích?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS dựa vào kiến thức đã học trong bài để tra lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc

Bước 4: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs.

Dặn dò hs chuẩn bị bài mới: **KÍ HIỆU VÀ BẢNG CHÚ GIẢI BẢN ĐỒ. TÌM ĐƯỜNG ĐI TRÊN BẢN ĐỒ**

Học sinh chuẩn bị 1 số loại kí hiệu

Kí hiệu điểm	Sản bay Càng biển Nhà máy thuỷ điện
Kí hiệu đường	Biên giới quốc gia Đường bộ Đường sắt
Kí hiệu diên tích	Đất cát Đát phù sa sông Đát phèn

TIẾT 5+6 **BÀI 4: KÍ HIỆU VÀ BẢNG CHÚ GIẢI BẢN ĐỒ TÌM ĐƯỜNG ĐI TRÊN BẢN ĐỒ**

Thời gian thực hiện (2 tiết)

ND: 20, 21/9/2023

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Đọc được các kí hiệu và chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình.
- Biết đọc bản đồ, xác định được vị trí của các đối tượng địa lí trên bản đồ.
- Biết tìm đường đi trên bản đồ.

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

+ Nhận thức khoa học Địa lí: X ác định được vị trí của các đối tượng địa lí trên bản đồ. Tìm đường đi trên bản đồ.
+ Tìm hiểu Địa lí: Sử dụng các công cụ của Địa lí học (tranh ảnh, video, văn bản…)
+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Tìm đường đi trên bản đồ bất kì.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập.
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập (cá nhân/nhóm)

4. Học sinh KT

Kể được một số đối tượng địa lí trên bản đồ dựa vào kí hiệu bản đồ

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Một số bản đồ giáo khoa như bản đồ hình thể, các miền tự nhiên, bản đồ địa hình tỉ lệ lớn, bản đồ hành chính,...
- Các bản đồ trong SGK: bản đồ hành chính Việt Nam; bản đồ tự nhiên thế giới , bán cầu Tây, bán cầu Đông; một số bản đồ địa phương có tỉ lệ lớn như bản đồ các điểm du lịch để HS vận dụng cách tìm đường đi trên bản đồ

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động mở đầu

a. Mục tiêu

Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- GV đưa ra tình huống: Trang, Mai và Minh đang có một chuyến đi chơi cùng nhau. Nhưng đi đến một ngã tư thì các bạn ấy quên đường mất rồi.

+ Bạn Trang rất lo lắng: Bây giờ chúng ta đi đường nào nhỉ?
+ Mai: Yên tâm, tớ có bản đồ ở đây.
+ Minh: Bản đồ trong chiếc điện thoại thông minh này sẽ dẫn đường cho ta đến mọi nơi ta muốn.

? Vậy các bạn sử dụng bản đồ để tìm đường đi như thế nào.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc

Gọi hs trả lời, hs khác nhận xét

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs => Từ câu trả lời của học sinh, GV kết nối vào bài học

Còn các em đã biết đọc và sử dụng bản đồ chưa? Bản đồ có vai trò rất quan trọng trong học tập và đời sống. Bài học này sẽ giúp các em có được kĩ năng đọc và sử dụng bản đồ.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Kí hiệu và bảng chú giải bản đồ.

a. Mục tiêu

- Biết đọc các kí hiệu bản đồ và chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Nhiệm vụ 1: HĐ nhóm (4 nhóm) - GV: Cho HS quan sát 1 số bản đồ. Thảo luận theo nhóm nội dung sau.

Nhóm 1,2; Trên BĐ người ta thể hiện những gì ? Ký hiệu bản đồ là gì? Kí hiệu bản đồ thể hiện những đặc điểm nào của đối tượng địa lí? Các loại kí hiệu bản đồ?

Nhóm 3,4: Hãy kể thêm tên một số đối tượng địa lí được thể hiện bằng các loại kí hiệu: điểm, đường, diện tích.

HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe

Nhiệm vụ 2. HĐ cá nhân

Dựa vào mục 1b, và các hình ảnh sau, em hãy cho biết:

- Trên lược đồ tự nhiên vùng ĐBSH, vùng màu xanh lá cây thể hiện yếu tố địa lí nào?
- Trên bản đồ khoáng sản VN, hình tam giác màu đen thể hiện loại khoáng sản nào?
- Để biết nội dung, ý nghĩa của các kí hiệu, khi đọc bản đồ chúng ta sẽ chú ý phân nào?
- Bảng chú giải thường đặt ở vị trí nào trên bản đồ?

Nhiệm vụ 3 – HĐ cặp

Quan sát hai bảng chú giải ở hình 2, cho biết: Bảng chú giải nào của bản đồ hành chính, bảng chú giải nào của bản đồ tự nhiên.

HSKT: Hãy kể ít nhất ba đối tượng địa lí được thể hiện trên bản đồ hành chính và ba đối tượng địa lí được thể hiện trên bản đồ tự nhiên.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- HS hoạt động nhóm ở nhiệm vụ 1, cá nhân vụ 2, cặp nhiệm vụ 3
- Các nhóm, cặp thảo luận và ghi kết quả làm việc vào bảng nhóm.

Bước 3: HS báo cáo kết quả làm việc

- Gọi cá nhân, nhóm, cặp bất kì báo cáo.
- HS, nhóm, cặp khác nhận xét, bổ sung

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh
- Chuẩn kiến thức:

1. Kí hiệu và bảng chú giải bản đồ

a. Kí hiệu bản đồ

- Kí hiệu bản đồ là các dấu hiệu quy ước (màu sắc, hình vẽ) để thể hiện các đối tượng địa lí

trên bản đồ.
- Kí hiệu bản đồ thể hiện quy mô, đặc điểm, thành phần của các đối tượng địa lí.
- Có 3 loại kí hiệu: Điểm, đường, diện tích
b. Bảng chú giải
- Bảng chú giải của bản đồ giúp chúng ta hiểu nội dung và ý nghĩa của các kí hiệu được sử dụng trên bản đồ.
+ Trong bảng chú giải của bản đồ hành chính thể hiện các đối tượng: Thủ đô, thành phố trực thuộc Trung ương, thành phố, thị xã đó là những đơn vị hành chính và các đối tượng khác như biên giới quốc gia, ranh giới tỉnh, giao thông, sông ngòi,...
+ Trong bảng chú giải của bản đổ tự nhiên thể hiện: phân tầng độ cao, độ sâu (đậm,nhạt), đỉnh núi, điểm độ sâu, sông ngòi,...

Hoạt động 2: Đọc và sử dụng một số bản đồ thông dụng

a. Mục tiêu
- Biết đọc bản đồ, xác định được vị trí của các đối tượng địa lí trên bản đồ.
b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: Dựa vào thông tin mục 2a, em hãy nêu cách đọc bản đồ.

Nhiệm vụ 2: Thực hành đọc bản đồ tự nhiên và hành chính

Nhóm 1,3,5: Đọc bản đồ tự nhiên thế giới (bán cầu Tây)
- Nêu tên nội dung và lãnh thổ được thể hiện trên bản đồ.
- Nêu tỉ lệ bản đồ
- Cho biết các kí hiệu trong bảng chú giải thể hiện các đối tượng địa lí nào?
- Kể tên ít nhất 1 dãy núi, đồng bằng, sông lớn ở châu Mỹ?

Nhóm 2,4,6: : Đọc bản đồ hành chính Việt Nam
- Nêu tên nội dung và lãnh thổ được thể hiện trên bản đồ
- Nêu tỉ lệ bản đồ
- Cho biết các kí hiệu trong bảng chú giải thể hiện các đối tượng địa lí nào?
- Đọc và xác định trên bản đồ tên và vị trí của: Thủ đô, các thành phố trực thuộc Trung ương, tỉnh thành nơi em sinh sống?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ
- GV hỗ trợ, hướng dẫn

Bước 3: HS báo cáo kết quả làm việc
- Gọi 1 học sinh, đại diện nhóm bất kì trả lời câu hỏi.
- HS khác nhận xét, bổ sung

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức
- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh
- Chuẩn kiến thức:

2. Đọc 1 số bản đồ thông dụng

* Cách đọc bản đồ

- Đọc tên bản đồ để biết nội dung và lãnh thổ được thể hiện trên bản đồ.
- Biết tỉ lệ bản đồ để có thể đo tính khoảng cách giữa các đối tượng.
- Đọc các kí hiệu trong bảng chú giải để nhận biết các đối tượng trên bản đồ.
- Xác định được các đối tượng địa lí cần quan tâm trên bản đồ.
- Trình bày mối quan hệ của các đối tượng địa lí.

* Một số bản đồ thông dụng: Bản đồ tự nhiên và bản đồ hành chính.

Hoạt động 3:Tìm đường đi trên bản đồ

a. Mục tiêu

- Biết tìm đường đi trên bản đồ.

b. Cách thức tổ chức

Nhiệm vụ 1: GV yêu cầu học sinh, tìm hiểu các bước tìm đường đi trên bản đồ giấy và điện thoại với Google Maps.

Nhiệm vụ 2: Thực hành tìm đường đi trên bản đồ giấy và điện thoại với Google Maps.

- Hoạt động cặp đôi

+ Tìm đường đi trên bản đồ giấy

1. Tìm trên bản đồ hình 3 các địa điểm: Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt, ga Đà Lạt, Bảo tàng Lâm Đồng

2. Mô tả đường đi từ Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lat đến Ga Đà Lạt, từ Ga Đà Lạt đến Bảo tàng Lâm Đồng

+ Tìm đường trên Google maps (Từ trường học về nhà, hoặc từ trường học đến cung văn hóa..)

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- GV hỗ trợ, hướng dẫn

Bước 3: HS báo cáo kết quả làm việc

- Gọi 1 học sinh bất kì trả lời câu hỏi.
- HS khác nhận xét, bổ sung

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh
- Chuẩn kiến thức:

3. Tìm đường đi trên bản đồ

Đề tìm đường đi trên bản đồ, cần thực hiện theo các bước sau:

Bước 1:Xác định nơi đi và nơi đến, hướng đi trên bản đồ.

Bước 2:Tìm các cung đường có thể đi và lựa chọn cung đường thích hợp với mục đích (ngắn nhất, thuận lợi nhất hoặc yêu cầu phải đi qua một số địa điểm cần thiết), đảm bảo tuân thủ theo quy định của luật an toàn giao thông.

Bước 3:Dựa vào tỉ lệ bản đò để xác định khoảng cách thực tế sẽ đi.

3. Hoạt đông luyện tập

a. Mục tiêu

- Củng cố các kiến thức đã học trong bài

b. Cách thức tổ chức
Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh:
- Dựa vào Lược đồ kinh tế vùng Đồng bằng Sông Hồng, em hãy cho biết:
+ Trung tâm công nghiệp lớn nhất của vùng? Kể tên các ngành công nghiệp của trung tâm đó?
+ Vườn quốc gia Cát Bà thuộc tỉnh nào?
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
- HS dựa vào kiến thức đã học trong bài để tra lời câu hỏi.
Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc
Bước 4: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs.
4. Hoạt đông vận dụng
a. Mục tiêu
- Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.
b. Cách thức tổ chức
Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh: Sử dụng điện thoại, truy cập internet để tìm hiểu thêm về các phần mền, ứng dụng tìm đường trên điện thoại và cách sử dụng ứng dụng đó. Sau đó chọn 1 ứng dụng mà em thấy dễ dùng nhất để giới thiệu cho các bạn.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
- HS dựa vào kiến thức đã học trong bài để tra lời câu hỏi.
Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc
Bước 4: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs.

Dặn dò hs chuẩn bị bài mới: **Bài 5. LƯỢC ĐỒ TRÍ NHỚ**

Nhóm 1,2,3: Vẽ lược đồ trí nhớ đường đi - Em hãy mô tả đường đi từ nhà em tới trường và trình bày trước lớp
Nhóm 4,5,6: Vẽ lược đồ một khu vực - Em hãy mô tả trường em qua trí nhớ của mình và trình bày trước lớp.

TIẾT 7 **BÀI 5: LƯỢC ĐỒ TRÍ NHỚ**

Thời gian thực hiện (1 tiết)

ND: 27/9/2023

I. MỤC TIÊU
1. Kiến thức:
- Trình bày được khái niệm lược đồ trí nhớ.
- Phân biệt được các dạng lược đồ trí nhớ.
- Nêu được vai trò của lược đồ trí nhớ trong cuộc sống.
- Vẽ được lược đồ trí nhớ thể hiện các đối tượng địa lí thân quen đối với cá nhân học sinh.
2. Năng lực
- Năng lực chung:
+ Tự chủ và tự học: Tự học và hoàn thiện các nhiệm vụ thông qua phiếu học tập

+ Giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ, kết hợp với các công cụ học tập để trình bày thông tin, thảo luận nhóm.
+ Giải quyết vấn đề sáng tạo: Vẽ được lược đồ trí nhớ thể hiện các đối tượng địa lí thân quen đối với cá nhân học sinh.
- Năng lực Địa lí
+ Nhận thức khoa học Địa lí: Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian về vị trí phân bố của các đối tượng địa lí.
+ Tìm hiểu Địa lí: Sử dụng các công cụ của Địa lí học (tranh ảnh, video, văn bản…) để hình thành lược đồ trí nhớ.
+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Xây dựng được lược đồ trí nhớ thể hiện các đối tượng địa lí thân quen đối với cá nhân học sinh.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập.
- Nhân ái: Tôn trọng ý kiến của người khác, có ý thức học hỏi lẫn nhau, yêu quê hương, đất nước.
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập (cá nhân/nhóm)

4. HSKT

Vẽ được một lược đồ đồ trí thể hiện một đường đi thân quen với bản thân

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Một số lược đồ trí nhớ có sẵn hoặc tự xây dựng.
- Thước, bút chì, bút màu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động mở đầu

a. Mục tiêu

Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Ngay từ ngày còn bé, được bố mẹ đưa đi học, rồi bố mẹ đưa đến các nơi em thích: cửa hàng kem, hiệu sách thiếu nhi, đến nhà các bạn cùng lớp.... Nếu có đi một mình, em cũng không bị lạc.

- Tại sao em lại không bị lạc?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS trả lời câu hỏi tình huống.

Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc

Bước 4: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs.

Tại sao em lại không bị lạc? Vì trong đầu, trong trí nhớ của em đã hình thành một hình ảnh về không gian đó, được gọi là lược đồ trí nhớ.

2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Khái niệm lược đồ trí nhớ

a. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm lược đồ trí nhớ.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh: Dựa vào thông tin SGK, em hãy cho biết:

- Lược đồ trí nhớ là gì?
- Lược đồ trí nhớ có tác dụng gì trong cuộc sống?
- Em hãy lấy một số ví dụ về lược đồ trí nhớ của bản thân?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân

Bước 3: HS báo cáo kết quả làm việc

Bước 4: GV nhận xét và chốt kiến thức

1. Khái niệm lược đồ trí nhớ

- Lược đồ trí nhớ là những thông tin không gian về thế giới được giữ lại trong trí óc con người.
- Lược đồ trí nhớ của một người phản ánh sự cảm nhận của người đó về không gian sống và ý nghĩa của không gian ấy đối với cá nhân.

Hoạt động 2: Vẽ lược đồ trí nhớ

a. Mục tiêu

- Biết được cách xây dựng lược đồ trí nhớ.
- Vẽ được lược đồ trí nhớ thể hiện các đối tượng địa lí thân quen đối với cá nhân học sinh. (GV hướng dẫn HS tự học)

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh

- GV chia lớp thành 4 nhóm.
- Hướng dẫn học sinh những điều cần chú ý khi vẽ lược đồ trí nhớ đường đi và khu vực.
- Dựa vào hướng dẫn trong SGK, các em hãy hoàn thành bài tập nhóm vào giấy A0. (Sử dụng bút màu để vẽ kí hiệu, nên lựa chọn các kí hiệu đơn giản và dễ hiểu)

+ Nhóm 1,3: Vẽ lược đồ trí nhớ đường đi - Em hãy mô tả đường đi từ nhà em tới trường và trình bày trước lớp.

+ Nhóm 2,4: Vẽ lược đồ trí nhớ khu vực - Em hãy mô tả trường em qua trí nhớ của mình và trình bày trước lớp.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ nhóm.

Bước 3: HS báo cáo kết quả làm việc

- Gọi đại diện các nhóm lên dán sản phẩm và mô tả sản phẩm.
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh
- Chuẩn kiến thức:

2. Vẽ lược đồ trí nhớ

a. Vẽ lược đồ trí nhớ đường đi
- Các điểm cần xác định: Điểm xuất phát, điểm kết thúc, hướng đi chính, các điểm mốc.
- Hệ thống các kí hiệu sử dụng trong lược đồ rất đơn giản và dễ nhớ.
b. Vẽ lược đồ trí nhớ khu vực
- Cần hồi tưởng tổng thể khu vực đó gồm các đối tượng nào, diện tích, hướng, khoảng cách của các đối tượng với nhau.

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu
- Củng cố các kiến thức đã học trong bài
b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh: Quan sát lược đồ trí nhớ sau và mô tả lại con đường từ nhà đến trường của người bạn đó?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
- Cá nhân

Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc
- Trình bày kết quả làm việc trước lớp.

Bước 4: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs.

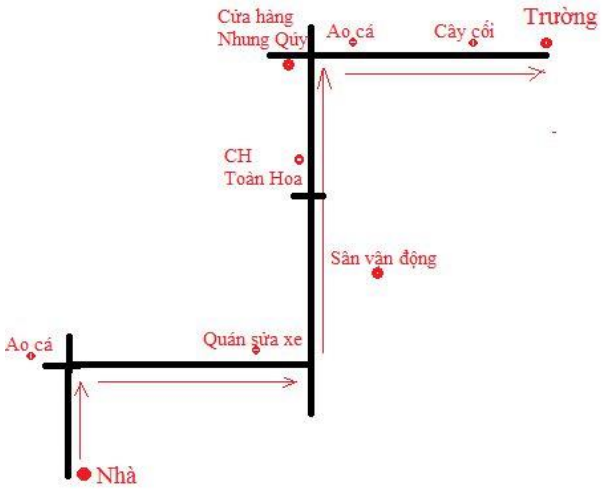

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu
- Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.
b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh
- Hãy vẽ lược đồ trí nhớ để chỉ đường cho một người bạn của em đến nhà một người bạn khác.

Ví dụ:

+ Khoảng cách từ nơi đứng đến nhà bạn đó khoảng 2 km về hướng đông bắc.

+ Từ nơi đứng, đi về hướng bắc khoảng 500 m, gặp một ngã ba, đối diện ngã ba là chợ.

+ Từ ngã ba, rẽ phải, đi thẳng khoảng 300 m có cây xăng ở bên phải, từ cây xăng đi thẳng khoảng 700 m sẽ gặp một ngã tư.

+ Từ ngã tư đó, rẽ trái, đi thẳng khoảng 500m nữa là tới, nhà bạn đó nằm ở bên trái đường.

HSKT: Em hãy vẽ một lược đồ trí nhớ đường đi từ nhà đến trường (lấy điểm thường xuyên).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
- HS vẽ lược đồ trí nhớ.

Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc

Bước 4: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs.

Dặn dò hs chuẩn bị bài mới: **Bài 7. TRÁI ĐẤT TRONG HỆ MẶT TRỜI**

HS tự chuẩn bị phiếu học tập với nội dung như sau:

Câu 1: Con người đã cho rằng Trái Đất có những hình dạng nào?

……...

……...

Câu 2: Ai là người đầu tiên đưa ra giả thuyết "Trái Đất hình cầu"?

……...

……...

Câu 3: Người triết gia Hy Lạp Aristotle đã chứng minh Trái Đất hình cầu như thế nào?

……...

Câu 4: Ông Aristotle đã có tham vọng gì?

……...

Câu 5: Để thực hiện được tham vọng đó, ông Aristotle cần phải làm gì?

……...

Câu 6: So sánh kích thước đường kính của Trái Đất hiện tại với kết quả ông Aristotle tính được.

……...

……...

Câu 7: Hãy lấy một ví dụ thuyết phục các bạn trong lớp rằng: "Trái Đất hình cầu".

……...

……...

TIẾT 8 **BÀI 6: TRÁI ĐẤT TRONG HỆ MẶT TRỜI**

Thời gian thực hiện (1 tiết)

ND: 28/9/2023

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Kể tên các hành tinh quay quanh Trái Đất.
- Sắp xếp các hành tinh theo thứ tự xa dần Mặt Trời.
- Xác định được vị trí của Trái Đất trong Hệ Mặt Trời.
- Phân tích được ý nghĩa của vị trí của Trái Đất trong Hệ Mặt Trời.
- Mô tả được hình dạng, kích thước của Trái Đất.
- So sánh được kích thước của Trái Đất so với các hành tinh khác.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Tự học và hoàn thiện các nhiệm vụ thông qua phiếu học tập
+ Giao tiếp và hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ, kết hợp với các công cụ học tập để trình bày thông tin, thảo luận nhóm.
+ Giải quyết vấn đề sáng tạo: Viết một lá thư giới thiệu về Trái Đất với người ngoài hành tinh
- Năng lực Địa lí
+ Nhận thức khoa học Địa lí: Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Kể tên các hành tinh quay quanh Trái Đất. Sắp xếp các hành tinh theo thứ tự xa dần Mặt Trời. Xác định được vị trí của Trái Đất trong Hệ Mặt Trời. Phân tích được ý nghĩa của khoảng cách từ Trái Đất đến Mặt Trời. Mô tả được hình dạng, kích thước của Trái Đất. So sánh được kích thước của Trái Đất so với các hành tinh khác
+ Tìm hiểu Địa lí: Sử dụng các công cụ của Địa lí học. Tìm được các từ khóa của bài học trong kiến thức SGK Địa lí 6 trang 116, 177. Phân tích hình ảnh, sơ đồ để biết được vị trí của Trái Đất trong Hệ Mặt Trời. Lấy ví dụ minh họa để chứng minh Trái Đất hình cầu. Khai thác internet phục vụ môn học. Thu thập thông tin từ trang web giáo viên cung cấp để biết được hình dạng, kích thước của Trái Đất
+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Viết một lá thư giới thiệu về Trái Đất với người ngoài hành tinh
3. Phẩm chất
- Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập.
- Nhân ái: Tôn trọng ý kiến của người khác, có ý thức học hỏi lẫn nhau.
- Trung thực:Tự giác tham gia và vận động người khác tham gia phát hiện, đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập.
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập (cá nhân/nhóm).
4. HSKT
Biết được tên các hành tinh trong hệ mặt trời và vị trí của Trái đất

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU
- Video, hình ảnh về Trái Đất và hệ Mặt Trời.
- Phiếu học tập số 1,2
- Đường link tham khảo tài liệu:
+ Bài hát Hành tinh: https://www.youtube.com/watch?v=HgQIW2kUiRQ
+ Làm sao người Hy Lạp cổ đại biết Trái Đất hình cầu:
https://www.youtube.com/watch?v=huK6dcQUmVk

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC
1. Hoạt động mở đầu
a. Mục tiêu
Kết nối vào bài học
b. Cách thức tổ chức
Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh
GV bắt đầu bằng cách vẽ một Mặt Trời lớn trên bảng.

- Hỏi HS xem chúng có biết đây là gì không và yêu cầu một vài HS lên bảng và vẽ bất cứ thứ gì HS có thể nghĩ ra liên quan đến hệ Mặt Trời.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Các HS lần lượt lên bảng vẽ (có thể 2-3 em cùng một lúc).

Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc

- GV và cả lớp thảo luận về những gì tạo nên Hệ Mặt Trời - các ngôi sao, hành tinh, tiểu hành tinh: tìm hiểu kiến thức nền tảng của chúng.

Bước 4: Gv dựa vào câu trả lời của học sinh, kết nối vào bài học

2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời

a. Mục tiêu

- Kể tên các hành tinh quay quanh Trái Đất.
- Sắp xếp các hành tinh theo thứ tự xa dần Mặt Trời.
- Xác định được vị trí của Trái Đất trong Hệ Mặt Trời.
- Phân tích được ý nghĩa của vị trí của Trái Đất trong Hệ Mặt Trời.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh

- Yêu cầu HS hoàn thành phiếu học tập dựa vào hình 5.1, thông tin SGK và xem video bài hát https://www.youtube.com/watch?v=HgQIW2kUiRQ

PHIẾU HỌC TẬP

Câu 1: Chuyển động xung quanh Mặt Trời có …… hành tinh.

Câu 2: Ghi nhớ và hoàn thành sơ đồ Hệ Mặt Trời trống.

Câu 3: Các hành tinh này chuyển động ……

Mặt Trời, và ……. quanh mình.

Câu 4: Trái Đất nằm ở vị trí thứ ……. theo thứ tự xa dần Mặt Trời.

Câu 5: Hành tinh có sự sống duy nhất trong Hệ Mặt Trời là……...

Câu 6: Em ấn tượng với hành tinh nào nhất? Vì sao?

? HSKT: Hệ mặt trời có bao nhiêu hành tinh, kể tên các hành tinh. Trái đất đứng vị trí thứ mấy theo thứ tự xa dần mặt trời

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS hoàn thành phiếu học tập
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS.

Bước 3: Trao đổi thảo luận và báo cáo kết quả

- HS trả lời câu hỏi.
- Các học sinh khác có ý kiến nhận xét, bổ sung.
- Giáo viên hướng dẫn học sinh điều chỉnh, hoàn thiện kết quả và ghi chép kiến thức, chốt lại nội dung học tập.

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh

- Chuẩn kiến thức:

1. Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời

- Chuyển động xung quanh hệ Mặt Trời là tám hành tinh.
- Các hành tinh vừa chuyển động xung quanh Mặt Trời, vừa tự quay quanh mình.
- Trái Đất nằm ở vị trí thứ 3 theo thứ tự xa dần Mặt Trời
- Ý nghĩa: Khoảng cách từ Trái Đất đến Mặt Trời là khoảng cách lí tưởng giúp cho Trái Đất nhận được lượng nhiệt và ánh sáng phù hợp để sự sống có thể tồn tại và phát triển

Hoạt động 2. Hình dạng , kích thước của Trái Đất

a. Mục tiêu

- Mô tả được hình dạng, kích thước của Trái Đất.
- So sánh được kích thước của Trái Đất so với các hành tinh khác.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- HS tự chuẩn bị phiếu học tập (đã giao từ tiết trước)
- Xem video sau: https://www.youtube.com/watch?v=huK6dcQUmVk và dựa vào thông tin SGK, em hãy hoàn thiện nội dung phiếu học tập :

PHIẾU HỌC TẬP

Câu 1: Con người đã cho rằng Trái Đất có những hình dạng nào?

……...

Câu 2: Ai là người đầu tiên đưa ra giả thuyết "Trái Đất hình cầu"?

……...

……...

Câu 3: Người triết gia Hy Lạp Aristotle đã chứng minh Trái Đất hình cầu như thế nào?

……...

Câu 4: Ông Aristotle đã có tham vọng gì?

……...

Câu 5: Để thực hiện được tham vọng đó, ông Aristotle cần phải làm gì?

……...

Câu 6: So sánh kích thước đường kính của Trái Đất hiện tại với kết quả ông Aristotle tính được.

……...

Câu 7: Hãy lấy một ví dụ thuyết phục các bạn trong lớp rằng: "Trái Đất hình cầu".

……....

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ cặp

Bước 3: HS báo cáo kết quả làm việc

- Gọi học sinh bất kì trả lời câu hỏi.
- HS khác nhận xét, bổ sung

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh .
- Chuẩn kiến thức

2. Hình dạng , kích thước của Trái Đất
-Trái Đất có hình cầu.
-Trái Đất có bán kính Xích đạo là 6 378 km, diện tích bề mặt là 510 triệu km2.
-> Nhờ có kích thước và khối lượng đủ lớn, Trái Đất đã tạo ra lực hút giữ được các chất khi làm thành lớp vỏ khi bảo vệ mình

MỞ RỘNG: GV chiếu cho hs xem video: https://quantrimang.com/he-mat-troi-rong-lon-nhu-the-nao-133579
https://thienvanvietnam.org/index.php?option=com_content&view=article&id=1147:10-dieu-thu-vi-ve-he-mat-troi&catid=18&Itemid=146

3. Hoạt động luyện tập
a. Mục tiêu
- Củng cố các kiến thức đã học trong bài
b. Cách thức tổ chức
Bước 1: Giáo viên giới thiệu trò chơi HỘP QUÀ BÍ ẨN
- Phổ biến luật và hướng dẫn cách chơi
- Trò chơi gồm 4 câu hỏi:
Câu 1: Trong hệ Mặt Trời có bao nhiêu hành tinh?
Câu 2: Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời?
Câu 3: Hành tinh lớn nhất và nhỏ nhất trong hệ Mựt Trời?
Câu 4: Hình dạng và kích thước của Trái Đất?
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
- HS dựa vào kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi.
Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc
Bước 4: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs

4. Hoạt động vận dụng
a. Mục tiêu
Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.
b. Cách thức tổ chức
Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh
Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh: Giả sử có người sinh sống ở hành tinh khác, em hãy viết một lá thư khoảng 10 dòng giới thiệu về Trái Đất của chúng ta với họ.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc
Bước 4: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs.
Dặn dò hs chuẩn bị bài mới:
Bài 7: CHUYỂN ĐỘNG TỰ QUAY QUANH TRỤC CỦA TRÁI ĐẤT TRỤC VÀ HỆ QUẢ

HS tự chuẩn bị Phiếu học tập với nội dung như sau:

STT	Câu hỏi	Đáp án
1	Em hãy cho biết: Có phải lúc nào điểm A cũng được chiếu sáng không?	…….. ……...
2	Khi quả địa cầu ở vị trí như thế nào với đèn pin thì điểm A mới được chiếu sáng?	…….. …….. ……...
3	Vì sao ban đêm trời tối, ban ngày trời sáng?	…….. …….. ……...
4	Giải thích nguyên nhân mọi nơi trên TĐ đều lần lượt có ngày và đêm?	…….. …….. ……...
5	Dự đoán: Nếu TĐ không quay nữa thì sự sống liệu có tồn tại trên TĐ không? Đưa ví dụ.	…….. …….. ……...

TIẾT 9+10 Bài 7: Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả
(Thời gian thực hiện 2 tiết)

ND: 4,5/10/2023

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Mô tả được chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất
- Trình bày được hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau ở khắp mọi nơi trên Trái Đất.
- Giải thích được nguyên nhân sinh ra các hệ quả của vận động tự quay quanh trục của TĐ
- Nhận biết được giờ địa phương/giờ khu vực, so sánh được giờ của hai địa điểm trên Trái Đất.
- Vận dụng tính giờ trên TĐ.
- Mô tả được sự lệch hướng chuyển động của vật thể và giải thích được nguyên nhân.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống.

+ Giao tiếp và hợp tác: Biết đặt ra mục đích giao tiếp và hiểu được vai trò quan trọng của việc đặt mục tiêu trước khi giao tiếp. Hiểu được nội dung và phương thức giao tiếp cần phù hợp với mục đích giao tiếp và biết vận dụng để giao tiếp hiệu quả

+ Giải quyết vấn đề sáng tạo: Biết đặt câu hỏi khác nhau về một sự vật, hiện tượng, vấn đề, chú ý lắng nghe và tiếp nhận thông tin, ý tưởng với sự cân nhắc, chọn lọc. Biết đánh giá vấn đề, tình huống dưới những góc nhìn khác nhau

- Năng lực Địa lí

+ Nhận thức khoa học Địa lí: Định hướng không gian: Xác định hướng chuyển động của TĐ quanh trục, xác định một địa điểm ở trên bản đồ để tính giờ. Diễn đạt nhận thức không gian: Dùng lược đồ trí nhớ hoặc mô hình quả địa cầu hoặc xem tư liệu (video, hình ảnh) để mô tả lại sự vận động tự quay quanh trục của TĐ: Hướng, thời gian, quỹ đạo; và các hệ quả: ngày và đêm luân phiên, giờ trên TĐ, sự lệch hướng chuyển động của các vật thể. Sử dụng tư liệu (video) để diễn tả mối quan hệ không gian giữa vận động tự quay quanh trục với sự sống trên TĐ. Phân tích mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả trong thiên nhiên: giải thích được nguyên nhân sinh ra các hiện tượng ngày và đêm luân phiên, giờ trên Trái Đất, sự chuyển động lệch hướng của các vật thể. Nhận biết và phân tích được quan hệ nhân quả trong mối quan hệ giữa vận động tự quay quanh trục và các thành phần tự nhiên trên TĐ.
+ Tìm hiểu Địa lí: Khai thác tài liệu văn bản: tìm được nội dung địa lí trong đoạn văn: Em có biết. Biết sử dụng lược đồ để tính giờ. Tính toán được giờ khu vực. Khai thác tài liệu từ Internet.
+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học : So sánh được sự khác nhau về giờ giữa các địa phương. Tính giờ ở các địa điểm khác nhau trên TĐ. Đánh giá được vai trò của vận động tự quay quanh trục của TĐ. Trình bày trên lớp được sản phẩm làm được của nhóm mình
3. Phẩm chất
- Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập.
4. HSKT
Học sinh biết thời gian tự quay quanh trục của Trái Đất.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Tranh ảnh, link video về chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất, xác định giờ khu vực
- Quả địa cầu.
- Phiếu học tập, các bảng tiêu chí đánh giá, thang đánh giá sản phẩm của học sinh.
- Thiết bị điện tử.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động mở đầu

a. Mục tiêu
Kết nối vào bài học
b. Cách thức tổ chức
Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh: Giáo viên cho học sinh xem đoạn video về hiện tượng ngày đêm
? Tại sao có hiện tượng ngày đêm, tại sao một ngày có 24 giờ.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân
Bước 3: HS báo cáo kết quả nhiệm vụ.
Học sinh trả lời, học sinh khác nhận xét.
Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs, dựa vào phần trả lời của học sinh để vào bài mới.

2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất

a. Mục tiêu

- Mô tả được chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất.
- Thực hiện được thao tác quay quả Địa cầu theo hướng tự quay quanh trục của TĐ là hướng từ Tây sang Đông.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh

GV: Giới thiệu hình 1- Chuyển động tự quay quanh trục của Trái đất

Nhiệm vụ 1: Dựa vào hình 1 và thông tin trong mục 1, em hãy cho biết

- Hướng tự quay quanh trục của Trái Đất.
- Em hãy cho biết thời gian Trái đất tự quay một vòng quanh trục (ưu tiên HSKT)
- Góc nghiêng của trục Trái Đất khi tự quay.

Nhiệm vụ 2: Sử dụng quả địa cầu để mô tả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS.

Bước 3: Trao đổi thảo luận và báo cáo kết quả

- HS trả lời
- Các học sinh khác có ý kiến nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4**: Đánh giá và chốt kiến thức
- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh
- Chuẩn kiến thức:

1. Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất

- Trái Đất tự quay quanh trục tưởng tượng nối hai cực và nghiêng $66^0$33’ trên mặt phẳng quỹ đạo.
- Trái Đất tự quay quanh trục theo hướng từ Tây sang Đông (ngược chiều kim đồng hồ).
- Thời gian Trái Đất tự quay 1vòng quanh trục là 24 giờ (1 ngày đêm)

EM CÓ BIẾT

- Trái Đất tự quay quanh trục một vòng hết 23 giờ 56 phút 04 giây, tuy nhiên để thuận tiện trong sinh hoạt và sản xuất, thời gian Trái Đất tự quay một vòng quanh trục được quy ước là 24 giờ.
- Trái đất quay từ Tây sang Đông, nếu ta đi từ hướng Tây liệu có nhanh hơn không nhỉ? *https://kenh14.vn/trai-dat-quay-tu-tay-sang-dong-neu-ta-di-tu-huong-tay-lieu-co-nhanh-hon-khong-nhi-20180424002503189.chn*

Hoạt động 2: Hệ quả chuyển động tự quay quanh trục của Trái đất

a. Ngày đêm luân phiên

* Mục tiêu

- Trình bày được hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau ở khắp mọi nơi trên Trái Đất.
- Giải thích được nguyên nhân sinh ra các hệ quả của vận động tự quay quanh trục của TĐ

* Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: Tổ chức hình thức hoạt động nhóm

- GV tắt hết đèn, mở cửa sổ hoặc chiếu đèn vào quả địa cầu. Giải thích nguồn ánh sáng từ cửa sổ hoặc đèn tượng trưng cho Mặt Trời, quả địa cầu tượng trưng cho Trái Đất. Đánh dấu một điểm A bất kì trên quả địa cầu. Đặt đèn pin và quả địa cầu trong phòng tối. Quay từ từ quả địa cầu theo chiều quay của Trái Đất. Em hãy quan sát điểm A lần lượt đi vào và đi ra khỏi vùng được chiếu sáng và trả lời câu hỏi ở PHT

PHIẾU HỌC TẬP

STT	Câu hỏi	Đáp án
1	Em hãy cho biết: Có phải lúc nào điểm A cũng được chiếu sáng không?	…….. ……..
2	Khi quả địa cầu ở vị trí như thế nào với đèn pin thì điểm A mới được chiếu sáng?	…….. …….. ……..
3	Vì sao ban đêm trời tối, ban ngày trời sáng?	…….. …….. ……..
4	Giải thích nguyên nhân mọi nơi trên TĐ đều lần lượt có ngày và đêm?	…….. …….. ……..
5	Dự đoán: Nếu TĐ không quay nữa thì sự sống liệu có tồn tại trên TĐ không? Đưa ví dụ.	…….. …….. ……..

Nhiệm vụ 2: Dựa vào kiến thức đã học, em hãy giải thích tạo sao chúng ta thấy Mặt Trời mọc ở phía đông và lặn ở phía tây?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS hoàn thành phiếu học tập và trả lời câu hỏi
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS.

Bước 3: Trao đổi thảo luận và báo cáo kết quả

- Các nhóm , cá nhân báo cáo kết quả làm việc.
- Các học sinh khác có ý kiến nhận xét, bổ sung.
- Giáo viên hướng dẫn học sinh điều chỉnh, hoàn thiện kết quả và ghi chép kiến thức, chốt lại nội dung học tập.

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh
- Chuẩn kiến thức:

2.. Hệ quả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất

a. Ngày đêm luân phiên

- Do Trái Đất có dạng hình cầu nên Mặt Trời chỉ chiếu sáng được một nửa: Nửa được chiếu sáng là ban ngày nửa nằm trong bóng tối là ban đêm.
- Nhờ có sự vận động tự quay của Trái Đất từ tây sang đông mà khắp mọi nơi Trái Đất đều lần lượt có ngày, đêm.

b. Tìm hiểu giờ trên Trái Đất

* Mục tiêu
- Chỉ ra được sự khác nhau về múi giờ giữa các nước ở kinh độ khác nhau.
- Giải thích được nguyên nhân dẫn đến sự chênh lệch giờ.
- Vận dụng tính giờ.

* Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ

1. Dựa vào hình 2, em hãy
- Cho biết tên một số quốc gia sử dụng giờ của nhiều khu vực.
- Kể tên một số quốc gia sử dụng cùng khu vực giờ với Việt Nam.

2. Đêm gala nghệ thuật "Sắc màu văn hoá bốn phương" được truyền hình trực tiếp vào 20 giờ ngày 31 tháng 5 năm 2019 tại Việt Nạm. Vậy khi đó ở các địa điểm Xơ-un (Hàn Quốc), Mát-xcơ-va (Nga), Ma-ni-la (Phi-líp-pin) là mấy giờ?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ
- HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân

Bước 3: HS báo cáo kết quả làm việc
- Gọi học sinh bất kì trả lời câu hỏi.
- HS khác nhận xét, bổ sung

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức
- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh .
- Chuẩn kiến thức

2.Hệ quả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất

b. Giờ trên Trái Đất

- Người ta chia bề mặt Trái Đất ra 24 khu vực giờ
- Mỗi khu vực có một giờ riêng gọi đó là giờ khu vực (múi giờ). Giờ gốc (GMT + 0), Việt Nam: GMT + 7

c. Sự lệch hướng chuyển động của các vật thể ở hai bán cầu

* Mục tiêu
- Mô tả được chuyển động lệch hướng của vật thể.
- Chỉ ra được nguyên nhân làm lệch hướng chuyển động của vật thể
- Đưa ví dụ thực tế về sự lệch hướng chuyển động của một vật thể nào đó.

* Cách thức tổ chức
Bước 1: Giao nhiệm vụ
Bước 1: Gv giao nhiệm Hs đọc nội dung và quan sát hình 4 SGK trả lời các câu hỏi:
1. Ở bán cầu Bắc, vật thể chuyển động theo chiều kinh tuyến lệch về bên trái hay bên phải so với hướng di chuyền ban đầu.
2. Ở bán cầu Nam, vật thể chuyển động theo chiều kinh tuyến lệch về bên trái hay bên phải so với hướng di chuyền ban đầu.
3. Nguyên nhân dẫn đến lệch hướng chuyển động của các vật thể?
4 . Cho ví dụ thực tế về sự lệch hướng chuyển động ở bán cầu Bắc và bán cầu Nam?
Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ
- HS thảo luận cặp
Bước 3: HS báo cáo kết quả làm việc
- Gọi đại diện học học sinh bất kì trả lời câu hỏi.
- HS khác nhận xét, bổ sung
Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức
- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh .
- Chuẩn kiến thức

2.Hệ quả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất
c. Sự lệch hướng chuyển động của các vật thể
- Nếu nhìn xuôi theo chiều chuyển động
+ Nửa cầu Bắc, vật chuyển động sẽ lệch về bên phải.
+ Nửa cầu Nam lệch về bên trái

3. Hoạt động luyện tập
a. Mục tiêu
- Củng cố các kiến thức đã học trong bài
b. Cách thức tổ chức
Bước 1: GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS dựa vào kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi.
Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc
Bước 4: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs
4. Hoạt động vận dụng
a. Mục tiêu
Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.
b. Cách thức tổ chức
Nhiệm vụ 1:
Bước 1: Giao nhiệm vụ

Bài tập tình huống: An sống ở Hà Nội và có bạn sống ở Xao Pao-lô (Braxin) vào lúc 11h trưa, sau khi đi học về An định gọi điện cho bạn để nói chuyện. Bố khuyên An không nên gọi vào giờ này. Theo em tại sao bố An lại khuyên An như vậy.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs.

Bước 4: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs.

Dặn dò hs chuẩn bị bài mới:

Bài 8: CHUYỂN ĐỘNG CỦA TRÁI ĐẤT , QUANH MẶT TRỜI VÀ HỆ QUẢ

Mô tả chuyển động Trái đất quanh mặt trời, theo gợi ý:

- Hình dạng chuyển động quỹ đạo
- Hướng chuyển động
- Thời gian chuyển động hết một vòng
- Góc nghiêng và hướng của trục trong quá trình chuyển động

TIẾT 11+12 Bài 8: Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời và hệ quả

(Thời gian thực hiện 2 tiết)

ND: 11,12/10/2023

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu

- Mô tả được chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời (hướng, độ nghiêng, quỹ đạo và thời gian chuyển động 1 vòng quanh MặtTrời)
- Trình bày được hệ quả chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời:

+ Hiện tượng các mùa.

+ Hiện tượng ngày - đêm dài ngắn theo mùa

- Nhận biết độ dài ngày – đêm trong mùa đông, mùa hạ ở địa phương.
- Giải thích được nguyên nhân sinh ra các mùa và hiện tượng ngày – đêm dài ngắn khác nhau theo mùa, theo vĩ độ
- Vận dụng kiến thức để giải thích các hiện tượng tự nhiên trên thế giới, ở Việt Nam hoặc nơi học sinh đang sinh sống.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống.

+ Giao tiếp và hợp tác: Biết đặt ra mục đích giao tiếp và hiểu được vai trò quan trọng của việc đặt mục tiêu trước khi giao tiếp. Hiểu được nội dung và phương thức giao tiếp cần phù hợp với mục đích giao tiếp và biết vận dụng để giao tiếp hiệu quả

+ Giải quyết vấn đề sáng tạo: Đánh giá được ảnh hưởng của hiện tượng mùa trên Trái Đất đến đời sống của con người.

- Năng lực Địa lí

+ Nhận thức khoa học Địa lí: Mô tả được sự vận động của Trái Đất quanh Mặt Trời. Chỉ ra được những KV có ngày đêm dài suốt 24h. So sánh sự giống và khác nhau về hướng, độ

nghiêng và thời gian chuyển động của 2 vận động TĐ. Phân tích được góc chiếu sáng, thời gian chiếu sáng của MT tới TĐ vào các ngày 21/3,22/6,23/9, 22/12. Trình bày được hệ quả chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời. Giải thích thời điểm bắt đầu các mùa trong năm., ngày đêm dài ngắn khác nhau theo mùa, năm nhuận . Giải thích được sự khác nhau về mùa trên Trái Đất .
+ Tìm hiểu Địa lí: Sử dụng các công cụ của Địa lí học (tranh ảnh, video, …) để mô tả sự chuyển động và phân tích các hệ quả chuyển động quay quanh Mặt Trời của Trái Đất.
Giải thích được hiện tượng mùa ở địa phương.
+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học : Liên hệ thực tế một số hiện tượng tự nhiên để khắc sâu kiến thức Địa lí cho học sinh.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập.
- Nhân ái: Tôn trọng ý kiến của người khác, có ý thức học hỏi lẫn nhau.
- Trung thực: Tự giác tham gia và vận động người khác tham gia phát hiện, đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập.
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập (cá nhân/nhóm).

4. HSKT

Học sinh nhận biết các mùa trong năm

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Phiếu học tập
- Các video, ảnh về chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động mở đầu

a. Mục tiêu

Kết nối vào bài học

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: GV hướng dẫn học sinh tham gia trò chơi Đố Vui về các mùa trong năm.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS tham gia trò chơi bằng cách giơ tay nhanh nhất.
Bước 3: HS báo cáo kết quả nhiệm vụ.
Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức
Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs, dựa vào phần trả lời của học sinh để vào bài mới.

2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Chuyển động của Trái Đất quay quanh Mặt Trời

a. Mục tiêu

- Mô tả được chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời (hướng, độ nghiêng, quỹ đạo và thời gian chuyển động 1 vòng quanh Mặt Trời)

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh
HĐ cặp:

- Học sinh quan sát hình 1, kết hợp với thông tin trên đoạn video sau https://www.youtube.com/watch?v=qm94yFdCNog&t=398s hoàn thành phiếu học tập để mô tả chuyển động của Trái Đất quanh Mặt trời theo gợi ý.

PHIẾU HỌC TẬP	
Hình dạng quỹ đạo	
Hướng chuyển động	
Thời gian quay hết 1 vòng	
Góc nghiêng và hướng của trục	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
- HS hoàn thành phiếu học tập
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS.

Bước 3: Trao đổi thảo luận và báo cáo kết quả
- HS trả lời
- Các học sinh khác có ý kiến nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4**: Đánh giá và chốt kiến thức
- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh
- Chuẩn kiến thức:

1. Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời
- Hình dạng quỹ đạo: Hình elip gần tròn.
- Hướng: Từ Tây sang Đông
- Thời gian: Một vòng quanh Mặt Trời là 365 ngày, 6 giờ (1 năm)
- Hướng nghiêng và góc nghiêng của trục: Không thay đổi

EM CÓ BIẾT : ***Thời gian Trái Đất chuyển động một vòng quanh Mặt Trời*** *là 365 ngày, 6 giờ nhưng để làm lịch cho tiện người ta chỉ lấy tròn 365 ngày. Như vậy, cứ 4 năm lại thừa ra 1 ngày đó là năm nhuận, tháng 2 của năm nhuận có 29 ngày.*

TÍNH NĂM NHUẬN THEO DƯƠNG LỊCH

- Những năm dương lịch nào chia hết cho 4 thì năm đó là năm nhuận.

- Ngoài ra, với những năm tròn thế kỷ (những năm có 2 số cuối là số 0) thì các bạn lấy số năm chia cho 4, nếu chia hết thì năm đó là năm có nhuận (hoặc 2 số đầu trong năm chia hết cho 4).

Hoạt động 2: Hệ quả chuyển động của Trái đất quanh Mặt trời

a. Mùa trên Trái đất

* Mục tiêu
- Trình bày được hệ quả chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời: Hiện tượng các mùa trên Trái Đất.
- Giải thích được nguyên nhân sinh ra các mùa và hiện tượng ngày – đêm dài ngắn khác nhau theo mùa, theo vĩ độ

* Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: Tổ chức hình thức hoạt động nhóm
Dựa vào hình 1, 2 và thông tin trong mục 2, cho biết:

Ngày/ tháng	Nửa cầu	Mùa	Giải thích
22/6	Nửa cầu Bắc		
	Nửa cầu Nam		
22/12	Nửa cầu Bắc		
	Nửa cầu Nam		

Nhiệm vụ 2 - HĐ cá nhân**:** Dựa vào hình 2, nêu sự khác nhau về thời gian diễn ra mùa của hai bán cầu. Dựa vào hình 3, nêu sự khác nhau về hiện tượng mùa theo vĩ độ.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
- HS thực hiện nhiệm vụ
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS.

Bước 3: HS báo cáo kết quả làm việc
- GV gọi nhóm và cặp hoàn thành nhanh nhất để trình bày thông tin trên bảng
- GV cho HS quan sát đoạn video và trả lời câu hỏi: ***Nội dung của đoạn video là gì? Nguyên nhân của hiện tượng?***

https://www.youtube.com/watch?v=mGzmtl9oWE8

Từ đoạn video, giáo viên nhấn mạnh: Sự phân bố ánh sáng, lượng nhiệt và cách tính mùa ở hai nửa cầu Bắc và Nam hoàn toàn trái ngược nhau.
GV giới thiệu thêm về hiện tượng mùa ngày 21/3, 23/9.

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức
- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh .
- Chuẩn kiến thức

2. Hệ quả của chuyển động Trái đất quanh Mặt trời
a. Mùa trên Trái đất
- Nguyên nhân: Do trục Trái Đất nghiêng và ko đổi hướng khi chuyển động trên quỹ đạo quanh MT, nên trong khi chuyển động, bán cầu Bắc và Nam lần lượt ngả về phía mặt trời. Từ đó, thời gian chiếu sáng và sự thu nhận lượng bức xạ Mặt Trời ở mỗi bán cầu đều có sự thay đổi luân phiên trong năm tạo nên các mùa.
- Biểu hiện:

+ Nửa cầu nào ngả về phía MT, có góc chiếu sáng lớn, nhận được nhiều nhiệt và ánh sáng => Mùa nóng (hạ).
+ Nửa cầu nào nằm chếch xa MT, có góc chiếu sáng nhỏ, nhận được ít nhiệt và ánh sáng => Mùa lạnh (đông).
+ Hai nửa cầu có hiện tượng mùa trái ngược nhau.

HSKT: ? Giới thiệu về cảnh sắc thiên nhiên vào các mùa trong năm ở địa phương em sinh sống.

b. Hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa

* Mục tiêu

- Trình bày được hệ quả chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời: Hiện tượng ngày - đêm dài ngắn theo mùa
- Nhận biết độ dài ngày – đêm trong mùa đông, mùa hạ ở địa phương.
- Giải thích được nguyên nhân sinh ra các mùa và hiện tượng ngày – đêm dài ngắn khác nhau theo mùa, theo vĩ độ

* Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ

HS liên hệ với thực tế ở nước ta vào mùa hè (mùa nóng) và mùa đông (mùa lạnh) GV cho HS quan sát hình 4 và kênh chữ để HS hoàn thành phần hoạt động, cụ thể như sau:

Dựa vào hình 4, hãy hoàn thành bảng vào vở theo mẫu sau:

HIỆN TƯỢNG NGÀY – ĐÊM DÀI NGẮN THEO MÙA

Thời gian / Địa điểm	Ngày 22 tháng 6		Ngày 22 tháng 12	
	Mùa	So sánh độ dài ngày – đêm	Mùa	So sánh độ dài ngày – đêm
Bán cầu Bắc				
Bán cầu Nam				

- Dựa vào kết quả phân tích, em hãy giải thích tại sao có hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa trên Trái Đất?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ nhóm.

Bước 3: HS báo cáo kết quả làm việc

- Gọi học sinh bất kì trả lời câu hỏi.
- HS khác nhận xét, bổ sung

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh .
- Chuẩn kiến thức

2. Hệ quả của chuyển động Trái đất quanh Mặt trời

b. Hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa

- Nguyên nhân

+ Trong khi quay quanh Mặt Trời, lúc nào Trái đất cũng chỉ chiếu sáng được một nửa có lúc nửa cầu bắc, có lúc ngả nửa cầu Nam về phía MT

+ Do đường phân chia sáng tối không trùng với trục Trái Đất nên các địa điểm ở nửa cầu Bắc và nửa cầu Nam có hiện tượng ngày đêm dài ngắn khác nhau theo mùa.

- Biểu hiện

+ Mùa hạ: Ngày dài đêm ngắn

+ Mùa đông: Ngày ngắn, đêm dài
+ Xích đạo: Quanh năm có ngày và đêm dài bằng nhau
+ Càng xa xích đạo về 2 cực sự chênh lệch về độ dài ngày đêm càng lớn.
+ Từ vòng cực bắc đến cực bắc và vòng cực nam đến cực nam có hiện tượng ngày/đêm dài suốt 24h theo mùa.
+ Ngày 21/3 và 23/9: Tất cả mọi địa điểm trên Trái Đất đều có độ dài ngày đêm bằng nhau

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu

- Củng cố các kiến thức đã học trong bài

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh:
Dựa vào kiến thức đã học, hãy điền từ thích hợp vào chỗ chấm.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc
Bước 4: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs.

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu

Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

b. Cách thức tổ chức

Nhiệm vụ 1:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: Bài tập tình huống: Bài tập tình huống: Nghỉ hè năm nay, bố cho An đi du lịch ở Ô-xtrây-li-a. An không hiểu tại sao bố lại dặn chuẩn bị nhiều đồ ấm để làm gì. Em hãy giải thích cho An nhé.

Nhiệm vụ 2: Tục ngữ ta có câu:

Đêm tháng Năm chưa nằm đã sáng
Ngày tháng Mười chưa cười đã tối

- Em hiểu như thế nào về câu tục ngữ trên?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.
Bước 3: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs.
Bước 4: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs.

Dặn dò hs chuẩn bị bài mới:

Bài 9: XÁC ĐỊNH PHƯƠNG HƯỚNG NGOÀI THỰC ĐỊA

Dựa vào thông tin SGK và hiểu biết của bản thân, em hãy cho biết chúng ta có thể xác định được phương hướng dựa vào những hiện tượng tự nhiên nào?

TIẾT 13 **Bài 9: Xác định phương hướng ngoài thực tế**
(Thời gian thực hiện 1 tiết)

ND: 18/10/2023

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Thực hành xác định được phương hướng trên thực tế dựa vào la bàn hoặc quan sát các hiện tượng tự nhiên.
- Biết cách sử dụng la bàn trên điện thoại thông minh.
- Vận dụng các kiến thức về xác định phương hướng vào cuộc sống.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống.

+ Giao tiếp và hợp tác: Biết đặt ra mục đích giao tiếp và hiểu được vai trò quan trọng của việc đặt mục tiêu trước khi giao tiếp. Hiểu được nội dung và phương thức giao tiếp cần phù hợp với mục đích giao tiếp và biết vận dụng để giao tiếp hiệu quả.

- Năng lực Địa lí

+ Nhận thức khoa học Địa lí: Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được la bàn để xác định phương hướng ngoài thực tế.

+ Tìm hiểu Địa lí: Tổ chức học tập ngoài thực địa để xác định phương hướng trên thực tế.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập.
- Nhân ái: Tôn trọng ý kiến của người khác, có ý thức học hỏi lẫn nhau.
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập (cá nhân/nhóm).

4. HSKT

Học sinh biết xác định phương hướng trong thực tế

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- La bàn, điện thoại thông minh có la bàn.
- Tranh ảnh, video về hướng dẫn tìm phương hướng trong thực tế.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động mở đầu

a. Mục tiêu

Kết nối vào bài học

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh.

- Một hôm mẹ nhờ Minh đi chợ mau hộ mẹ mớ rau, nhưng đi được nửa đường, Minh lại không nhớ mình nên đi hướng nào để đến chợ.
- Em hãy nêu một số đề xuất để giúp bạn Minh tìm được đường đến chợ nhé.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS tham gia trò chơi bằng cách giơ tay nhanh nhất.

Bước 3: HS báo cáo kết quả nhiệm vụ.

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs, dựa vào phần trả lời của học sinh để vào bài mới.

2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Xác định phương hướng bằng la bàn

a. Mục tiêu

- Thực hành xác định được phương hướng trên thực tế dựa vào la bàn.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh

- La bàn là gì?
- Cấu tạo của la bàn.
- Kể tên một số loại la bàn thông dụng?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS.

Bước 3: Trao đổi thảo luận và báo cáo kết quả

- Học sinh báo cáo kết quả làm việc.
- Các học sinh khác có ý kiến nhận xét, bổ sung.
- Giáo viên hướng dẫn học sinh sử dụng các loại la bàn thông dụng

La bàn trên điện thoại thông minh	La bàn cầm tay
- Bước 1: Mở ứng dụng la bàn trên điện thoại của bạn rồi giữ phần thân điện thoại bằng phẳng trong lòng bàn tay của bạn. Tuy nhiên tốt hơn hết là bạn nên bề mặt phẳng khác như mặt bàn hay sàn nhà để làm theo những chỉ dẫn tiếp theo trên màn hình, điều này có lợi hơn trong cách coi la bàn chính xác. - Bước 2: Tiến hành thao tác nghiêng thiết bị điện thoại di động của mình để bộ cảm biến được hoạt động sao cho chấm đỏ trên màn hình xoay xung quanh hình tròn. - Bước 3: Giữ cố định điện thoại trên tay bạn sao cho định vị được đúng phương	Bước 1: Điều chỉnh độ lệch từ thiên bằng việc tuân theo những hướng dẫn để căn góc một cách chính xác. Bước 2: Sử dụng góc phương vị theo thực tế nơi bạn đứng được xác định vị trí trên bản đồ Bước 3: Kết hợp góc phương vị cùng bản đồ để xác định vị trí của bạn và kẻ 1 đường thẳng dọc theo cạnh thẳng của chiếc la bàn, điểm giao đường thẳng theo cột mốc ra dọc con đường bạn đang đi chính là vị trí hiện tại của bạn, từ đó các bạn có thể dễ dàng xác định các hướng la bàn cần đi.

hướng cần tìm (trong phạm vi 30 – 40 độ các hướng đông tây nam bắc). - Bước 4: Chạm vào bề mặt la bàn trên màn hình để giữ cho la bàn không tiếp tục xoay nữa từ đó bạn có thể dễ dàng di chuyển theo hướng đã chỉ dẫn. Chỉ với 4 bước cơ bản các bạn đã có thể thực hiện các thao tác cách xem la bàn trên điện thoại di động, mặc dù vậy khi xem trên điện thoại di động cũng gặp một số hạn chế như hết pin hay khó giữ cố định phương hướng trên la bàn ở màn hình điện thoại.	

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh

- Chuẩn kiến thức:

1. Xác định phương hướng bằng la bàn

a. Cấu tạo la bàn

- Kim nam châm làm băng kim loại có từ tính, thường có dạng hình thoi. Đầu kim bắc và đầu kim nam có màu khác nhau để phân biệt, đầu kim bắc thường có màu đậm hơn.

-Vòng chia độ: Trên vòng chia độ có ghi bốn hướng chính và số độ từ 0° đến 360°.

b. Cách sử dụng

Đặt la bàn thăng bằng trên mặt phẳng, tránh xa các vật băng kim loại có thể ảnh hưởng tới kim nam châm. Mở chốt hãm cho kim chuyền động, đến khi kim đứng yên, ta đã xác định được hướng bắc - nam, từ đó xác định các hướng

Hoạt động 2: Xác định phương hướng dựa vào quan sát hiện tượng tự nhiên

a. Mục tiêu

- Thực hành xác định được phương hướng trên thực tế dựa vào quan sát các hiện tượng tự nhiên.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: Dựa vào thông tin SGK và hiểu biết của bản thân, em hãy cho biết chúng ta có thể xác định được phương hướng dựa vào những hiện tượng tự nhiên nào?

Nhiệm vụ 2: Dựa vào thông tin SGK, kết hợp hình ảnh sau, các em hãy thảo luận cặp đôi và cho biết:

- Hướng MT mọc, hướng MT lặn?
- Dựa vào vị trí người đang đứng hãy xác định 4 phương hướng chính?
- Khi đã xác định được phương hướng để di chuyển đúng hướng chúng ta cần chú ý điều gì?

Nhiệm vụ 3: Dựa vào nội dung SGK, hình 8.3 và và thông tin trong link sau

https://tindaumoi.com/cach-xac-dinh-huong-dong-tay-nam-bac.html

em hãy cho biết để xác định phương hướng dựa vào sự di chuyển có bóng nắng cần chuẩn bị vật liệu gì? Các bước tiến hành hoạt động như thế

Bước 3: Trao đổi thảo luận và báo cáo kết quả

- Các nhóm báo cáo kết quả làm việc.
- Các học sinh khác có ý kiến nhận xét, bổ sung.
- Giáo viên hướng dẫn học sinh điều chỉnh, hoàn thiện kết quả và ghi chép kiến thức, chốt lại nội dung học tập.

***Mặt trời luôn di chuyển từ Đông sang Tây.**

Bạn có thể xác định bằng cách sử dụng mặt trời để xác định hướng Đông – Tây trước rồi suy ra hướng Bắc Nam theo phương pháp dưới đây. Giơ 2 tay lên như hình, tay phải chỉ về phía mặt trời mọc ta có:

+ Tay trái chỉ hướng Tây
+ Tay phải chỉ hướng Đông
+ Sau lưng là hướng Nam
+ Trước mặt là hướng Bắc

HSKT: Em hãy xác 4 hướng tại vị trí của em đang đứng.

Lưu ý: Khi sử dụng phương pháp này thì buổi sáng bạn chỉ tay phải về phía mặt trời mọc. Ngược lại, buổi chiều cần chỉ tay trái về phía mặt trời lặn.

***Xác định phương hướng dựa vào quan sát sự dịch chuyển của bóng nắng**

1. Thu thập vật liệu. Mặt trời mọc ở hướng Đông và lặn ở hướng Tây, do đó bóng của mặt trời đổ xuống cũng luôn chuyển động theo hướng đó, và bạn có thể quan sát sự chuyển động của bóng mặt trời để định hướng. Phương pháp này cần có:

Một chiếc cọc thẳng dài khoảng 0,6 – 1,5 mét

Một chiếc que dài khoảng 30 cm

Hai hòn đá hoặc các vật khác (đủ nặng để không bị gió thổi sang chỗ khác).

2. Cắm cọc thẳng đứng trên mặt đất. Đặt một hòn đá đánh dấu đầu bóng cọc trên mặt đất.

3. Chờ khoảng 15-20 phút. Bóng cọc sẽ di chuyển. Dùng hòn đá thứ hai đánh dấu vị trí mới của đầu bóng cọc. Nếu có thời gian, bạn hãy chờ thêm và dùng đá đánh dấu các vị trí bóng di chuyển.

4. Nối các điểm đã đánh dấu. Bạn có thể vẽ một đường thẳng trên mặt đất giữa hai điểm, hoặc dùng chiếc que ngắn hơn để nối hai điểm. Cái bóng sẽ di chuyển ngược hướng mặt trời, do đó đường thẳng này xác định đường Đông – Tây: điểm đầu tiên đại diện cho hướng Tây, và điểm thứ hai đại diện cho hướng Đông (Do MT mọc ở phía tây và lặn ở phía đông, nên khi MT dịch chuyển về phía tây, bóng sẽ đổ về phía đông).

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh

- Chuẩn kiến thức:

2. Xác định phương hướng dựa vào quan sát hiện tượng tự nhiên

Dựa vào hướng Mặt Trời mọc và lặn có thể xác định được phương hướng một cách tương đối chính xác

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu

- Củng cố các kiến thức đã học trong bài

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh: Dựa vào hướng Măt Trời mọc buổi sáng, hãy xác định phương hướng nơi em đang đứng.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc

Bước 4: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs..

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu

Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh

- GV chia lớp thành 8 nhóm để xác định hướng cửa ra vào lớp học, hướng từ trong trường ra cổng trường.
- Nhóm 1,3: Sử dụng la bàn cầm tay
- Nhóm 2,4: Sử dụng la bàn trên điện thoại thông minh.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs.

Bước 4: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs.

Dặn dò hs chuẩn bị bài mới:

Bài 10: CẤU TẠO CỦA TRÁI ĐẤT. CÁC MẢNG KIẾN TẠO+ Nhóm 1: Tìm hiểu đặc điểm của lớp vỏ Trái Đất.

+ Nhóm 2: Tìm hiểu đặc điểm của lớp man -ti.

+ Nhóm 3: Tìm hiểu đặc điểm của lớp nhân

	Lớp vỏ	Lớp manti	Lớp nhân
Độ dày			
Trạng thái			
Nhiệt độ.			

TIẾT 14 **Bài 10: CẤU TẠO CỦA TRÁI ĐẤT. CÁC MẢNG KIẾN TẠO**

(Thời gian thực hiện 1 tiết)

ND: 19/10/2023

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được cấu tạo của Trái Đất gồm ba lớp.
- So sánh đặc điểm về độ dày, trạng thái, nhiệt độ của các lớp cấu tạo bên trong của TĐ.
- Xác định được trên lược đồ các mảng kiến tạo lớn, đới tiếp giáp của hai mảng xô vào nhau.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống.

+ Giao tiếp và hợp tác: Biết đặt ra mục đích giao tiếp và hiểu được vai trò quan trọng của việc đặt mục tiêu trước khi giao tiếp. Hiểu được nội dung và phương thức giao tiếp cần phù hợp với mục đích giao tiếp và biết vận dụng để giao tiếp hiệu quả.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phát hiện ra vấn đề, đề xuất và lựa chọn giải pháp phù hợp về vấn đề khai thác sử dụng năng lượng địa nhiệt.

- Năng lực Địa lí

+ Nhận thức khoa học Địa lí: Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Mô tả được cấu tạo bên trong của Trái Đất,

+ Tìm hiểu Địa lí: Sử dụng các công cụ địa lí: Tranh ảnh, video, đoạn văn bản… để tìm hiểu cấu tạo bên trong của TĐ.

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Biết tìm kiếm các thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật tri thức, số liệu, liên hệ thực tế để hiểu sâu sắc hơn kiến thức địa lí.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập.
- Nhân ái: Tôn trọng ý kiến của người khác, có ý thức học hỏi lẫn nhau.
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập (cá nhân/nhóm). Có ý thức bảo vệ Trái Đất.

4. HSKT

Học sinh nêu tên được các lớp của vỏ trái đất

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Sơ đồ cấu trúc bên trong của Trái Đất
- Video về cấu tạo của Trái đất và các địa mảng.
- Phiếu học tập
- Lược đồ các địa mảng của lớp vỏ TĐ.
- Thiết bị điện tử.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động mở đầu

a. Mục tiêu

Kết nối vào bài học

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh.

- Mời 2 học sinh tham gia trò chơi bốc trứng
- Bạn nào bốc nhanh và đẹp nhất sẽ giành chiến thắng

? Quả trứng có mấy lớp, mối liên hệ giữa quả trứng và trái Đất chúng ta.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS tham gia trò chơi

Bước 3: HS trưng bày sản phẩm và trả lời câu hỏi

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs, dựa vào phần trả lời của học sinh để vào bài mới.

2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Cấu tạo bên trong của Trái đất

a. Mục tiêu

- Mục tiêu
- Trình bày được cấu tạo của Trái Đất gồm ba lớp.
- So sánh đặc điểm về độ dày, trạng thái, nhiệt độ của các lớp cấu tạo bên trong của TĐ.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: Dựa vào thông tin SGK, hình 1 và hiểu biết của mình, em hãy cho biết:

- Để biết cấu trúc bên trong của TĐ, các nhà khoa học phải tiến hành biện pháp gì?

Giải thích vì sao họ lựa chọn phương án đó?

HSKT: Em hãy cho biết cấu tạo Trái đất gồm bao nhiêu lớp, nêu tên các lớp?

Nhiệm vụ 2: Hoạt động cặp nhóm để tìm hiểu về cấu tạo bên trong của Trái Đất.

+ Nhóm 1: Tìm hiểu đặc điểm của lớp vỏ Trái Đất.

+ Nhóm 2: Tìm hiểu đặc điểm của lớp man - ti.

+ Nhóm 3: Tìm hiểu đặc điểm của lớp nhân

	Lớp vỏ	Lớp manti	Lớp nhân
Độ dày			
Trạng thái			
Nhiệt độ.			

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS thực hiện các nhiệm vụ cá nhân/cặp đôi.

Bước 3: Trao đổi thảo luận và báo cáo kết quả

- Cá nhân/nhóm báo cáo kết quả làm việc.
- Các học sinh khác có ý kiến nhận xét, bổ sung.
- Giáo viên hướng dẫn học sinh điều chỉnh, hoàn thiện kết quả và ghi chép kiến thức, chốt lại nội dung học tập.

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh

- Chuẩn kiến thức:

1. Cấu tạo bên trong của Trái đất

- Cấu tạo của Trái Đất gồm 3 lớp

+ Lớp vỏ TĐ

+ Lớp Manti (trung gian)

+ Lớp lõi TĐ

- Đặc điểm của các lớp

Lớp	Độ dày	Trạng thái	Nhiệt độ
Vỏ Trái Đất	5 ->70 km	Rắn chắc	Càng sâu nhiệt độ càng cao, tối đa 1000^{0}C
Lớp trung gian	2900 km	1500^{0}C-3700^{0}C	Từ quánh dẻo đến rắn
Lõi Trái Đất	3400 km	Khoảng 5000^{0}C	Lỏng đến rắn

- Lớp vỏ TĐ có vai trò rất quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của con người và các loài sinh vật.

Hoạt động 2: Các địa mảng (mảng kiến tạo)

a. Mục tiêu

- Xác định được trên lược đồ các mảng kiến tạo lớn, đới tiếp giáp của hai mảng xô vào nhau.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: Dựa vào thông tin SGK, hình , em hãy:

- Kể tên các địa mảng lớn của TĐ?
- Việt Nam nằm ở địa mảng nào?
- Tại sao các mảng kiến tạo này có thể dịch chuyển?

Nhiệm vụ 2: Xác định trên hình 2, các mảng xô vào nhau và đới tiếp giáp của các địa mảng đó?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS.

Bước 3: Trao đổi thảo luận và báo cáo kết quả

- Các nhóm báo cáo kết quả làm việc.
- Các học sinh khác có ý kiến nhận xét, bổ sung.
- Giáo viên hướng dẫn học sinh điều chỉnh, hoàn thiện kết quả và ghi chép kiến thức, chốt lại nội dung học tập.

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh

- Chuẩn kiến thức:

2. Các địa mảng (mảng kiến tạo)
- Mảng kiến tạo là thạch quyển được chia cắt bởi các đứt gãy sâu thành các mảng.
- Các mảng di chuyển rất chậm, có thể tách xa nhau, xô vào nhau => sinh ra động đất, núi lửa.

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu

- Củng cố các kiến thức đã học trong bài

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh: Mô tả cấu tạo bên trong của Trái Đất bằng hình vẽ Trong thời gian 2 phút, em hãy dùng compa vẽ lát cắt bổ đôi của Trái đất và điền tên các lớp

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc

Bước 4: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs..

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu

Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh

- Vẽ tranh tuyên truyền bảo vệ Trái Đất - Hành tinh xanh của chúng ta

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: HS báo cáo kết quả

Bước 4: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs.

Dặn dò hs chuẩn bị bài mới:

Bài 11: QUÁ TRÌNH NỘI SINH VÀ QUÁ TRÌNH NGOẠI SINH.

	Quá trình nội sinh	**Quá trình ngoại sinh**
Nguồn gốc		
Tác động đến địa hình		
Đối tượng tác động		

TIẾT 15 Bài 11: Quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh.
Hiện tượng tạo núi
(Thời gian thực hiện 1 tiết)

ND: 25/10/2023

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Biết được khái niệm quá trình nội sinh, ngoại sinh.
- Phân biệt được quá trình nội sinh và ngoại sinh.
- Phân tích được tác động của nội sinh và ngoại sinh đến địa hình bề mặt TĐ.
- Trình bày được tác động đồng thời của quá trình nội sinh và ngoại sinh trong hiện tượng tạo núi.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống.

+ Giao tiếp và hợp tác: Biết đặt ra mục đích giao tiếp và hiểu được vai trò quan trọng của việc đặt mục tiêu trước khi giao tiếp. Hiểu được nội dung và phương thức giao tiếp cần phù hợp với mục đích giao tiếp và biết vận dụng để giao tiếp hiệu quả.

- Năng lực Địa lí

+ Nhận thức khoa học Địa lí: Nhận biết và phân tích được quan hệ nhân quả trong mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên. Nhận biết và phân tích được quan hệ nhân quả trong mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên.

+ Tìm hiểu Địa lí : Sử dụng các công cụ địa lí: Tranh ảnh, video, đoạn văn bản… để tìm hiểu về quá trình nội sinh, ngoại sinh, quá trình tạo núi và giải thích các hiện tượng tự nhiên.

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Biết tìm kiếm các thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật tri thức, số liệu, liên hệ thực tế để hiểu sâu sắc hơn kiến thức địa lí.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập.
- Nhân ái: Tôn trọng ý kiến của người khác, có ý thức học hỏi lẫn nhau.
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập (cá nhân/nhóm). Bảo vệ Trái Đất và chủ động ứng phó với thiên tai.
- Yêu nước: Tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên.

4. HSKT:

Học sinh phân biệt được quá trình nội sinh và ngoại sinh

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Hình ảnh và các video về tác động của quá trình nội sinh, ngoại sinh, hiện tượng tạo núi.
- Hình ảnh các dạng địa hình do tác động của nội sinh ngoại sinh tạo thành.
- Phiếu học tập. trò chơi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động mở đầu

a. Mục tiêu

Kết nối vào bài học

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- Khởi động với trò chơi **VÒNG QUAY ĐỊA LÍ**
- Gồm 4 câu hỏi:

Câu 1: Đỉnh núi cao nhất thế giới?

Câu 2: Hoang mạc rộng lớn nhất thế giới?

Câu 3: Con sông có diện tích lưu vực lớn nhất thế giới?

Câu 4: Nơi sâu nhất trên bề mặt Trái Đất?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS tham gia trò chơi bằng cách giơ tay nhanh nhất.

Bước 3: HS báo cáo kết quả nhiệm vụ.

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

Bề mặt Trái Đất không bằng phẳng mà rất lồi lõm. Những nơi cao là vùng núi, cao nhất là đỉnh Ê-vơ-rét (Chô-mô-lung-ma) với độ cao 8 848 m. Những nơi thấp là những vực sâu dưới đáy đại dương, sâu nhất là vực Ma-ri-an với độ sâu khoảng 11 000 m. Theo em, điều gì khiến bề mặt Trái Đất lồi lõm như vậy?

2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh

a. Mục tiêu

- Biết được khái niệm quá trình nội sinh, ngoại sinh.
- Phân biệt được quá trình nội sinh và ngoại sinh.
- Phân tích được tác động của nội sinh và ngoại sinh đến địa hình bề mặt TĐ.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Nhiệm vụ 1: Dựa vào hiểu biết của mình, em hãy cho biết theo nghĩa hán việt nội sinh và ngoại sinh là gì?
- Nhiệm vụ 2: Hoạt động cặp đôi để phân biệt sự khác nhau của 2 quá trình nội sinh và ngoại sinh.
- Hoạt động cặp đôi trong thời gian 3p để hoàn thiện nội dung phiếu học tập.

	Quá trình nội sinh	**Quá trình ngoại sinh**
Nguồn gốc		
Tác động đến đại hình		
Đối tượng tác động		

Nhiệm vụ 3: Thử tài dự đoán

- HSKT: Trong các hình 1, 2, 3, 4 hình nào thể hiện tác động chủ yếu của quá trình nội sinh, hình nào thể hiện tác động chủ yếu của quá trình ngoại sinh.
- Địa hình bề mặt Trái Đất sẽ thay đổi như thế nào trong các trường hợp sau? Giải thích nguyên nhân của dự đoán đó?

+ Nội sinh mạnh hơn ngoại sinh?

+ Nội sinh yếu hơn ngoại sinh?

+ Khi hai quá trình tác động bằng nhau?

- Mối quan hệ của 2 quá trình này trong quá trình hình thành địa hình bề mặt TĐ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS thực hiện các nhiệm vụ cá nhân/cặp đôi.

Bước 3: Trao đổi thảo luận và báo cáo kết quả

- Cá nhân/nhóm báo cáo kết quả làm việc.
- Các học sinh khác có ý kiến nhận xét, bổ sung.
- Giáo viên hướng dẫn học sinh điều chỉnh, hoàn thiện kết quả và ghi chép kiến thức, chốt lại nội dung học tập.

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh
- Chuẩn kiến thức:

1. Quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh.

	Quá trình nội sinh	Quá trình ngoại sinh
Nguồn gốc	Quá trình xảy ra trong lòng Trái Đất.	Quá trình xảy ra bên ngoài, trên bề mặt đất.
Tác động đến địa hình	Xu hướng tạo nên sự gồ ghề của bề mặt Trái Đất.	Xu hướng san bằng địa hình, làm bề mặt bằng phẳng hơn.
Đối tượng tác động	Các dạng địa hình có quy mô lớn như châu lục, miền núi, cao nguyên.	Các dạng địa hình có quy mô nhỏ.

Hoạt động 2: Hiện tượng tạo núi

a. Mục tiêu

- Trình bày được tác động đồng thời của quá trình nội sinh và ngoại sinh trong hiện tượng tạo núi.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: Nhiệm vụ: Quan sát đoạn video, hình 5 trong SGK và hiểu biết của mình, các em hãy trao đổi và phân tích vai trò quá trình nội sinh và ngoại sinh trong việc hình thành dạng địa hình núi.

Nhiệm vụ 2: Xác định trên hình 2, các mảng xô vào nhau và đới tiếp giáp của các địa mảng đó?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS.

Bước 3: Trao đổi thảo luận và báo cáo kết quả

- Gọi nhóm bất kì trả lời câu hỏi.
- Các nhóm khác có ý kiến nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh
- Chuẩn kiến thức:

2. Hiện tượng tạo núi
- Nội sinh: Sự dịch chuyển và xô đẩy lẫn nhau của các mảng kiến tạo ở bên trong lòng Trái Đất đã khiến cho bề mặt Trái Đất nhô lên thành núi.
- Ngoại sinh: Qua thời gian, dưới tác động của ngoại sinh (dòng chảy, gió, nhiệt độ,...) làm thay đổi hình dạng của núi: các đỉnh núi tròn hơn, sườn núi bớt dốc, độ cao giảm xuống...

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu

- Củng cố các kiến thức đã học trong bài

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh: Dựa vào thông tin SGK và hiểu biết của bản thân, hãy cho biết tác động của nội sinh và ngoại sinh đến bề mặt địa hình Trái Đất.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc

Bước 4: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs..

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu

Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Thu thập một số hình ảnh về các dạng địa hình do gió, nước…tạo thành và chia sẻ với bạn.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ tại nhà

Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc tiết học sau

Bước 4: Dặn dò hs chuẩn bị bài mới: **Ôn tập giữa Học kì I**

Học sinh về ôn lại các kiến thức về

+ Hệ thống kinh tuyến, vĩ tuyến.
+ Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt trời
+ Chuyển động của TĐ quanh Mặt Trời và hệ quả
+ Hình dạng kích thước của Trái đất

TIẾT 16 **ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I**

(Thời gian thực hiện 1 tiết)

ND: 26/10/2023

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Học sinh hệ thống lại kiến thức

- Hệ thống kinh vĩ tuyến. Toạ độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ
- Các yếu tố cơ bản của bản đồ

- Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời
- Hình dạng, kích thước Trái Đất
- Chuyển động của Trái Đất và hệ quả địa lí
- Tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản
- So sánh được giờ của hai địa điểm trên Trái Đất

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí: Sử dụng bản đồ và sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh để xác định nội dung theo yêu cầu của giáo viên.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học;
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Thực hiện, tuyên truyền cho người thân về những giá trị mà bài học mang lại
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

4. HSKT

Học sinh nắm được các khái niệm kinh tuyến, vĩ tuyến, kinh tuyến gốc, vĩ tuyến gốc. Vị trí của Trái đất trong hệ Mặt trời

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Ma trận, bảng đặc tả, đề cương

2. Học sinh

- Bảng phụ

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

1. Hoạt động mở đầu

a. Mục tiêu: Kết nối vào bài học, tạo hứng thú cho học sinh

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi "Ai nhanh hơn". GV phổ biến luật chơi, thời gian chơi:

Mỗi dãy bàn là 1 đội, các đội thi: Ghi lên bảng những từ, cụm từ ngắn gọn gọi tên những đơn vị kiến thức mà mình đã được tìm hiểu trong phân môn địa lí 6 từ đầu HK1.

Bước 2: HS tham gia trò chơi.

Bước 3: HS trả lời câu hỏi.

Bước 4: GV nhận xét và kết nối vào bài mới.

2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: HỆ THỐNG KINH TUYẾN, VĨ TUYẾN. BẢN ĐỒ- PHƯƠNG TIỆN THỂ HIỆN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT

a. Mục đích: HS hoàn thành nội dung các bảng nhằm ôn lại kiến thức

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: HS làm việc theo nhóm hoàn thành phiếu bài tập sau

Nhiệm vụ 1: Dựa vào Kiến thức đã học em hãy cho biết thế nào là kinh tuyến, vĩ tuyến, kinh tuyến gốc, Xích đạo, tỉ lệ bản đồ. (ưu tiên gọi HSKT)

Nhiệm vụ 2: Dựa vào các tỉ lệ bản đồ sau đây: 1 : 500 000 và 1 : 9 000 000, cho biết 5 cm trên mỗi bản đồ tương ứng với bao nhiêu ki-lô-mét trên thực tế.

GỢI ý:

- Bản đồ tỉ lệ 1 : 500 000 thì 5cm tương ứng 25 km ngoài thực địa.
- Bản đồ tỉ lệ 1 : 9 000 000 thì 5 cm tương ứng 450 km ngoài thực địa.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS: Trình bày kết quả

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

Hoạt động 2: TRÁI ĐẤT – HÀNH TINH CỦA HỆ MẶT TRỜI

a. Mục tiêu

- Cho biết các hành tinh, vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời.
- Mô tả được hình dạng, kích thước Trái Đất.
- Mô tả được chuyển động của Trái Đất: quanh trục và quanh Mặt Trời
- Nhận biết được giờ địa phương, giờ khu vực (múi giờ).
- Trình bày được nguyên nhân, biểu hiện mùa trên Trái đất.
- Liên hệ thực tiễn để so sánh được hệ quả quay quanh mặt trời của Trái Đất giữa hai bán cầu

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: HĐ cá nhân:

Em hãy dựa vào kiến thức đã học cho biết các hành tinh, vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời.

- Mô tả được hình dạng, kích thước Trái Đất.

Nhiệm vụ 2: GV: HS làm việc theo nhóm hoàn thành phiếu bài tập sau:

	Mùa trên Trái đất	**Hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa**
Nguyên nhân		

Biểu hiện		

Nhiệm vụ 3: Một trận bóng đá diễn ra ở Việt Nam lúc 20 giờ ngày 14/ 10/2023 (múi giờ thứ 7) thì lúc này ở Hàn Quốc (múi giờ thứ 9) là mấy giờ ?

- Bước 3: Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét bổ sung.
- Bước 4: Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Học sinh củng cố lại nội dung đã ôn tập

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: HS hoàn thành hệ thống câu hỏi trắc nghiệm trên màn chiếu.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS: Trình bày kết quả

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng

HS: Lắng nghe, ghi bài

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học để thực hiện nhiệm vụ thực tiễn liên quan.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Sưu tầm các câu ca dao tục ngữ liên quan đến thời tiết, khí hậu của Việt Nam

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

+ HS làm việc theo yêu cầu.

+ HS làm việc ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

+ Tiết sau GV cho các bạn giới thiệu sản phẩm

Bước 4: Kết luận

+ GV khen ngợi tinh thần học tập của học sinh

Nhắc HS chuẩn học bài chuẩn bị kiểm tra giữa kì

TIẾT 17 **Bài 12: Núi lửa và động đất**

(Thời gian thực hiện 1 tiết)

ND: 1/11/2023

I. MỤC TIÊU

Yêu cầu cần đạt

1. Kiến thức:

- Trình bày được nguyên nhân hình thành núi lửa, cấu tạo của núi lửa, biểu hiện trước khi núi lửa phun trào và hậu quả do núi lửa gây ra.
- Trình bày được thế nào là động đất, nguyên nhân gây ra động đất, dấu hiệu trước khi xảy ra động đất và hậu quả do động đất gây ra.
- Biết cách úng phó khi có núi lửa và động đất

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác:biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí: Sử dụng hình ảnh, sơ đồ để tìm hiểu cấu tạo. Biết tìm kiếm thông tin về các thảm hoạ do động đất và núi lửa gây ra. Có kĩ năng ứng phó khi động đất và núi lửa xảy ra.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Biết đồng cảm, chia sẻ, giúp đỡ những người ở khu vực chịu ảnh hưởng của động đất, núi lửa
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học

4. Hskt

Biết được cấu tạo của núi lửa

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Sơ đồ cấu tạo và hoạt động của núi lửa
- Tranh ảnh, video về động đất, núi lửa

2. Chuẩn bị của học sinh: sách giáo khoa, vở ghi..

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

1. Hoạt động mở đầu

a. Mục tiêu: Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- GV: HS quan sát một số video về núi lửa phun trào, động đất rồi cho HS nêu cảm nhận của mình.

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung
HS: Trình bày kết quả
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới

2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Núi lửa

a. Mục đích: HS biết được cấu tạo, nguyên nhân, hậu quả khi núi lửa xảy ra và dự báo nứi lửa doạt động

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Nhiệm vụ 1: HS đọc thông tin sgk

- HSKT: Cho biết các bộ phận của núi lửa
- HĐ cặp đôi: hoàn thành bảng kiến thức sau.

Nguyên nhân sinh ra núi lửa	
Hậu quả do núi lửa hoạt động gây ra	
Dấu hiệu nhận biết núi lửa chuẩn bị hoạt động	

Nhiệm vụ 2: Dựa vào các hình ảnh sau và thông tin SGK và các link sau
https://kenh14.vn/nui-lua-phun-trao-dang-so-nhu-vay-nhung-tai-sao-nhieu-nguoi-van-chon-o-ngay-gan-chung-20180605173720569.chn,
https://vnexpress.net/nhung-ngon-nui-lua-hang-tram-trieu-nam-o-gia-lai-4300433.html
em hãy cho biết:
- Sự phân bố của vành đai lửa Thái bình dương?
- Tại sao ở những khu vực núi lửa ngừng hoạt động lại có sức hấp dẫn lớn đối với dân cư? Liên hệ với Việt Nam?
- Để ứng phó với hoạt động núi lửa chúng ta cần làm gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập
GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ
HS: Suy nghĩ, trả lời
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
HS: Trình bày kết quả
GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
GV nhận xét và chuẩn kiến thức

1. Núi lửa
- Cấu tạo gồm: Lò mac-ma, miệng núi lửa, niệng phụ, ống phun.
- Khái niệm: Ở những nơi vỏ TĐ bị đứt gãy, các dòng mac-ma theo các khe nứt của vỏ TĐ phun trào lên bề mặt tạo thành núi lửa.
- Nguyên nhân: Do tác động của nội lực: nén ép lớp đất đá, đẩy vật chất từ dưới sâu lên mặt dất hình thành núi lửa.

- Hậu quả: Vùi lấp các thành thị, làng mạc, ruộng nương, gây thiệt hại lớn về người và tài sản.

Hoạt động 2: Động đất.

a. Mục tiêu

- HS biết được nguyên nhân, hậu quả của động đất

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: Dựa vào thông tin mục 2, hình 2 trong SGK, em hãy cho biết:

- Mô tả hiện tượng động đất?
- Nguyên nhân gây ra động đất?
- Hậu quả do động đất gây ra?
- Trước khi xảy ra động đất thường có các dấu hiệu nào?

Nhiệm vụ 2: Dựa vào mục em có biết, và hình ảnh sau, em hãy cho biết:

- Đơn vị để đo cường độ của động đất?
- Cường độ động đất được tính bằng thang Richter, được phân loại như thế nào?
- Kể tên một số trận động đất lớn trong lịch sử?

Nhiệm vụ 3: EM CÓ BIẾT

- Quan sát hình ảnh và cho biết đây là quốc gia nào?
- Tại sao Nhật Bản là đất nước của thiên tai?
- Vì sao trẻ em Nhật bình tĩnh trước thiên tai?

https://vijaexpress.com/vi-sao-tre-em-nhat-binh-tinh-truoc-thien-tai/

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS.

Bước 3: Trao đổi thảo luận và báo cáo kết quả

- Gọi HS bất kì trả lời câu hỏi.
- Các học sinh khác có ý kiến nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh

- Chuẩn kiến thức:

2. Động đất.

- Khái niệm: Động đất là những rung chuyển đột ngột mạnh mẽ của vỏ Trái Đất.
- Nguyên nhân: Do hoạt động của núi lửa, sự dịch chuyển của các mảng kiến tạo, đứt gãy trong vỏ Trái Đất.
- Hậu quả

+ Đổ nhà cửa, các công trình xây dựng, gây thiệt hại lớn về người và tài sản.
+ Có thể gây nên lở đất, biến dạng đáy biển, làm phát sinh sóng thần khi xảy ra ở biển.

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Học sinh củng cố lại nội dung đã ôn tập

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: Đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.

Câu 1: Bộ phận nào sau đây **không** phải của núi lửa?

A. Cửa núi. B. Miệng.

C. Dung nham. D. Mắc-ma.

Câu 2. Động đất nhẹ mấy độ rich-te?

A. 5 - 5,9 độ. B. 4 - 4,9 độ.

C. 6 - 6,9 độ. D. trên 7 độ.

Câu 3: Hiện nay, trên Trái Đất có khoảng trên bao nhiêu núi lửa hoạt động?

A. 200. B. 300.

C. 400. D. 500.

Câu 4: Dấu hiệu trước khi động đất xảy ra **không** phải là

A. Mực nước giếng thay đổi. B. Cây cối nghiêng hướng Tây.

C. Động vật tìm chỗ trú ẩn. D. Mặt nước có nổi bong bóng.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS: Trình bày kết quả

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng

HS: Lắng nghe, ghi bài

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học để thực hiện nhiệm vụ thực tiễn liên quan.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV: Nếu đang trong lớp học mà có động đất xảy ra, em sẽ làm gì để bảo vệ mình?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

+ HS làm việc theo yêu cầu.

+ HS làm việc ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

+ Tiết sau GV cho các bạn giới thiệu sản phẩm

Bước 4: Kết luận

+ GV khen ngợi tinh thần học tập của học sinh

Nhắc HS ôn bài tốt kiểm tra giữa học kì I

TIẾT 18 **KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

Thời gian thi: 4/11/2023

I. Mục tiêu

- Đánh giá về kiến thức, kĩ năng ở 3 mức độ nhận thức: nhận biết, thông hiểu và vận dụng các nội dung đã học:
- Hệ thống kinh vĩ tuyến. Toạ độ địa lí
- Các yếu tố cơ bản của bản đồ

Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời

- Hình dạng, kích thước Trái Đất
- Chuyển động của Trái Đất và hệ quả địa lí.

* HSKT: đạt 5/9 câu TN

- Đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm điều chỉnh nội dung dạy học và giúp đỡ học sinh một cách kịp thời đặc biệt HSKT

II. Hình thức kiểm tra

- Phân môn Địa lí: 6,5 đ

III. Xây dựng ma trận đề kiểm tra

- Có ma trận+ bảng đặc tả + đề kèm theo

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I – NĂM HỌC 2023-2024

MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6 THỜI GIAN LÀM BÀI 60 PHÚT

I. PHÂN MÔN LỊCH SỬ (3.5 ĐIỂM)

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	MỨC ĐỘ NHẬN THỨC				TỔNG SỐ CÂU HỎI		% TỔNG ĐIỂM
			NHẬN BIẾT	THÔNG HIỂU	VẬN DỤNG THẤP	VẬN DỤNG CAO	TNKQ	TL	
1	**TẠI SAO CẦN HỌC LỊCH SỬ?**	Lịch sử là gì?	1TN	1TL*			3TN 1TN*	2TL*	**10%**
		Dựa vào đâu để biết và dựng lại lịch sử?	2TN						
		Thời gian trong lịch sử	1TN*		1TL*				

2	**THỜI NGUYÊN THUỶ**	Nguồn gốc loài người	1TN*				1TN*	1TL(a,b)	**25%**
		Xã hội nguyên thuỷ *HSKT: đạt 1/3 câu TN		1TL (a)	TL (b)				
			10%	**15%**	**10%**		**10%**	**25%**	**35%**
II. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ (6.5 ĐIỂM)									
1	**BẢN ĐỒ - PHƯƠNG TIỆN THỂ HIỆN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT**	- Hệ thống kinh vĩ tuyến. Toạ độ địa lí - Các yếu tố cơ bản của bản đồ	3TN 3TN*		1TL	1TL*	3TN 1TN*	1TL* 1TL	**20%**
2	**TRÁI ĐẤT – HÀNH TINH CỦA HỆ MẶT**	- Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời - Hình dạng, kích thước Trái Đất	2 TN				6TN 1TN*	1 TL(a,b) 1TL*	**45%**

	TRỜI	- Chuyển động của Trái Đất và hệ quả địa lí. * HSKT: đạt 5/9 câu TN	2TN 2 TN	1TL (a)	1TL*	1TL (b)			
Tỉ lệ			***30%***	***15%***	***10%***	***10%***	***30%***	***35%***	***65%***
% Tổng điểm			***40%***	***30%***	***20%***	***10%***	***40%***	***60%***	***100%***

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I- NĂM HỌC 2022-2023

MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6 THỜI GIAN LÀM BÀI 60 PHÚT

I. PHÂN MÔN LỊCH SỬ							
Stt	**Nội dung kiến thức**	**Đơn vị kiến thức**	**Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra**	**Số câu hỏi theo mức độ nhận biết**			
				Nhận biết	**Thông hiểu**	**Vận dụng thấp**	**Vận dụng cao**
1	**TẠI SAO CẦN HỌC LỊCH SỬ?**	**1. Lịch sử là gì?** **2. Dựa vào đâu để biết và dựng lại lịch sử?**	**Nhận biết** - Nêu được khái niệm lịch sử - Nêu được khái niệm môn Lịch sử **Thông hiểu** - Giải thích được lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ - Giải thích được sự cần thiết phải học môn Lịch sử. **Nhận biết** - Nêu được một số khái niệm thời gian trong lịch sử: thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, trước Công nguyên, sau Công nguyên, âm lịch, dương lịch,… **Nhận biết**	1TN 2TN	TL*		

		3. Thời gian trong lịch sử	Nêu được một số khái niệm thời gian trong lịch sử: thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, trước Công nguyên, sau Công nguyên, âm lịch, dương lịch,… **Vận dụng** - Tính được thời gian trong lịch sử (thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, trước Công nguyên, sau Công nguyên, âm lịch, dương lịch,…).			TL*	

2	**THỜI NGUYÊN THUỶ**	**1. Nguồn gốc loài người** **2. Xã hội nguyên thuỷ**	**Nhận biết** Kể được tên được những địa điểm tìm thấy dấu tích của người tối cổ trên đất nước Việt Nam. **Thông hiểu** - Mô tả được sơ lược các giai đoạn tiến triển của xã hội người nguyên thuỷ. - Giải thích được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thuỷ cũng như của con người và xã hội loài người.	1TN*	1TL (a)	1TL(b)	
II. PHÂN MÔN ĐỊA LÝ							

1	BẢN ĐỒ - PHƯƠNG TIỆN THỂ HIỆN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT	- Hệ thống kinh vĩ tuyến. Toạ độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ - Các yếu tố cơ bản của bản đồ	**Nhận biết:** Xác định được trên bản đồ và trên quả Địa Cầu: kinh tuyến gốc, xích đạo, các bán cầu. **Nhận biết:** Đọc được các kí hiệu bản đồ và chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình. **Vận dụng:** Xác định được hướng trên bản đồ và tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản	3TN 3TN*		1TL	1TL*
2	TRÁI ĐẤT - HÀNH TINH CỦA HỆ MẶT TRỜI	Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời Hình dạng, kích thước Trái Đất Chuyển động của Trái Đất và hệ quả địa lí	**Nhận biết:** Xác định được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời. **Nhận biết**: Mô tả được hình dạng, kích thước Trái Đất và ý nghĩa. **Nhận biết:** Mô tả được chuyển động của Trái Đất: quanh trục và quanh Mặt Trời **Thông hiểu** - Nhận biết được giờ địa phương, giờ khu vực (múi giờ). - Trình bày được hiện	3TN 2TN			

			tượng ngày đêm luân phiên nhau - Trình bày được hiện tượng mùa, ngày đêm dài ngắn theo mùa **Vận dụng cao** - So sánh được giờ của hai địa điểm trên Trái Đất	1TN	1TL (a)		1TL(b)

UBND HUYỆN NÚI THÀNH

TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

ĐỀ CHÍNH THỨC

KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I

NĂM HỌC 2023-2024

Môn: LỊCH SỬ- ĐỊA LÍ lớp 6

Thời gian: 60 phút *(không kể thời gian giao đề)*

MÃ ĐỀ A

I. Trắc nghiệm (4.0 điểm): ***Chọn câu trả lời đúng nhất rồi ghi vào giấy kiểm tra.***

Câu 1. Lịch sử là gì?

A. Những gì đã diễn ra trong quá khứ.

B. Sự hiểu biết về những gì đã diễn ra.

C. Sự bái vọng đối với tổ tiên.

D. Ghi lại những gì đã diễn ra theo trật tự thời gian.

Câu 2. Trống đồng Đông Sơn thuộc loại tư liệu nào sau đây?

A. Tư liệu chữ viết.

B. Tư liệu hiện vật.

C. Tư liệu truyền miệng.

D. Không thuộc loại tư liệu nào.

Câu 3. Tư liệu chữ viết là:

A. những hình khắc trên bia đá.

B. những bản ghi; sách được in, khắc bằng chữ viết, vở chép tay…

C. những hình vẽ trên vách đá.

D. những câu truyện cổ tích.

Câu 4. Cho biết hệ tọa độ địa lí của Việt Nam là: vĩ độ: 23°23′B – 8°34′ B và kinh độ: 102°109′Đ – 109°24′Đ. Theo em vị trí địa lí nước ta:

A. Nằm hoàn toàn ở Bắc bán cầu và thuộc nửa cầu Đông.

B. Nằm hoàn toàn ở Nam bán cầu và thuộc nửa cầu Tây.

C. Nằm hoàn toàn ở Nam bán cầu và thuộc nửa cầu Đông.

D. Nằm hoàn toàn ở Bắc bán cầu và thuộc nửa cầu Tây.

Câu 5: Diện tích của Trái đất?

A.630 triệu km^2 B.510 triệu km^2

C.637 triệu km^2 D.40070km^2

Câu 6. Theo em Trái Đất hoàn thành một vòng tự quay quanh trục của mình trong khoảng thời gian.

A. Một mùa B. Một năm

C. Một ngày đêm D. Một tháng

Câu 7. Các đường nối liền hai điểm cực Bắc và cực Nam trên bề mặt quả Địa cầu là những đường?

A. Kinh tuyến. B. Kinh tuyến gốc.

C. Vĩ tuyến. D. Vĩ tuyến gốc.

Câu 8. Nguyên nhân chủ yếu trên Trái Đất lại tồn tại sự sống là do?

A. dạng hình cầu và thực hiện nhiều chuyển động.

B. khoảng cách phù hợp để nhận nhiệt và ánh sáng từ Trái Đất đến Mặt Trời.

B. kích thước rất lớn để nhận ánh sáng từ Mặt Trời.

D. sự phân bố xen kẽ nhau của lục địa và đại dương.

Câu 9: Vĩ tuyến gốc là đường:

A. Chí tuyến Bắc. B. Xích đạo.

C. Chí tuyến Nam. D. Hai vòng cực.

Câu 10. Vị trí thứ 3 trong Hệ Mặt Trời là hành tinh nào sau đây?

A. Sao thổ . B. Sao Mộc.

C. Sao Hỏa. D. Trái Đất.

Câu 11. Vào ngày nào trong năm ở hai nửa bán cầu đều nhận được một lượng ánh sáng và nhiệt như nhau?

A. Ngày 22/6 và ngày 22/12. B. Ngày 21/3 và ngày 23/9.

C. Ngày 21/6 và ngày 23/12. D. Ngày 22/3 và ngày 22/9.

Câu 12. Hành dạng của Trái đất?

A. Hình tròn. B. Hình vuông.

C. Hình cầu . D. Hình bầu dục.

<u>II. Tự luận:</u> (6.0 điểm)

Câu 1 (2,5 đ):

a. Em hãy trình bày những nét chính về đời sống vật chất và đời sống tinh thần của người nguyên thủy trên Trái đất.

b. Lao động có vai trò như thế nào trong việc làm thay đổi con người và cuộc sống của người nguyên thuỷ?

Câu 2 (1.0đ*):* Một bản đồ có tỉ lệ 1: 200.000, cho biết 5cm ở trên bản đồ tương ứng với bao nhiêu km ở trên thực địa.

Câu 3 (2.5 đ)

a. Nguyên nhân sinh ra hệ quả mùa trên Trái đất.

b. Một trận bóng đá diễn ra ở Việt Nam lúc 16 giờ ngày 14/ 9/2023 (GMT+7) thì lúc này ở Tô-ki-ô (GMT+ 9), Manila (GMT+ 8) là mấy giờ ?

UBND HUYỆN NÚI THÀNH

TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

ĐỀ CHÍNH THỨC

KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I

NĂM HỌC 2023-2024

Môn: LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ lớp 6

Thời gian: 60 phút *(không kể thời gian giao đề)*

MÃ ĐỀ B

I. Trắc nghiệm (4.0 điểm): ***Chọn câu trả lời đúng nhất rồi ghi vào giấy kiểm tra.***

Câu 1. Lịch sử là gì?

A. Những gì đã diễn ra trong quá khứ.

B. Sự hiểu biết về những gì đã diễn ra.

C. Sự bái vọng đối với tổ tiên.

D. Ghi lại những gì đã diễn ra theo trật tự thời gian.

Câu 2. Quá trình tiến hóa của loài người diễn ra như thế nào?

A. Người tối cổ- Người cổ – Người tinh khôn.

B. Vượn - Tinh Tinh - Người tinh khôn.

C. Vượn người - Người tối cổ - Người tinh khôn.

D. Vượn người - Người tinh khôn - Người tối cổ.

Câu 3. Bộ quốc sử "*Đại Việt sử kí toàn thư*" thuộc nguồn tư liệu nào?

A. Tư liệu truyền miệng. B. Tư liệu chữ viết.

C. Tư liệu gốc . D. Tư liệu hiện vật.

Câu 4. Mặt Trời và 8 hành tinh chuyển động xung quanh nó còn được gọi là:

A. Thiên hà. B. Hệ Mặt Trời.

C. Trái Đất. D. Dải ngân hà

Câu 5. So với mặt phẳng quỹ đạo, trục Trái Đất nghiêng một góc?

A. $23^0 27'$ B. $56^0 27'$

C. $66^0 63'$. D. $32^0 27'$

Câu 6: Theo quy ước, cách mấy năm sẽ có một năm nhuận dương lịch?

A. 1 năm B. 2 năm

C. 3 năm D. 4 năm

Câu 7. Những vòng tròn trên quả Địa cầu vuông góc với các kinh tuyến là những đường?

A. Kinh tuyến. B. Kinh tuyến gốc.
C. Vĩ tuyến. D. Vĩ tuyến gốc.

Câu 8: Kinh tuyến đi qua đài thiên văn Grin-uýt ở ngoại ô thành phố Luân Đôn (nước Anh) gọi là:

A. Kinh tuyến Đông. B. Kinh tuyến Tây.
C. Kinh tuyến 180^0. D. Kinh tuyến gốc.

Câu 9: Trên Địa cầu, nước ta nằm ở:

A. nửa cầu Bắc và nửa cầu Tây. B. nửa cầu Nam và nửa cầu Đông.

C. nửa cầu Nam và nửa cầu Tây. D. nửa cầu Bắc và nửa cầu Đông.

Câu 10. Hành tinh đứng đầu tiên trong Hệ Mặt Trời?

A. Sao Kim. B. Sao Thủy.
C. Trái Đất. D. Sao Hỏa.

Câu 11. Trái Đất có bán kính:

A. 6.387 km. B. 6.356 km.
C. 6.378 km. D. 6.365 km.

Câu 12. Kích thước và khối lượng của Trái đất đã tạo ra:

A. dạng hình cầu và thực hiện nhiều chuyển động.
B. khoảng cách phù hợp để nhận nhiệt và ánh sáng từ Trái Đất đến Mặt Trời.
C. lực hút giữ được các chất khí làm thành lớp vỏ khí bảo vệ mình
D. sự phân bố xen kẽ nhau của lục địa và đại dương.

II. Tự luận: (6.0 điểm)

Câu 1.(2,5 đ) :

a. Em hãy trình bày những nét chính đời sống vật chất và tinh thần của công xã thị tộc?

b. Lao động có vai trò như thế nào trong việc làm thay đổi con người và cuộc sống của người nguyên thuỷ?

Câu 2 (1.0 đ): Một bản đồ có tỉ lệ 1: 100.000, cho biết 5cm ở trên bản đồ tương ứng với bao nhiêu km ở trên thực địa.

Câu 3 (2.5 đ)

a. Nguyên nhân sinh ra hệ quả mùa trên Trái đất .

b. Một trận bóng đá diễn ra ở Việt Nam lúc 20 giờ ngày 18/ 9/2023 (GMT+ 7) thì lúc này ở Xơ-un (GMT+ 9), Ma-ni-la (GMT+ 8) là mấy giờ ?

ĐÁP ÁN- BIỂU ĐIỂM

ĐỀ A.

I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm) ***Mỗi câu trả lời đúng (0,33 điểm)***

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	B	B	A	B	C	A	B	B	D	B	C

HSKT: Đạt 6/12 câu TN (Phân môn sử 1/3 câu TN; phân môn địa 5/9 câu TN)

II. TỰ LUẬN: (6 điểm)

Phần	Nội dung	Điểm

Tự luận	**Câu 1. (2,5 điểm)** **a.** Đời sống vật chất và đời sống tinh thần của người nguyên thủy trên Trái đất. - Đời sống vật chất: Sống trong hang động, mái đá. Biết trồng trọt, chăn nuôi. - Đời sống tinh thần: Biết làm đồ trang sức, vẽ tranh trên vách đá, làm tượng bằng đá hoặc đất nung… Đã có tục chôn người chết và đời sống tâm linh. b. Lao động có vai trò như thế nào trong việc làm thay đổi con người và cuộc sống của người nguyên thuỷ. - Nhờ lao động và cải tiến công cụ lao động, đôi bàn tay của người nguyên thủy dần trở nên khéo léo hơn, cơ thể cũng dần biến đổi để thích ứng với các tư thế lao động. Con người đã từng bước tự cải biến và hoàn thiện mình và làm cho đời sống ngày càng phong phú hơn. **Câu 2 .(1 điểm)** Khoảng cách thực tế: 5 * 200.0000 = 1000.000 (cm) =10km **Câu 3 .(2,5 điểm):** a. Nguyên nhân: Do trục Trái Đất nghiêng và ko đổi hướng khi chuyển động trên quỹ đạo quanh MT, nên trong khi chuyển động, bán cầu Bắc và Nam lần lượt ngả về phía mặt trời. Từ đó, thời gian chiếu sáng và sự thu nhận lượng bức xạ Mặt Trời ở mỗi bán cầu đều có sự thay đổi luân phiên trong năm tạo nên các mùa. b. – Tô-ki-ô : 18 giờ ngày 14/ 9/2023 - Manila : 17 giờ ngày 14/9/2023	*0,75 đ* *0,75đ* *1 đ* *1đ* *1,5đ* *0,5đ* *0,5đ*

ĐÁP ÁN- BIỂU ĐIỂM

ĐỀ B.

I. TRẮC NGHIỆM: (4 điểm) ***Mỗi câu trả lời đúng (0,33 điểm)***

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	C	B	B	C	D	C	D	D	B	C	C

HSKT: Đạt 6/12 câu TN (Phân môn sử 1/3 câu TN; phân môn địa 5/9 câu TN)

II. TỰ LUẬN: (6 điểm)

Phần	**Nội dung**	**Điểm**

Tự luận	**Câu 1.(2,5điểm)** a. - Đời sống vật chất: + Biết trồng trọt, chăn nuôi, dệt vải và làm gốm. - Đời sống tinh thần: + Biết làm đồ trang sức tinh tế hơn, làm tượng bằng đá hoặc đất nung… + Đã có tục chôn cất người chết và đời sống tâm linh. b. Lao động có vai trò như thế nào trong việc làm thay đổi con người và cuộc sống của người nguyên thuỷ. - Nhờ lao động và cải tiến công cụ lao động, đôi bàn tay của người nguyên thủy dần trở nên khéo léo hơn, cơ thể cũng dần biến đổi để thích ứng với các tư thế lao động. Con người đã từng bước tự cải biến và hoàn thiện mình và làm cho đời sống ngày càng phong phú hơn, phong phú hơn. **Câu 2. (1 điểm):** Khoảng cách thực tế: 5 * 100.0000 = 500.000 (cm) =5km **Câu 3. (2,5 điểm):** a. Nguyên nhân: Do trục Trái Đất nghiêng và ko đổi hướng khi chuyển động trên quỹ đạo quanh MT, nên trong khi chuyển động, bán cầu Bắc và Nam lần lượt ngả về phía mặt trời. Từ đó, thời gian chiếu sáng và sự thu nhận lượng bức xạ Mặt Trời ở mỗi bán cầu đều có sự thay đổi luân phiên trong năm tạo nên các mùa. b. – Xơ-un : 22 giờ ngày 18/ 9/2023 - Ma-ni-la : 21 giờ ngày 18/9/2023	*0,5 đ* *0,5đ* *0,5đ* *1đ* *1 đ* *1,5đ* *0,5đ* *0,5đ*

TIẾT 19+ 20 Bài 13: CÁC DẠNG ĐỊA HÌNH CHÍNH TRÊN TRÁI ĐẤT. KHOÁNG SẢN

(Thời gian thực hiện: 2 tiết)

NS: 1/11/2023

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Phân biệt được các dạng địa hình chính trên Trái Đất.
- Kể được tên một số loại khoáng sản.
- Có ý thức bảo vệ và sử dụng tiết kiệm nguồn tàinguyên khoáng sản.- Đánh giá được vai trò của tài nguyên khoáng sản, định hướng khai thác hợp lí và liên hệ với Việt Nam.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống.

+ Giao tiếp và hợp tác: Biết đặt ra mục đích giao tiếp và hiểu được vai trò quan trọng của việc đặt mục tiêu trước khi giao tiếp. Hiểu được nội dung và phương thức giao tiếp cần phù hợp với mục đích giao tiếp và biết vận dụng để giao tiếp hiệu quả.

+ Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo: Phát hiện và làm rõ vấn đề.

- Năng lực Địa lí

+ Nhận thức khoa học Địa lí: Mô tả được đặc điểm cơ bản của các dạng địa hình trên bề mặt Trái Đất.

+ Tìm hiểu Địa lí: Sử dụng các công cụ địa lí: Tranh ảnh, video, đoạn văn bản… để tìm hiểu về các dạng địa hình và khoáng sản chính trên bề mặt Trái Đất.

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Biết tìm kiếm các thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật tri thức, số liệu, liên hệ thực tế để hiểu sâu sắc hơn kiến thức địa lí.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập.
- Nhân ái: Tôn trọng ý kiến của người khác, có ý thức học hỏi lẫn nhau.
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập (cá nhân/nhóm). Có ý thức bảo vệ tài nguyên, môi trường sinh thái.
- Yêu nước: Tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên.

4. HSKT

Phân biệt được các dạng địa hình chính trên Trái Đất.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Hình ảnh và các video về các dạng địa hình chính trên bề mặt TĐ.
- Hình ảnh và video giới thiệu một số loại khoáng sản chính.

- Phiếu học tập, trò chơi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động mở đầu

a. Mục tiêu

- Kết nối với bài học

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: Tác động của quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh không giống nhau ở mọi nơi trên Trái Đất đã tạo nên sự đa dạng về địa hình và khoáng sản. Trên bề mặt Trái Đất có các dạng địa hình chính và các loại khoáng sản nào? Dựa vào đâu để phân biệt chúng?

Bước 2: HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 3: HS báo cáo kết quả nhiệm vụ.

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Tìm hiểu về các dạng địa hình chính trên Trái Đất

a. Mục tiêu

- Phân biệt được các dạng địa hình chính trên Trái Đất.
- Phân tích được giá trị kinh tế của các dạng địa hình.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh

Nhiệm vụ 1: Hoạt động nhóm tìm hiểu về đặc điểm các dạng địa hình chính.

GV: HS quan sát hình ảnh và kiến thức SGK, thảo luận nhóm để hoàn thành bảng sau:

* HSKT: Cho biết các dạng địa hình chính trên TĐ?

* Hoạt động nhóm:

Nhóm 1,3,5: Trình bày điểm khác nhau giữa núi và cao nguyên; kể tên một số dãy núi lớn và cao nguyên trên thế giới.

Các dạng địa hình	Núi	Cao nguyên
Độ cao		
Hình thái		
Ví dụ		

Nhóm 2,4,6: Trình bày điểm khác nhau đồi và đồng bằng; kể tên một số đồi và đồng bằng mà em biết.

	Đồi	Đồng bằng
Độ cao		
Hình thái		
Ví dụ		

Nhiệm vụ 2: Em hãy cho biết giá trị kinh tế của các dạng địa hình.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS thực hiện các nhiệm vụ cá nhân/nhóm.

Bước 3: Trao đổi thảo luận và báo cáo kết quả

- Cá nhân/nhóm báo cáo kết quả làm việc.
- Các học sinh khác có ý kiến nhận xét, bổ sung.
- Giáo viên hướng dẫn học sinh điều chỉnh, hoàn thiện kết quả và ghi chép kiến thức, chốt lại nội dung học tập.

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh
- Chuẩn kiến thức:

1. Các dạng địa hình chính

a. Núi: Là dạng địa hình nhô cao rõ rệt so với mặt bằng xung quanh. Độ cao của núi so với mực nước biển là từ 500m trở lên. Núi thường có đỉnh nhọn, sườn dốc.

b. Đồi: Là dạng địa hình nhô cao. Độ cao của đồi so với vùng đất xung quanh thường không quá 200m. Đồi có đỉnh nhọn, sườn thoải.

c. Cao nguyên: Là vùng đất tương đối bằng phẳng hoặc gợn sóng, thường cao trên 500m so với mực nước biển, có sườn dốc, nhiều khi dựng đúng thành vách so với vùng đất xung quanh.

d. Đồng bằng: Là dạng địa hình thấp có bề mặt khá bằng phẳng hoặc hơi gợn sóng, có thể rộng tới hàng triệu km2. Độ cao của hầu hết đồng bằng là dưới 200m so với mực nước biển.

Hoạt động 2. Tìm hiểu về các loại khoáng sản

a. Mục tiêu

- Kể tên một số loại khoáng sản. Phân loại khoáng sản theo công dụng.
- Đánh giá được vai trò của tài nguyên khoáng sản, định hướng khai thác hợp lí và liên hệ với Việt Nam.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh

Nhiệm vụ 1: Dựa vào thông tin SGK và hiểu biết của mình, em hãy cho biết:

- Khoáng sản là gì?
- Khoáng sản có thể tồn tại ở những dạng nào? Cho ví dụ?
- Dựa vào công dụng khoáng sản được phân loại như thế nào?

Nhiệm vụ 2: Dựa vào nội dung SGK và hiểu biết của mình:

- Em hãy cho biết trong các đối tượng sau, đâu là khoáng sản: nhựa, than đá, gỗ, cát, xi măng, thép, đá vôi? Giải thích?
- Hãy kể tên ít nhất một vật dụng hằng ngày em thường sử dụng được làm từ khoảng sản?
- Kể tên một số loại khoáng sản chính ở nơi em đang sống.

Nhiệm vụ 3: Hoạt động nhóm

- Dựa vào thông tin đoạn video: **Vàng được hình thành như thế nào?** Và hiểu biết của bản thân, các em hãy trao đổi và cho biết:

+ Tại sao cần khai thác hợp lí, tiết kiệm nguồn tài nguyên khoáng sản?
+ Việc khai thác khoáng sản có tác động như thế nào đến tài nguyên, môi trường?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS.
Bước 3: Trao đổi thảo luận và báo cáo kết quả
- Gọi nhóm bất kì trả lời câu hỏi.
- Các nhóm khác có ý kiến nhận xét, bổ sung.
Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức
- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh
- Chuẩn kiến thức:

2. Khoáng sản
- Khoáng sản là những tích tụ tự nhiên của khoáng vật và khoáng chất có ích được con người khai thác và sử dụng.
- Theo thành phần và công dụng: Khoáng sản nhiên liệu, kim loại, phi kim loại.
- Khoáng sản là tài nguyên vô cùng quý giá và không có khả năng phục hồi, vì vậy cần khai thác hợp lí, sử dụng tiết kiệm.

3. Hoạt động luyện tập
Nhiệm vụ 1:
Bước 1: GV- Đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học
Câu 1: Cao nguyên là dạng địa hình có độ cao tuyệt đối là
A. trên 500m. B. từ 300 - 400m.
C. dưới 300m. D. từ 400 - 500m.
Câu 2: Dạng địa hình nào sau đây thuận lợi cho trồng cây lương thực và thực phẩm?
A. Cao nguyên. B. Đồng bằng.
C. Đồi. D. Núi.
Câu 3: Điểm giống nhau giữa đồng bằng và cao nguyên là
A. Bề mặt địa hình tương đối bằng phẳng hoặc gợn sóng.
B. Thích hợp trồng cây công nghiệp và cây lương thực.
C. Có hình thái đỉnh tròn, sườn thoải và thung lũng rộng.
D. Độ cao tuyệt đối khoảng 200m so với mực nước biển.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập
HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học
Nhiệm vụ 2: Trò chơi

Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ

Gv chia lớp thành 2 đội

Sắp xếp các loại khoảng sản sau vào ba nhóm sao cho đúng: vàng, nước khoáng, kim cương, than bùn, khí thiên nhiên, cao lanh, ni-ken, phốt phát, bô-xit?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS cử mỗi đội 3 người tham gia trò chơi

Bước 3: Báo cáo kết quả

Học sinh tham gia trò chơi

Bước 4: Đánh giá kết quả

GV nhận xét kết quả, khen thưởng đội chiến thắng.

4. Hoạt động vận dụng, mở rộng

a. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: Khi xây dựng nhà, chúng ta sử dụng những vật liệu gì có nguồn gốc từ khoáng sản?

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS: trình bày kết quả

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Chuẩn kiến thức

HS: Lắng nghe và ghi nhớ.

Nhắc nhở học sinh chuẩn bị bài mới: **THỰC HÀNH - ĐỌC LƯỢC ĐỒ ĐỊA HÌNH TỈ LỆ LỚN VÀ LÁT CẮT ĐỊA HÌNH ĐƠN GIẢN**

- Lược đồ địa hình tỉ lệ lớn là gì?
- Khái niệm đường đồng mức?
- Khoảng cách của các đường đồng mức cho ta biết đặc điểm nào của địa hình?
- Nêu các bước đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn?

TIẾT 21 **Bài 14: Thực hành –**

Đọc lược đồ địa hình và lát cắt địa hình đơn giản

(Thời gian thực hiện: 1 tiết)

ND: 15/11/2023

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Biết đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống.

+ Giao tiếp và hợp tác: Biết đặt ra mục đích giao tiếp và hiểu được vai trò quan trọng của việc đặt mục tiêu trước khi giao tiếp. Hiểu được nội dung và phương thức giao tiếp cần phù hợp với mục đích giao tiếp và biết vận dụng để giao tiếp hiệu quả.

- Năng lực Địa lí

+ Nhận thức khoa học Địa lí: Mô tả được đặc điểm cơ bản của các dạng địa hình trên bề mặt Trái Đất.

+ Tìm hiểu Địa lí: Sử dụng các công cụ địa lí: Tranh ảnh, bản đồ để tìm hiểu về đặc điểm địa hình.

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng các kiến thức đã học để thực hành đọc bản đồ và lát cắt địa hình.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập.

- Nhân ái: Tôn trọng ý kiến của người khác, có ý thức học hỏi lẫn nhau.

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập (cá nhân/nhóm).

4. HSKT

Học sinh biết bản đồ địa hình tỉ lệ lớn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Lược đồ địa hình tỉ lệ lớn
- Lát cắt địa hình từ dãy Bạch Mã đến Phan Thiết
- Bút màu

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động mở đầu

a. Mục tiêu

- Kết nối với bài học

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Khởi động với trò chơi AI NHANH HƠN

Câu 1: Muốn hiểu nội dung, ý nghĩa của các kí hiệu trên bản đồ, khi đọc bản đồ em cần chú ý phần nào?

Câu 2: Tỉ lệ bản đồ được biểu thị bằng những dạng nào?

Câu 3: 4 hướng chính trên bản đồ?

Câu 4: Núi là dạng địa hình như thế nào?

Bước 2: HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 3: HS báo cáo kết quả nhiệm vụ.

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Đọc lược đồ địa hình

a. Mục tiêu

- Biết cách đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh

Nhiệm vụ 1: Dựa vào nội dung mục 1, em hãy cho biết:

HSKT: Lược đồ địa hình tỉ lệ lớn là gì?

- Khái niệm đường đồng mức?
- Khoảng cách của các đường đồng mức cho ta biết đặc điểm nào của địa hình?
- Nêu các bước đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn?

Nhiệm vụ 2: Quan sát hình 1, trao đổi theo cặp để trả lời các câu hỏi sau:

- Cho biết các đường đồng mức có khoảng cao đều cách nhau bao nhiêu mét?
- So sánh độ cao giữa các đỉnh núi A1, A2. A3.
- So sánh của các điểm B1, B2, B3, C.
- Một bạn muốn leo lên đỉnh A2, theo em nên đi theo sườn D1-A2 hay sườn D2-A2. Vì sao?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS thực hiện các nhiệm vụ cá nhân/nhóm.

Bước 3: Trao đổi thảo luận và báo cáo kết quả

- Cá nhân/nhóm báo cáo kết quả làm việc.
- Các học sinh khác có ý kiến nhận xét, bổ sung.
- Giáo viên hướng dẫn học sinh điều chỉnh, hoàn thiện kết quả và ghi chép kiến thức, chốt lại nội dung học tập.

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh
- Chuẩn kiến thức:

1. Đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn

- Lược đồ địa hình tỉ lệ lớn là lược đồ thể hiện các đặc điểm địa hình (độ cao, độ dốc,…) của 1 khu vực có diện tích nhỏ bằng các đường đồng mức và màu sắc.
- Hướng dẫn đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn:

+ Trước hết, cần xác định được các đường đòng mức có khoảng cao đều cách nhau bao nhiêu mét

+ Căn cứ vào các đường này, ta có thể tính ra độ cao của các địa điểm trên lược đò.

+ Căn cứ vào độ gần hay xa nhau của đường đồng mức, ta biết được độ dốc của địa hình.

+ Căn cứ vào tỉ lệ lược đò, ta tính được khoảng cách thực tế giữa các địa điểm

Hoạt động 2: Đọc lát cắt địa hình đơn giản

a. Mục tiêu

- Biết cách đọc lát cắt địa hình đơn giản

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh

Nhiệm vụ 1: Dựa vào nội dung mục 2, em hãy cho biết

- Lát cắt địa hình là gì?
- Nêu các bước đọc lát cắt địa hình?

Nhiệm vụ 2: Dựa vào hình 2, em hãy:

- Cho biết lát cắt lần lượt đi qua các dạng địa hình nào
- Xác định độ cao của đỉnh Ngọc Linh

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS.

Bước 3: Trao đổi thảo luận và báo cáo kết quả

- Gọi nhóm bất kì trả lời câu hỏi.
- Các nhóm khác có ý kiến nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh

- Chuẩn kiến thức:

2. Đọc lát cắt địa hình địa hình đơn giản

- Lát cắt địa hình là hình vẽ biểu hiện được đầy đủ hình dáng và độ cao của các loại địa hình dọc theo một đường (tuyến) lát cắt nhất định.

- Hướng dẫn đọc lát cắt địa hình:

+ Khi đọc lát cắt, trước tiên ta phải xác định được điểm bắt đầu và điểm cuối của lát cắt.

+ Từ hai điểm mốc này, ta có thể biết được lát cắt có hướng như thế nào, đi qua những điểm độ cao, dạng địa hình đặc biệt nào, độ dốc của địa hình biến đổi ra sao,...

+ Từ đó, ta có thể mô tả sự thay đổi của địa hình từ điểm đầu đến điểm cuối lát cắt.

+ Dựa vào tỉ lệ lát cắt, có thể tinh được khoảng cách giữa các địa điểm.

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu

- Củng cố các kiến thức đã học trong bài

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh

Dựa vào hình Lát cắt địa hình lục địa Oxtraylia theo vĩ tuyến 30^0N.

+ Cho biết lục địa Oxtraylia có các dạng địa hình nào? vị trí phân bố của các dạng địa hình?

+ Điểm cao nhất và thấp nhất của tuyến lát cắt là bao nhiêu?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học

4. Hoạt đông vận dụng, mở rộng

a. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- Dựa vào lược đồ địa hình tỉ lệ lớn, em hãy cho biết:

+ Độ cao của đỉnh núi A1, A2?

+ Tính khoảng cách trên thực tế từ đỉnh núi A1 đến đỉnh núi A2.

+ Dựa vào khoảng cách của các đường đồng mức, em hãy cho biết ở đỉnh núi A1 sườn nào có độ dốc cao hơn? Vì sao?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS: trình bày kết quả

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS: Lắng nghe và ghi nhớ.

Nhắc nhở học sinh chuẩn bị bài mới: **LỚP VỎ KHÍ CỦA TRÁI ĐẤT, KHÍ ÁP VÀ GIÓ**

? Vai trò của hơi nước, khí cac-bo-nic và các khí khác đối với sản xuất và đời sống của con người? Lấy ví dụ?

TIẾT 22+23 Bài 15: LỚP VỎ KHÍ CỦA TRÁI ĐẤT. KHÍ ÁP VÀ GIÓ

(Thời gian thực hiện: 2 tiết)

NS: 22 /11/2023

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Mô tả được các tầng khí quyển, đặc điểm chính của tầng đối lưu và tầng bình lưu.
- Biết được thành phần của không khí gần bề mặt đất. Hiểu được vai trò của oxy, hơi nước và khí carbonic.
- Kể được tên và nêu được đặc điểm về nhiệt độ, độ ẩm của một số khối khí.
- Trình bày được sự phân bố các đai khí áp và các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất.
- Biết cách sử dụng khí áp kế

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống.

+ Giao tiếp và hợp tác: Biết đặt ra mục đích giao tiếp và hiểu được vai trò quan trọng của việc đặt mục tiêu trước khi giao tiếp. Hiểu được nội dung và phương thức giao tiếp cần phù hợp với mục đích giao tiếp và biết vận dụng để giao tiếp hiệu quả.
+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Xác định được và biết tìm hiểu các thông tin liên quan đến vấn đề; đề xuất được giải pháp giải quyết vấn đề.
- Năng lực Địa lí
+ Nhận thức khoa học Địa lí: Mô tả được các tầng khí quyển, sự phân bố các đai khí áp và các loại gió chính trên Trái Đất.
+ Tìm hiểu Địa lí: Sử dụng các công cụ địa lí: Tranh ảnh, văn bản, internet… để tìm hiểu về đặc điểm thành phần của không khí, các tầng khí quyển, các đai khí áp và các loại gió chính trên Trái Đất.
+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Để giải thích các tình huống trong thực tế và liên hệ với cuộc sống.
3. Phẩm chất
- Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập.
- Nhân ái: Tôn trọng ý kiến của người khác, có ý thức học hỏi lẫn nhau.
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập (cá nhân/nhóm). Có ý thức bảo vệ môi trường, bầu khí quyển và tầng ô dôn.
4. HSKT
Biết được các thành phần có trong không khí, tỉ lệ từng thành phần.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Sơ đồ các tầng khí quyển, các đai khí áp và gió trên Trái Đất.
- Tranh ảnh video về khí quyển, tầng ô dôn
- Phiếu học tập
- Khí áp kế
- Thiết bị điện tử.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động mở đầu

a. Mục tiêu

- Kết nối với bài học

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh.
- Khởi động với bài hát CÁNH DIỀU TUỔI THƠ
https://www.youtube.com/watch?v=DjIGJGHw_L0
+ Trong lớp chúng ta có những bạn nào từng đi thả diều?
+ Tại sao diều lại bay được trên bầu trời?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS tham gia trò chơi bằng cách giơ tay nhanh nhất.

Bước 3: HS báo cáo kết quả nhiệm vụ.

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

*Lớp không khí bao quanh Trái Đất được gọi là **khí quyển** hay **lớp vỏ khí** của Trái Đất. Lớp vỏ khí gồm những thành phần nào và cấu tạo ra sao? Khí áp và gió phân bố như thế nào trên Trái Đất?*

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Thành phần không khí gần bề mặt đất

a. Mục tiêu

- Biết được thành phần của không khí gần bề mặt đất. Hiểu được vai trò của oxy, hơi nước và khí carbonic.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh

- Dựa vào biểu đồ các thành phần của không khí và thông tin SGK, các em hãy trao đổi và trả lời các câu hỏi sau:

HSKT: Không khí gồm những thành phần nào? Tỉ lệ của từng thành phần?

+ Vai trò của hơi nước, khí cac-bo-nic và các khí khác đối với sản xuất và đời sống của con người? Lấy ví dụ?

+ Tỉ lệ khí cac-bo-nic trong không khí tăng cao gây ra hậu quả gì? Nguyên nhân làm tăng lượng khí cac-bo-nic trong không khí

- Cho biết các đường đồng mức có khoảng cao đều cách nhau bao nhiêu mét?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS thực hiện các nhiệm vụ cá nhân/nhóm.

Bước 3: Trao đổi thảo luận và báo cáo kết quả

- Cá nhân/nhóm báo cáo kết quả làm việc.
- Các học sinh khác có ý kiến nhận xét, bổ sung.
- Giáo viên hướng dẫn học sinh điều chỉnh, hoàn thiện kết quả và ghi chép kiến thức, chốt lại nội dung học tập.

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh
- Chuẩn kiến thức:

1. Thành phần không khí gần bề mặt đất

- Thành phần của không khí

+ Khí Nitơ chiếm 78%

+ Khí ô xi chiếm 21%

+ Hơi nước, khí cac-bo-nic và các khí khác: 1%.

- Vai trò của Ô-xi, hơi nước và khí carbonic.

+ Hơi nước nguồn gốc sinh ra các hiện tượng khí tượng như mây, mưa, sương mù...

+ Ô-xi duy trì sự sống của con người và các loài sinh vật

+ Khí cac-bo-nic đóng vai trò quan trọng trong quá trình quang hợp của cây xanh. Được sử dụng trong bình chữa cháy giúp chữa cháy

Hoạt động 2: Các tầng khí quyển

a. Mục tiêu

HS biết được tên và đặc điểm của từng tầng khí quyển

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh

Nhiệm vụ 1: Dựa vào thông tin SGK và hình 1, em hãy cho biết:

- Kể tên các tầng của khí quyển?

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu đặc điểm các tầng của khí quyển

- Vòng 1: (nhóm chuyên gia)

+ Nhóm 1, 2: Tìm hiểu tầng đối lưu.

+ Nhóm 3, 4 : Tìm hiểu tầng bình lưu.

+ Nhóm 5, 6: Tìm hiểu các tầng cao của khí quyển.

- Vòng 2: (nhóm mảnh ghép) Hình thành 6 nhóm mới. Đảm bảo trong nhóm mới đều có ít nhất 1 thành viên của các nhóm cũ. Các thành viên ở nhóm mới sẽ cùng chia sẻ những thông tin đã tìm hiểu được ở nhóm cũ. Sau đó các nhóm hoàn thành bảng sau:

Tầng khí quyển	Tầng đối lưu	Tầng bình lưu	Các tầng cao của khí quyển
Vị trí			
Đặc điểm			
Vai trò			

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu thêm về lớp ô-zôn

- Dựa vào thông tin đoạn video: https://vnexpress.net/vi-sao-co-lo-hong-tren-tang-ozone-3856641.html

kết hợp kiến thức SGK, em hãy cho biết:

+ Nguyên nhân làm thủng lớp ô-zôn?

+ Khi lớp ô-zôn suy giảm gây ra những hậu quả gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS.

Bước 3: Trao đổi thảo luận và báo cáo kết quả

- Gọi nhóm bất kì trả lời câu hỏi.

- Các nhóm khác có ý kiến nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh

- Chuẩn kiến thức:

2. Các tầng khí quyển

Khí quyển gồm: Tầng đối lưu, tồng bình lưu và các tầng cao của khí quyển

Tầng khí quyển	Tầng đối lưu	Tầng bình lưu	Các tầng cao của khí quyển
Vị trí	0 – 16 km	16 – 50 km	Từ 50 km trở lên
Đặc điểm	- Nhiệt độ giảm theo độ cao, cứ lên cao 100m nhiệt độ giảm $0,6^0$C. - Không khí chuyển động theo chiều thẳng đứng.	- Nhiệt độ tăng theo độ cao. - Không khí chuyển động theo luồng ngang,	- Không khí cực loãng. - Có hiện tượng sao băng, cực quang.
Vai trò	Là nơi sinh ra các hiện tượng thời tiết như mây, mưa, sấm sét.. => ảnh hưởng lớn đến đời sống con người và các loài sinh vật.	Chứa lớp ô-zôn bảo vệ sự sống trên TĐ, ngăn cản phần lớn tia cực tím từ MT.	Ít ảnh hưởng trược tiếp đến các yếu tố tự nhiên và con người.

Hoạt động 3: Các khối khí

a. Mục tiêu

Kể được tên và nêu được đặc điểm về nhiệt độ, độ ẩm của một số khối khí.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh

Nhiệm vụ 1: GV cho HS quan sát hình ảnh

- Yêu cầu HS lên xác định đường xích đạo, chí tuyến và vòng cực?
- Dựa vào vĩ độ, người ta đã phân chia thành những khối khí nào?
- Dựa vào bề mặt tiếp xúc, các khối khí được phân chia như thế nào?

Nhiệm vụ 2: Hoàn thành nội dung bài tập sau để tìm hiểu đặc điểm và tính chất của các khối khí.

Dựa vào thông tin SGK, em hãy ghép kiến thức ở cột A và cột B sao cho phù hợp:

A	B	Trả lời
1. Khối khí nóng. 2. Khối khí lạnh. 3. Khối khí đại dương. 4. Khối khí lục địa.	a) Hình thành ở vĩ độ cao, nhiệt độ thấp. b) Hình thành ở biển, đại dương, độ ẩm lớn. c) Hình thành ở vĩ độ thấp, nhiệt độ cao. d) Hình thành ở lục địa, tương đối khô.	1- 2- 3- 4-

Dựa vào nội dung bảng kiến thức vừa hoàn thiện, em hãy cho biết:

+ Đặc điểm của khối khí nhiệt đới có bề mặt tiếp xúc là đại dương?

+ Đặc điểm của khối khí nhiệt đới có bề mặt tiếp xúc là lục địa?

+ Các khối khí có ảnh hưởng như thế nào đến thời tiết nơi chúng đi qua? Lấy ví dụ?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS.

Bước 3: Trao đổi thảo luận và báo cáo kết quả

- Gọi học sinh bất kì trả lời câu hỏi.
- Các học sinh khác có ý kiến nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh
- Chuẩn kiến thức:

3. Các khối khí

- Khối khí nóng: hình thành trên các vùng vĩ độ thấp, có nhiệt độ tương đối cao.
- Khối khí lạnh: hình thành trên các vùng vĩ độ cao, có nhiệt độ tương đối thấp.
- Khối khí đại dương: hình thành trên các biển và đại dương, có độ ẩm lớn.
- Khối khí lục địa: hình thành trên các vùng đất liền có tính chất tương đối khô.

Hoạt động 4: Khí áp. Các đai khí áp trên Trái Đất

a. Mục tiêu

- Trình bày được sự phân bố các đai khí áp trên Trái Đất.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về khái niệm khí áp

- Truy cập https://khoahoc.tv/khi-quyen-trai-dat-nang-bao-nhieu-can-92425, cho biết bầu khí quyển nặng bao nhiêu?
- Khí áp là gì?
- Tại sao càng lên cao khí áp càng giảm?
- Nhiệt độ có ảnh hưởng như thế nào đến khí áp?

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về khí áp kế

- Dụng cụ đo khí áp?
- Giới thiệu một số loại khí áp kế thông dụng?
- Đọc trị số ở khí áp kế trên hình 4

Nhiệm vụ 3: Dựa vào hình 5, em hãy:

- Kể tên các đai áp cao và áp thấp trên bề mặt Trái Đất?
- Trình bày sự phân bố của các đai khí áp cao và thấp trên bề mặt TĐ? Giải thích nguyên nhân của sự phân bố đó?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS.

Bước 3: Trao đổi thảo luận và báo cáo kết quả

- Gọi học sinh bất kì trả lời câu hỏi.
- Các học sinh khác có ý kiến nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh
- Chuẩn kiến thức

4. Khí áp. Các đai khí áp trên Trái Đất

a. Khí áp

- Khí áp là sức ép của không khí trên bề mặt trái đất

+ Dụng cụ đo khí áp là khí áp kế.

+ Khí áp tiêu chuẩn: 1013 mb

b. Các đai khí áp trên trái Đất: Khí áp được phân bố trên bề mặt TĐ thành các đai khí áp thấp và cao từ xích đạo lên cực.

+ Có 3 đai khí áp thấp (T) ở 0^0, 60^0B, 60^0N.

+ Có 4 đai khí áp cao (C) ở 30^0B, 30^0N và 90^0B và 90^0N

=> phân bố không liên tục do sự xen kẽ của lục địa và đại dương.

Hoạt động 5: Gió. Các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất.

a. Mục tiêu

- Biết nguyên nhân sinh ra gió.
- Trình bày được sự phân bố các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất.

b. Cách thức tổ chức

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về gió trên TĐ

- Dựa vào hình sau, cho biết gió là gì?
- Nguyên nhân sinh ra gió?
- Đơn vị đo của tốc độ gió?
- Cách đọc hướng gió?
- Sự chênh lệch khí áp ảnh hưởng như thế nào đến cường độ gió?

Nhiệm vụ 2: Thảo luận cặp đôi để hoàn thiện thông tin phiếu học tập

- Dựa vào hình 5 và thông tin SGK, để hoàn thiện nội dung phiếu học tập sau

Gió / Đặc điểm	Mậu dịch	Tây ôn đới	Đông cực
Thổi từ áp cao …. Đến áp thấp ……..			
Hướng gió			

Nhiệm vụ 3: Dựa vào thông tin SGK và hiểu biết của mình em hãy cho biết:

- Tại sao các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất không thổi theo chiều Bắc – Nam?

- Con người đã biết lợi dụng sức gió để làm gì?
- Liên hệ với Việt Nam?

https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90i%E1%BB%87n_gi%C3%B3_t%E1%BA%A1i_Vi%E1%BB%87t_Nam (Điện gió tại Việt Nam)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS.

Bước 3: Trao đổi thảo luận và báo cáo kết quả

- Gọi học sinh bất kì trả lời câu hỏi.
- Các học sinh khác có ý kiến nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh
- Chuẩn kiến thức:

5. Gió. Các loại gió thường xuyên trên Trái Đất

Loại gió	Phạm vi gió thổi	Hướng gió
Mậu dich (Tín phong)	Từ khoảng các vĩ độ 30^0B và N về XĐ	ở nửa cầu Bắc hướng ĐB, ở nửa cầu Nam hướng ĐN
Tây ôn đới	Từ khoảng các vĩ độ 30^0B và N lên khoảng các vĩ độ 60^0B và N	ở nửa cầu B, gió hướng TN, ở nửa cầu N, gió hướng TB
Đông cực	Từ khoảng các vĩ độ 90^0Bvà N về 60^0B và N	ở nửa cầu B, gió hướng ĐB, ở nửa cầu N, gió hướng ĐN

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu

- Củng cố các kiến thức đã học trong bài

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh

Dựa vào kiến thức đã học, em hãy trả lời thật nhanh các câu hỏi sau

1. Con người sinh sống ở tầng nào của khí quyển?
2. Lớp ô-zôn có vai trò gì?
3. Hiện tượng sao băng xuất hiện ở tầng nào của khí quyển?
4. Thành phần chiếm tỉ lệ cao nhất trong khí quyển?
5. Thành phần nào của khí quyển có vai trò quan trọng trong việc duy trì sự sống trên Trái Đất?
6. Khối khí có nhiệt độ cao gọi là gì?
7. Khối khí hình thành ở các vùng có vĩ độ cao có đặc điểm gì?
8. Gió là dòng không khí chuyển động như thế nào?

9. Gió Mậu dịch thổi trong phạm vi nào?

Gió tây ôn đới thổi theo mùa, đúng hay sai?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học

4. Hoạt đông vận dụng, mở rộng

a. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Quan sát bức ảnh bên và cho ý kiến của mình về hành động nhóm bếp than tổ ong trên hè phố.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS: trình bày kết quả

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS: Lắng nghe và ghi nhớ.

Nhắc nhở học sinh chuẩn bị bài mới: **NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ. MÂY VÀ MƯA**

+ Nguồn cung cấp nhiệt cho không khí?

+ Thế nào là nhiệt độ không khí?

+ Dụng cụ và đơn vị đo nhiệt độ không khí?

TIẾT 24+27 BÀI 16: NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ. MÂY VÀ MƯA

(Thời gian thực hiện: 2 tiết)

NS: 8 /12/2023

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ bề mặt Trái Đất theo vĩ độ.
- Mô tả được hiện tượng hình thành mây, mưa.
- Biết cách sử dụng nhiệt kế, ẩm kế, khí áp kế.

2. Năng lực

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống.

+ Giao tiếp và hợp tác: Biết đặt ra mục đích giao tiếp và hiểu được vai trò quan trọng của việc đặt mục tiêu trước khi giao tiếp. Hiểu được nội dung và phương thức giao tiếp cần phù hợp với mục đích giao tiếp và biết vận dụng để giao tiếp hiệu quả.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Xác định được và biết tìm hiểu các thông tin liên quan đến vấn đề; đề xuất được giải pháp giải quyết vấn đề.

- Năng lực Địa lí

+ Nhận thức khoa học Địa lí : Mô tả được quá trình hình thành mây và mưa, Giải thích được sự thay đổi nhiệt độ không khí theo vĩ độ.

+ Tìm hiểu Địa lí: Sử dụng các công cụ địa lí: Tranh ảnh, văn bản, video, internet… để tìm hiểu thông tin về sự thay đổi nhiệt độ bề mặt TĐ, cách đo nhiệt độ không khí và tính nhiệt độ trung bình ngày, quá trình hình thành mưa.

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Để giải thích các tình huống trong thực tế và liên hệ với cuộc sống.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập.

- Nhân ái: Tôn trọng ý kiến của người khác, có ý thức học hỏi lẫn nhau.

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập (cá nhân/nhóm).

4. HSKT

Biết được thế nào là nhiệt độ không khí

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Lược đồ nhiệt độ và lượng mưa trung bình năm trên bề mặt TĐ
- Video quá trình hình thành mưa.
- Thiết bị điện tử.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu

- Kết nối với bài học, tạo tâm thế để bắt đầu tiết học hiệu quả.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh.

- Khởi động với trò chơi ĐUỔI HÌNH BẮT CHỮ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS tham gia trò chơi bằng cách giơ tay nhanh nhất.

Bước 3: HS báo cáo kết quả nhiệm vụ.

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

Nhiệt độ và **mưa** có vai trò hết sức quan trọng đối với đời sống và sản xuất. Nhiệt độ không khí và mưa do đâu mà có. Tại sao nhiệt độ không khí và mưa lại khác nhau ở mọi nơi trên Trái Đất?

2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1. Tìm hiểu nhiệt độ không khí

a. Mục tiêu

- Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ bề mặt Trái Đất theo vĩ độ.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh

Nhiệm vụ 1: Dựa vào thông tin SGK và các hình ảnh, em hãy cho biết:

+ Nguồn cung cấp nhiệt cho không khí?

+ Thế nào là nhiệt độ không khí?

+ Dụng cụ và đơn vị đo nhiệt độ không khí?

+ Khi sử dụng nhiệt kế để đo nhiệt độ không khí cần đặt nhiệt kế như thế nào? Vì sao?

Nhiệm vụ 2: Dựa vào hình 1, thông tin mục em có biết.

- Em hãy đọc giá trị nhiệt độ không khí hiển thị trên nhiệt kế ở hình 1.

- Ở trạm khí tượng Láng (Hà Nội), kết quả đo nhiệt độ ở bốn thời điểm ngày 25 tháng 7 năm 2019 lần lượt là 27°C, 27C, 32°C, 30 °C. Hãy cho biết nhiệt độ không khí trung bình của ngày hôm đó.

- Nêu cách tính nhiệt độ trung bình: ngày, tháng, năm?

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu sự thay đổi nhiệt độ không khí theo vĩ độ.

- Quan sát hình 2, em hãy:

+ So sánh nhiệt độ không khí trung bình năm giữa Ma-ni-a, Xê-un, Tích-xi?

+ Giải thích vì sao nhiệt độ trung bình năm tại các nơi đó lại khác nhau như vậy?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS thực hiện các nhiệm vụ cá nhân/nhóm.

Bước 3: Trao đổi thảo luận và báo cáo kết quả

- Cá nhân/nhóm báo cáo kết quả làm việc.

- Các học sinh khác có ý kiến nhận xét, bổ sung.

- Giáo viên hướng dẫn học sinh điều chỉnh, hoàn thiện kết quả và ghi chép kiến thức, chốt lại nội dung học tập.

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh

- Chuẩn kiến thức:

1. Nhiệt độ không khí

a. Nhiệt độ không khí và cách sử dụng nhiệt kế

- Nhiệt độ không khí là độ nóng, lạnh của không khí.
- Dụng cụ đo: Nhiệt kế (^{0}C)
- Ở các trạm khí tượng, nhiệt kế được đặt trong lều khí tượng sơn màu trắng (hình 3), cách mặt đất 1,5 m.

b. Sự thay đổi nhiệt độ không khí trên bề mặt Trái Đất theo vĩ độ.

- Không khi ở các vùng vĩ độ thấp nóng hơn không khi ở các vùng vĩ độ cao.

- Ở các vùng vĩ độ thấp quanh năm có góc chiếu của tia sáng mặt trời với mặt đất lớn nên nhận được nhiều nhiệt, không khí trên mặt đất nóng.
- Càng lên gần cực, góc chiếu của tia sáng mặt trời càng nhỏ, mặt đất nhận được ít nhiệt hơn, không khí trên mặt đất cũng ít nóng hơn.

Hoạt động 2. Tìm hiểu về mây và mưa

a. Mục tiêu

- Mô tả được hiện tượng hình thành mây, mưa.
- Biết cách sử dụng ẩm kế

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh

Nhiệm vụ 1: Dựa vào thông tin SGK, em hãy cho biết:

- Nguồn gốc của hơi nước trong không khí?
- Tại sao không khí có độ ẩm?
- Dụng cụ và đơn vị để đo độ ẩm trong không khí

Nhiệm vụ 2: Cho biết giá trị độ ẩm không khí hiển thị trên hình 4. Còn bao nhiều % nữa thì độ ẩm không khí sẽ đạt mức bão hoà?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS.

Bước 3: Trao đổi thảo luận và báo cáo kết quả

- Gọi học sinh bất kì trả lời câu hỏi.
- Các học sinh khác có ý kiến nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá và chốt kiến thức

- Giáo viên quan sát, nhận xét đánh giá quá trình thực hiện của học sinh về thái độ, tinh thần học tập, khả năng giao tiếp, trình bày và đánh giá kết quả cuối cùng của học sinh

- Chuẩn kiến thức:

2. Mây và mưa

a. Quá trình hình thành mây và mưa. Cách sử dụng ẩm kế

- Quá trình hình thành mây và mưa: Khi không khí bốc lên cao, bị lạnh dần, hơi nước trong không khí bị ngưng tụ tạo thành các hạt nước nhỏ, **tạo thành mây**. Gặp điều kiện thuận lợi, hơi nước tiếp tục ngưng tụ làm các hạt nước to dần, rồi rơi xuống đất **tạo thành mưa.**
- Dụng cụ đo độ ẩm: Ẩm kế

+ Đơn vị đo: %

b. Sự phân bố lượng mưa trung bình năm trên Trái Đất

- Lượng mưa trên Trái Đất phân bố không đều.

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục tiêu

- Củng cố các kiến thức đã học trong bài

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh

1. Cho bảng số liệu sau:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG CỦA TRẠM KHÍ TƯỢNG A

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	25,8	26,7	27,9	28,9	28,3	27,5	27,1	27,1	26,8	26,7	26,4	25,7

Tính nhiệt độ trung bình năm của trạm.

2. Em hãy nêu ví dụ cụ thể về ảnh hưởng của mưa đến sản xuất nông nghiệp và đời sống.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc

Bước 4: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs.

4. Hoạt đông vận dụng, mở rộng

a. Mục tiêu

- Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Giao nhiệm vụ cho học sinh

Theo dõi bản tin dự báo thời tiết trong một ngày. Cho biết nhiệt độ không khí cao nhất và nhiệt độ không khí thấp nhất, sự chênh lệch nhiệt độ trong ngày ở bản tin đó. (ghi rõ ngày và địa điểm được dự báo)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả làm việc

Bước 4: Gv quan sát, nhận xét đánh giá hoạt động học của hs.

TIẾT 25 **ÔN TẬP CUỐI KÌ I**

(Thời gian thực hiện: 1 tiết)

NS: 14/12/2023

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Học sinh hệ thống lại kiến thức

- Cấu tạo của Trái Đất
- Hiện tượng động đất, núi lửa và sức phá hoại của các tai biến thiên nhiên này
- Các dạng địa hình chính
- Khoáng sản

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí: Sử dụng bản đồ và sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh để xác định nội dung theo yêu cầu của giáo viên.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học;
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong giờ học

4. HSKT

Học sinh biết được các lớp của Trái đất, kể tên một số loại khoáng sản

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Ma trận, bảng đặc tả, đề cương

2. Học sinh

- Bảng phụ

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

1. Hoạt động mở đầu

a. Mục tiêu: Kết nối vào bài học, tạo hứng thú cho học sinh

b. Cách thức tổ chức

Cho học sinh khởi động cơ thể theo bài hát " baby shark"

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.

Bước 2: HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 3: HS tham gia khởi động

Bước 4: GV nhận xét và kết nối vào bài mới.

2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: CẤU TẠO CỦA TRÁI ĐẤT. VỎ TRÁI ĐẤT

a. Mục tiêu**:** HS hoàn thành nội dung các bảng nhằm ôn lại kiến thức

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Nhiệm vụ 1: Hoạt động cá nhân

? Nguyên nhân sinh ra núi lửa và động đất

? Kể tên một số loại khoáng sản (HSKT)

GV: HS làm việc theo nhóm hoàn thành phiếu bài tập sau

Nhóm 1: Phân biệt được các dạng địa hình Núi và cao nguyên,

Nhóm 2: Phân biệt địa hình đồi và đồng bằng

Nhóm 3: Vẽ sơ đồ tư duy cấu tạo Trái Đất

Bước 2: Tiếp nhận nhiệm vụ

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS: Trình bày kết quả

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

Bước 4: GV chuẩn kiến thức, trong quá trình học sinh báo cáo, giáo viên chốt kiến thức của mỗi nhóm và lưu ý những nội dung trọng tâm ôn tập

Hoạt động 2: KHÍ HẬU VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

a. Mục tiêu

- Mô tả được các tầng khí quyển, đặc điểm chính của tầng đối lưu và tầng bình lưu
- Hiểu được vai trò của oxy, hơi nước và khí carbonic đối với tự nhiên và đời sống
- Kể được tên và nêu được đặc điểm về nhiệt độ, độ ẩm của một số khối khí.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: HĐ cá nhân:

- Cho biết đặc điểm tầng đối lưu và bình lưu
- Kể tên , nơi hình thành, đặc điểm các khối khí

Nhiệm vụ 2: GV: HS làm việc theo nhóm hoàn thành phiếu bài tập sau: Vai trò của

Khí Oxi	Khí Cacbonic	Hơi nước

Nhiệm vụ 3: Một trận bóng đá diễn ra ở Việt Nam lúc 20 giờ ngày 14/ 10/2023 (múi giờ thứ 7) thì lúc này ở Hàn Quốc (múi giờ thứ 9) là mấy giờ ?

- Bước 3: Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét bổ sung.
- Bước 4: Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Học sinh củng cố lại nội dung đã ôn tập

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: HS hoàn thành hệ thống câu hỏi trắc nghiệm nội dung ôn tập

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS: Trình bày kết quả

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng

HS: Lắng nghe, ghi bài

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học để thực hiện nhiệm vụ thực tiễn liên quan.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Kể tên một số dãy núi và đồng bằng ở Việt Nam mà em biết

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

+ HS làm việc theo yêu cầu.

+ HS làm việc ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

+ Tiết sau GV cho các bạn giới thiệu sản phẩm

Bước 4: Kết luận

+ GV khen ngợi tinh thần học tập của học sinh

Nhắc HS chuẩn học bài chuẩn bị kiểm tra cuối kì

TIẾT 26 **KIỂM TRA CUỐI KÌ I**

Thời gian thi: 2/1/2024

I. Mục tiêu

- Đánh giá về kiến thức, kĩ năng ở 3 mức độ nhận thức: nhận biết, thông hiểu và vận dụng các nội dung đã học:

+ Cấu tạo của Trái Đất: gồm 3 lớp

+ Núi lửa và động đất

+ Khoáng sản

+ Các khối khí. Khí áp và gió

+ Các tầng khí quyển.

* HSKT: đạt 6/12 câu TN

- Đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm điều chỉnh nội dung dạy học và giúp đỡ học sinh một cách kịp thời đặc biệt HSKT

II. Hình thức kiểm tra

- Phân môn Địa lí: Tự luận và trắc nghiệm (TN: 2.0đ, TL: 3.0 đ)

III. Xây dựng ma trận đề kiểm tra

- Có ma trận+ bảng đặc tả + đề kèm theo

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I – NĂM HỌC 2023-2024

MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6 THỜI GIAN :60 PHÚT

I. PHÂN MÔN LỊCH SỬ (5.0 ĐIỂM)

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức				Tổng % điểm
			Nhận biết (TN)	Thông hiểu (TL)	Vận dụng (TL)	Vận dụng cao (TL)	
1	**Xã hội nguyên thủy**	Sự chuyển biến và phân hóa của xã hội nguyên thuỷ.	1			1	**8,3%**
2	**Xã hội cổ đại**	Ai Cập và Lưỡng Hà	2	1			**21,7%**
		Hy Lạp và La Mã cổ đại	1		1		**13,3%**
3	**Đông Nam Á từ những thế kỉ tiếp giáp đầu công nguyên đến thế kỉ X**	Các quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á	2				**6,7%**
Tỉ lệ			6 câu 2.0 điểm 20%	1 câu 1.5 điểm 15%	1 câu 1.0 điểm 10%	1 câu 0.5 điểm 5%	9 câu 5.0 điểm 50%

II. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ (5.0 ĐIỂM)

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức				% Tổng điểm
			Nhận biết (TN)	Thông hiểu (TL)	Vận dụng (TL)	Vận dụng cao (TL)	
1	**Cấu tạo của Trái đất. Vỏ Trái đất**	Cấu tạo của Trái Đất	1TN				25%
		Hiện tượng động đất, núi lửa và sức phá hoại của các tai biến thiên nhiên này	1TN				
		Các dạng địa hình chính			1TL (a)	1TL (a)	
		Khoáng sản	1TN				
2	**Khí hậu và biến đổi khí hậu**	Các tầng khí quyển. Thành phần không khí	1TN	1TL			25%
		Các khối khí. Khí áp và gió	2TN				
Số câu			6 TNKQ	1TL	1 TL (a)	1 TL (b)	8 câu

Tỉ lệ %	20%	15%	10%	5%	50%
Tổng số câu	**12**	**2**	**1+ 1(a)**	**1+1(b)**	**17**
Tổng điểm	**4**	**3**	**2**	**1**	**10**
Tổng % điểm	**40%**	**30%**	**20%**	**10%**	**100%**
HSKT: **Đạt 6/12 câu TN**					

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I- NĂM HỌC 2023-2024

MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6 THỜI GIAN : 60 PHÚT

I. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết (TN)	Thông hiểu (TL)	Vận dụng (TL)	Vận dụng cao (TL)
1	**Xã hội nguyên thủy**	**Sự chuyển biến từ xã hội nguyên thuỷ sang xã hội có giai cấp và sự chuyển biến, phân hóa của xã hội nguyên thuỷ.**	**Nhận biết** - Trình bày được quá trình phát hiện ra kim loại đối với sự chuyển biến và phân hóa từ xã hội nguyên thuỷ sang xã hội có giai cấp. - Nêu được một số nét cơ bản của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam (qua các nền văn hóa khảo cổ Phùng Nguyên – Đồng Đậu – Gò Mun)	1			

			Thông hiểu - Mô tả được sự hình thành xã hội có giai cấp - Mô tả được sự phân hóa không triệt để của xã hội nguyên thủy ở phương Đông - Giải thích được sự tan rã của xã hội nguyên thuỷ - Giải thích được sự phân hóa không triệt để của xã hội nguyên thủy ở phương Đông. **Vận dụng cao** - Nhận xét được vai trò của kim loại đối với sự chuyển biến và phân hóa từ xã hội nguyên thuỷ sang xã hội có giai cấp.				

							1
2	**Xã hội cổ đại**	**Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại**	**Nhận biết** - Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập và người Lưỡng Hà. – Kể tên và nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá ở Ai Cập, Lưỡng Hà **Thông hiểu** -Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên (các dòng sông, đất đai màu mỡ) đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập và Lưỡng Hà.	2	1		

		Hy Lạp và La Mã cổ đại	**Nhận biết** -Trình bày được tổ chức nhà nước thành bang, nhà nước đế chế ở Hy Lạp và La Mã - Nêu được một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của Hy Lạp, La Mã. **Thông hiểu** - Giới thiệu được tác động của điều kiện tự nhiên (hải cảng, biển đảo) đối với sự hình thành, phát triển của nền văn minh Hy Lạp và La Mã **Vận dụng** - Nhận xét được tác động về điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành, phát triển của nền văn minh Hy Lạp và La	1			

			Mã. **Vận dụng cao** - Liên hệ được một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của Hy Lạp, La Mã có ảnh hưởng đến hiện nay			1	
	Đông Nam Á từ những thế kỉ tiếp giáp đầu công nguyên đến thế kỉ X	**Các quốc gia sơ kỳ ở Đông Nam Á**	**Nhận biết** - Trình bày được sơ lược về vị trí địa lí của vùng Đông Nam Á.	2			
Số câu/ loại câu				***6 câu***	***1 câu***	***1 câu***	***1 câu***
Tỉ lệ				***20%***	***15 %***	***10%***	***5%***

II. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ							
Stt	**Nội dung kiến thức**	**Đơn vị kiến thức**	**Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra**	**Số câu hỏi theo mức độ nhận biết**			
				Nhận biết	**Thông hiểu**	**Vận dụng thấp**	**Vận dụng cao**
1		Cấu tạo của Trái Đất	**Nhận biết:** Trình bày được cấu tạo của Trái Đất gồm ba lớp.	1TN			
		Hiện tượng động đất, núi lửa và sức phá hoại của các tai biến thiên nhiên này	**Nhận biết**: Trình bày được hiện tượng động đất, núi lửa	1TN			
		Các dạng địa hình **c**hính	**Vận dụng thấp:** Phân biệt được các dạng địa hình chính trên Trái Đất: Núi, đồi, cao nguyên, đồng bằng.			1 TL (a)	

			Vận dụng cao: Liên hệ thực tiễn				1 TL (b)
		Khoáng sản	**Nhận biết:** Kể được tên một số loại khoáng sản.	1TN			
2	KHÍ HẬU VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	Các tầng khí quyển. Thành phần không khí	**Nhận biết**: Mô tả được các tầng khí quyển, đặc điểm chính của tầng đối lưu và tầng bình lưu **Thông hiểu:** Hiểu được vai trò của oxy, hơi nước và khí carbonic đối với tự nhiên và đời sống	1TN	1TL		
		Các khối khí. Khí áp và gió	**Nhận biết:** Kể được tên và nêu được đặc điểm về nhiệt độ, độ ẩm của một số khối khí.	2TN			
Số câu/ loại câu				***6 TN***	***1TL***	***1TL(a)***	***1TL(b)***

Tỉ lệ	***20%***	***15 %***	***10%***	***5%***

MÃ ĐỀ A

I. Trắc nghiệm (4.0 điểm): ***Chọn câu trả lời đúng nhất rồi ghi vào giấy kiểm tra.***

Câu 1. Con người phát hiện ra kim loại vào thời gian nào?

A. Thế kỷ IV TCN B. Thế kỷ V TCN

C. Khoảng thiên niên kỷ IV TCN D. Khoảng thiên niên kỷ V TCN

Câu 2. Công trình kiến trúc tiêu biểu của người Ai Cập:

A. vườn treo Ba-bi-lon B. Kim tự tháp

C. chữ tượng hình D. Vạn Lý Trường Thành

Câu 3. Ở Ai Cập, vua được gọi là:

A. En-xi B. pha-ra-ông

C. thiên tử D. hoàng đế

Câu 4. Chế độ nào tiêu biểu cho nền dân chủ ở Hy Lạp cổ đại?

A. chế độ quân chủ B. chế độ tư bản

C. chế độ quân chủ lập hiến D. chế độ bỏ phiếu bằng vỏ sò

Câu 5. Đông Nam Á nằm án ngữ trên con đường hàng hải nối liền giữa

A. Ấn Độ Dương với Thái Bình Dương

B. Ấn Độ Dương với Bắc Băng Dương

C. Ấn Độ Dương và bán đảo I-ta-li-a

D. Ấn Độ Dương và khu vực Tây Nam Á

Câu 6. Khu vực Đông Nam Á thuộc kiểu khí hậu:

A. ôn đới B. lục địa

C. nhiệt đới gió mùa D. cận xích đạo

Câu 7. Vỏ Trái Đất có độ dày từ

A. 70 - 80km. B. 5-70 km.
C. 80 - 90km. D. trên 90km.

Câu 8. Bộ phận nào sau đây không phải là cấu tạo của núi lửa?

A. Cửa núi. B. Miệng.

C. Ống phun. D. Mắc-ma.

Câu 9. Muối mỏ, apatit, thạch anh, kim cương, đá vôi thuộc loại khoáng sản

A. kim loại đen B. năng lượng.
C. phi kim loại. D. kim loại màu.

Câu 10. Trong tầng đối lưu, trung bình cứ lên cao 100m thì nhiệt độ giảm đi:

A. 0,3^oC B. 0,4^oC
C. 0,5^oC D. 0,6^oC

Câu 11. Khối khí lạnh hình thành ở vùng

A. biển và đại dương B. đất liền
C. vĩ độ thấp D. vĩ độ cao.

Câu 12. Không khí luôn luôn chuyển động từ

A. áp cao về áp thấp B. đất liền ra biển.
C. áp thấp về áp cao D. biển vào đất liền.

II. Tự luận (6.0 điểm)

Câu 1 (1.5 điểm). Tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập và Lưỡng Hà?

Câu 2 (1.0 điểm). Điều kiện tự nhiên của La Mã có tác động như thế nào đối với sự hình thành, phát triển của nền văn minh La Mã?

Câu 3 (0.5 điểm). Sự xuất hiện của kim loại có vai trò như thế nào đối với sự chuyển biến và phân hóa từ xã hội nguyên thuỷ sang xã hội có giai cấp?

Câu 4 (1.5 điểm). Vai trò của oxy, hơi nước và khí carbonic đối với tự nhiên và đời sống ?

Câu 5 (1.5 điểm).

a. So sánh điểm khác biệt giữa đồng bằng và đồi?

b. Cho biết tên một số đồng bằng mà em biết.

UBND HUYỆN NÚI THÀNH
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

ĐỀ CHÍNH THỨC

KIỂM TRA CUỐI KỲ I
NĂM HỌC 2023-2024
Môn: LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ lớp 6
Thời gian: 60 phút *(không kể thời gian giao đề)*

MÃ ĐỀ B

I. Trắc nghiệm (4.0 điểm): ***Chọn câu trả lời đúng nhất rồi ghi vào giấy kiểm tra.***

Câu 1. Cư dân Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ đã biết tới đồ đồng vào khoảng thời gian nào?

A. thế kỷ IV TCN
B. khoảng 3000 năm trước
C. khoảng 4000 năm trước
D. khoảng 5000 năm trước

Câu 2. Công trình kiến trúc tiêu biểu của người Lưỡng Hà:

A. vườn treo Ba-bi-lon
B. Kim tự tháp
C. chữ tượng hình
D. Vạn Lý Trường Thành

Câu 3. Ở Lưỡng Hà, vua được gọi là

A. En-xi
B. pha-ra-ông
C. thiên tử
D. hoàng đế

Câu 4.Chế độ nào tiêu biểu cho nền dân chủ ở Hy Lạp cổ đại?

A. chế độ quân chủ
B. chế độ tư bản
C. chế độ quân chủ lập hiến
D. chế độ bỏ phiếu bằng vỏ sò

Câu 5. Đông Nam Á là quê hương của các loại cây nào?

A. nho, oliu
B. oliu, tiêu, quế

C. cao su, oliu, lúa mỳ D. quế, tiêu, hoa hồi

Câu 6. Đông Nam Á được xem:

A. trung tâm của Phật giáo B. "ngã tư đường" của thế giới

C. "ngã ba đường" của thế giới D. trung tâm văn hóa của thế giới

Câu 7. Lớp man-ti tồn tại ở trạng thái nào sau đây?

A. Rắn – lỏng B. Lỏng.

C. Quánh dẻo đến rắn. D. Khí.

Câu 8. Dấu hiệu trước khi động đất xảy ra <u>không</u> phải:

A. mực nước giếng thay đổi. B. cây cối nghiêng hướng Tây.

C. động vật tìm chỗ trú ẩn. D. mặt nước có nổi bong bóng.

Câu 9. Các khoáng sản như dầu mỏ, khí đốt, than đá thuộc nhóm khoáng sản:

A. Kim loại màu B. Kim loại đen

C. Phi kim loại D. Năng lượng

Câu 10. Các hiện tượng khí tương như : Mây, mưa, sấm , chớp.. hầu hết xảy ra ở:

A. tầng đối lưu. B. tầng bình lưu

C. tầng cao của khí quyển D. tầng nhiệt

Câu 11. Khối khí nóng hình thành ở vùng

A. biển và đại dương B. Đất liền

C. vùng vĩ độ thấp D. vùng vĩ độ cao.

Câu 12. Trên bề mặt Trái Đất có bao nhiêu vành đai khí áp?

A. 5. B. 6.

C. 7. D. 8.

II. Tự luận (6.0 điểm)

Câu 1 (1.5 điểm). Điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên ở Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại và nêu tác động?

Câu 2 (1.0 điểm). Điều kiện tự nhiên của Hy Lạp có tác động như thế nào đối với sự hình thành, phát triển của nền văn minh Hy Lạp ?

Câu 3 (0.5 điểm). Sự xuất hiện của kim loại có vai trò như thế nào đối với sự chuyển biến và phân hóa từ xã hội nguyên thuỷ sang xã hội có giai cấp?

Câu 4 (1.5 điểm). Vai trò của oxy, hơi nước và khí carbonic đối với tự nhiên và đời sống ?

Câu 5 (1.5 điểm).

a. So sánh điểm khác biệt giữa núi và cao nguyên?

b. Cho biết tên một số dãy núi mà em biết.

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I

NĂM HỌC 2023-2024

MÔN LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ 6

ĐỀ A

I. TRẮC NGHIỆM (4.0 ĐIỂM)

Mỗi đáp án đúng được 0,33 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	B	B	D	A	C	B	A	C	D	D	A

HSKT: Đạt 6/12 câu TN

II. TỰ LUẬN (6.0 ĐIỂM)

Câu hỏi-đáp án	**Số điểm**
Câu 1 (1. 5 điểm): Nêu tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập và Lưỡng Hà? - Ai Cập và Lưỡng Hà nằm ở lưu vực các con sông lớn (sông Nin, Ơ-phơ-rát, Ti-gơ-rơ). - Tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà: + Kinh tế nông nghiệp phát triển sớm → nền văn minh hình thành sớm. +Các dòng sông trở thành tuyến đường giao thương chính, thúc đẩy thương mại phát triển +Liên kết công xã, tạo điều kiện cho nhà nước ra đời. +Có nhiều phát minh quan trọng phục vụ sản xuất.	0.5điểm 0.25 điểm 0.25 điểm 0.25 điểm

	0.25 điểm
Câu 2 (1.0 điểm): Điều kiện tự nhiên của La Mã có tác động như thế nào đối với sự hình thành, phát triển của nền văn minh La Mã? - Là nơi phát sinh ban đầu của La Mã cổ đại là bán đảo I-ta-li-a. Có nhiều vịnh, nhiều đồng bằng và đồng cỏ rộng lớn. - Tác động đến kinh tế: + Thuận lợi cho tàu bè buôn bán + Trồng trọt, chăn nuôi có điều kiện phát triển. Thuận lợi cho luyện kim.	0.5 điểm 0.25 điểm 0.25 điểm
Câu 3 (0.5 điểm): Sự xuất hiện của kim loại có vai trò như thế nào đối với sự chuyển biến và phân hóa từ xã hội nguyên thuỷ sang xã hội có giai cấp? - Kim loại có vai trò quan trọng, thúc đẩy sự chuyển biến và phân hóa từ xã hội nguyên thuỷ sang xã hội có giai cấp. - Công cụ lao động bằng kim loại ra đời làm cho sản phẩm phát triển, năng suất lao động tăng dần dẫn đến sản phẩm dư thừa thường xuyên Từ đó xã hội có sự Tư hữu và xã hội có sự phân hóa giàu nghèo . Xã hội nguyên thủy tan rã hình thành xã hội có giai cấp ấp	0.25 điểm 0.25 điểm
Câu 4 (1.5 điểm): Oxi: là chất khí giúp duy trì sự sống của con người và các loài sinh vật, là nguyên tố cấu tạo nên các tế bào và hợp chất quan trọng Cacbonic: Là chất khí tham gia vào quá trình quang hợp của thực vật, đồng thời là chất khí giúp giữ lại lượng nhiệt cần thiết cho Trái Đất đủ ấm, điều hòa với sự sống Hơi nước: Có vai trò rất quan trọng, là cơ sở tạo ra lớp nước trên Trái Đất, hình thành nên sự sống của muôn loài	0.5 điểm 0.5 điểm

<table>
<tr><td></td><td>0.5 điểm</td></tr>
<tr><td>

Câu 5 (1.5 điểm)

a. Điểm khác biệt

<table>
<tr><th></th><th>Đồi</th><th>Đồng bằng</th></tr>
<tr><td>Độ cao</td><td>Độ cao của đồi so với vùng đất xung quanh thường không quá 200m</td><td>Độ cao của hầu hết đồng bằng là dưới 200m so với mực nước biển.</td></tr>
<tr><td>Đặc điểm</td><td>Là dạng địa hình nhô cao. Đồi có đỉnh nhọn, sườn thoải.</td><td>Dạng địa hình thấp có bề mặt khá bằng phẳng hoặc hơi gợn sóng</td></tr>
</table>

b. Hs nêu ít nhất tên 3 đồng bằng

</td><td>0,5 điểm

0,5 điểm

0.5 điểm</td></tr>
</table>

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I

NĂM HỌC 2023-2024

MÔN LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ 6

ĐỀ B

I. TRẮC NGHIỆM (4.0 điểm)

Mỗi đáp án đúng được 0,33 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	A	A	D	D	B	C	B	D	A	C	C

HSKT: Đạt 6/12 câu TN

II. TỰ LUẬN (6.0 điểm)

Câu hỏi-đáp án	Số điểm
Câu 1 (1,5 điểm): Hãy chỉ ra điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên ở Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại và nêu tác động? - Ai Cập và Lưỡng Hà nằm ở lưu vực các con sông lớn (sông Nin, Ơ-phơ-rát, Ti-gơ-rơ). - Tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà: + Kinh tế nông nghiệp phát triển sớm → nền văn minh hình thành sớm. +Các dòng sông trở thành tuyến đường giao thương chính, thúc đẩy thương mại phát triển +Liên kết công xã, tạo điều kiện cho nhà nước ra đời. +Có nhiều phát minh quan trọng phục vụ sản xuất.	0.5 điểm 0.25 điểm 0.25 điểm

	0.25 điểm 0.25 điểm
Câu 2: (1 điểm) Điều kiện tự nhiên của Hy Lạp có tác động như thế nào đối với sự hình thành, phát triển của nền văn minh Hy Lạp ? Vị trí địa lý: - Nằm ở phía nam bán đảo Ban-căng, gần Địa Trung Hải. - Địa hình: Bị chia cắt, đồng bằng nhỏ hẹp, giàu khoáng sản, nhiều cảng biển. - Tác động đến kinh tế: + Trồng cây công nghiệp. Phát triển luyện kim, gốm + Phát triển giao lưu mua bán trong và ngoài nước.	0.25 điểm 0.25 điểm 0.25 điểm 0,25 điểm
Câu 3 (0,5 điểm): Sự xuất hiện của kim loại có vai trò như thế nào đối với sự chuyển biến và phân hóa từ xã hội nguyên thuỷ sang xã hội có giai cấp? - Kim loại có vai trò quan trọng, thúc đẩy sự chuyển biến và phân hóa từ xã hội nguyên thuỷ sang xã hội có giai cấp. - Công cụ lao động bằng kim loại ra đời làm cho sản phẩm phát triển, năng suất lao động tăng dần dẫn đến sản phẩm dư thừa thường xuyên Từ đó xã hội có sự Tư hữu và xã hội có sự phân hóa giàu nghèo . Xã hội nguyên thủy tan rã hình thành xã hội có giai cấp ấp	0.25 điểm 0.25 điểm
Câu 4 (1.5 điểm) Oxi: là chất khí giúp duy trì sự sống của con người và các loài sinh vật, là nguyên tố cấu tạo nên các tế bào và hợp chất quan trọng	0.5 điểm

<table>
<tr>
<td>Cacbonic: Là chất khí tham gia vào quá trình quang hợp của thực vật, đồng thời là chất khí giúp giữ lại lượng nhiệt cần thiết cho Trái Đất đủ ấm, điều hòa với sự sống

Hơi nước: Có vai trò rất quan trọng, là cơ sở tạo ra lớp nước trên Trái Đất, hình thành nên sự sống của muôn loài</td>
<td>0.5 điểm

0.5 điểm</td>
</tr>
<tr>
<td>Câu 5 (1.5 điểm)

a. Điểm khác biệt

<table>
<tr><th></th><th>Núi</th><th>Cao nguyên</th></tr>
<tr><td rowspan="2">Đặc điểm</td><td>Là dạng địa hình nhô cao rõ rệt so với mặt bằng xung quanh</td><td>Là vùng đất tương đối bằng phẳng hoặc gợn sóng</td></tr>
<tr><td>Núi thường có đỉnh nhọn, sườn dốc.</td><td>có sườn dốc, nhiều khi dựng đúng thành vách so với vùng đất xung quanh.</td></tr>
</table>
b. Hs nêu ít nhất tên 3 dãy núi</td>
<td>0,5 điểm

0,5 điểm

0,5 điểm</td>
</tr>
</table>

TIẾT 28 + 29 **Bài 17: Thời tiết và khí hậu. Biến đổi khí hậu**
(Thời gian thực hiện: 2 tiết)

NS: 8 /1/2024

I. MỤC TIÊU

Yêu cầu cần đạt

1. Kiến thức

- Phân biệt được thời tiết và khí hậu.
- Trình bày được khái quát đặc điểm của một trong các đới khí hậu trên Trái Đất.
- Nêu được một số biểu hiện của biến đổi khí hậu.
- Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.
-Ứng phó với các tình huống khắc nghiệt của thời tiết, khí hậu.

*** Năng lực Địa Lí**

- Quan sát ghi chép một số yếu tố thời tiết đơn giản địa phương (nhiệt độ gió mưa) trong một ngày(hoặc một vài ngày) qua quan sát thực tế hoặc qua bản tin thời tiết của tỉnh / thành phố.
- Dựa vào bảng số liệu tính lượng mưa trung bình ngày ,tháng ,năm .
- Phân tích, so sánh về hiện tượng thời tiết và khí hậu, thu thập và xử lý thông tin về nhiệt độ không khí phán đoán sự thay đổi nhiệt độ không khí

3. Phẩm chất

-Trách nhiệm: Nhận thức được tình hình thời tiết và yêu thiên nhiên
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

4. HSKT

Biết khái niệm thời tiết và khí hậu

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Bản tin thời tiết, nhiệt kế. PHT

2. Chuẩn bị của học sinh: sách giáo khoa, vở ghi..

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

1. Hoạt động mở đầu

a. Mục đích: Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Cách thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: HS được quan sát video về nhưng trận thiên tai,lũ lụt. Nêu hậu quả
HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập
GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ
HS: Suy nghĩ, trả lời
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung
HS: Trình bày kết quả
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới
HS: Lắng nghe, vào bài mới

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Khái niệm về thời tiết và khí hậu

a. Mục đích: HS biết được khái niệm thời tiết và khí hậu

b. Cách thực hiện.

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Nội dung</th></tr>
<tr><td>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập
* GV: HS đọc thông tin SGK và cho biết.(HĐ cá nhân- ưu tiên HSKT)
- Khái niệm thời tiết, khí hậu.
Dựa vào bản tin dự báo thời tiết phần khởi động, em hãy:
Nêu những yếu tố được sử dụng để biểu hiện thời tiết.
- Mô tả đặc điểm thời tiết của từng ngày trong bảng.
- Hãy cho biết, trong tình huống ở đầu bài, bạn nào là người nói đúng
* Hoạt động nhóm: Hoàn thành PHT so sánh sự khác nhau giữa thời tiết và khí hậu
<table>
<tr><th>Dấu hiệu</th><th>Thời tiết</th><th>Khí hậu</th></tr>
<tr><td>Thời gian</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Phạm vi</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Nhịp độ thay đổi</td><td></td><td></td></tr>
</table>
HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe
</td><td rowspan="3">
1. Khái niệm về thời tiết và khí hậu
- Thời tiết là trạng thái của khí quyển tại một thời điểm và khu vực cụ thể được xác định bằng nhiệt độ, độ ẩm, lượng mưa và gió. Thời tiết luôn thay đổi
- Khí hậu ở một nơi là tổng hợp các yếu tố thời tiết (nhiệt độ, độ ẩm, lượng mưa, gió,...) của nơi đó, trong một thời gian dài và đã trở thành quy luật
</td></tr>
<tr><td>
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập
GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ
HS: Suy nghĩ, trả lời
</td></tr>
<tr><td>
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
HS: Trình bày kết quả
GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung
</td></tr>
</table>

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2: Các đới khí hậu trên Trái Đất

a. Mục đích: HS biết được phạm vi và đặc điểm của các đới khí hậu trên TĐ

b. Cách thực hiện.

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Nội dung</th></tr>
<tr><td>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập (HĐ Nhóm)
GV
1. Xác định trên hình 1 phạm vi của năm đới khí hậu trên Trái Đất.
2. Hãy lựa chọn và trình bày khái quát đặc điểm của một đới khí hậu.
<table>
<tr><th>Tên đới khí hậu</th><th>Phạm vi và Đặc điểm</th></tr>
<tr><td>N1+2: Đới nóng</td><td></td></tr>
<tr><td>N3+4: Đới ôn hòa</td><td></td></tr>
<tr><td>N5+6: Đới lạnh</td><td></td></tr>
</table>
HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ</td><td rowspan="4">2. Các đới khí hậu trên Trái Đất

(Bảng chuẩn kiến thức)</td></tr>
<tr><td>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập
GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ
HS: Suy nghĩ, trả lời</td></tr>
<tr><td>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
HS: Trình bày kết quả
GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung</td></tr>
<tr><td>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng
HS: Lắng nghe, ghi bài</td></tr>
</table>

Bảng chuẩn kiến thức

Tên đới khí hậu	Phạm vi và Đặc điểm
Đới nóng	quanh năm nóng, nhiệt độ trung bình năm không thấp hơn 20°C, Gió thổ thường xuyên là gió Mậu dịch.
2 đới ôn hoà	có nhiệt độ không khi trung bình năm dưới 20°C, tháng nóng nhát không thấp hơn 10°C; Gió thổi thường xuyên là gió Tây ôn đới
2 đới lạnh	là khu vực có băng tuyết hầu như quanh năm, nhiệt độ trung bình của tả cả các tháng trong năm đều dưới 10°C.; Gió thổi thường xuyên là gi Đông cực

Hoạt động 3: Biến đổi khí hậu

a. Mục đích: HS biết được nguyên nhân, biểu hiện và hậu quả của biến đổi khí hậu

b. Cách thực hiện.

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Nội dung</th></tr>
<tr><td>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập
GV:
- Cho học sinh quan sát một số tranh ảnh hậu quả của biến đổi khí hậu
- Theo yêu cầu đã chuẩn bị từ tiết trước, các nhóm lần lượt báo các các nội dung :
<table><tr><td>Nguyên nhân</td><td>Nhóm 1</td></tr><tr><td>Biểu hiện</td><td>Nhóm 2</td></tr><tr><td>Hậu quả</td><td>Nhóm 3</td></tr><tr><td>Giải pháp</td><td>Nhóm 4</td></tr></table>HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ</td><td rowspan="4">3. Biến đổi khí hậu</td></tr>
<tr><td>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập
GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ
HS: Suy nghĩ, trả lời</td></tr>
<tr><td>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
HS: Trình bày kết quả
GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung</td></tr>
<tr><td>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng
HS: Lắng nghe, ghi bài</td></tr>
</table>

Bảng chuẩn kiến thức.

Nguyên nhân	Có nhiều nguyên nhân nhưng chủ yếu là do tăng nhanh của khí CO2
Biểu hiện	biểu hiện bởi sự nóng lên toàn cầu, mực nước biển dâng và gia tăng các hiện tượng khí tượng thuỷ văn cực đoan.
Hậu quả	làm cho thiên tai xảy ra ngày càng nhiều và khốc liệt.
Giải pháp	sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng, sử dụng phương tiện giao thông công cộng, hạn chế dùng túi ni-lông, tích cực trồng cây xanh, bảo vệ rừng,...

3 . Hoạt động luyện tập.

a. Mục đích: Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học

b. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

1: Em hãy nêu một số hoạt động mà bản thân và gia đình có thể làm để góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu?

2. Trả lời câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Khí hậu khác thời tiết đặc điểm là

A. Sự thay đổi nhiệt độ nhanh chóng trong một thời gian ngắn

B. Là các hiện tượng khí hậu bất thường như bão lụt, hạn hán

C. Là sự lặp đi lặp lại tình hình thời tiết ở một địa phương trong thời gian dài

D. Sự ổn định của thời tiết trong thời gian ngắn

Câu 2: Đới khí hậu phân bố trong phạm vi từ chí tuyến đến hai vòng cực :

A. Ôn đới B. Nhiệt đới C. Hàn đới D. Cận nhiệt đới

Câu 3: Đới khí hậu nào nhận được lượng nhiệt và góc chiếu sáng từ mặt trời nhiều nhất

A. Ôn đới B. Nhiệt đới C. Hàn đới D. Cận nhiệt đới

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục đích: HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay

b.Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: Em hãy chuẩn bị một số nội dung để tuyên truyền về biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu cho gia đình cũng như những người xung quanh

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS: trình bày kết quả

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Chuẩn kiến thức và yêu cầu chuẩn bị bài mới **BÀI 18. THỰC HÀNH: PHẦN TÍCH BIỂU ĐỒ NHIỆT ĐỘ,LƯỢNG MƯA**

Quan sát hình 2, em hãy:

- Xác định vị trí của các địa điểm trên bản đồ (thuộc đới khí hậu nào).
- Hoàn thành bảng gợi ý theo mẫu sau vào bảng phụ biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa của Tích-xi, Xơ-un, Ma-ni-la.
- Nêu đặc điểm về nhiệt độ, lượng mưa của ba địa điểm trên

	N1+2 Tích-xi	N3+4 Xơ-un	N5+6 Ma-ni-la

	N1+2 Tích-xi	N3+4 Xơ-un	N5+6 Ma-ni-la
Về nhiệt độ			
Nhiệt độ tháng cao nhất (°C)			
Nhiệt độ tháng thấp nhất (°C)			
Biên độ nhiệt độ năm (°C)			
Nhiệt độ trung bình năm (°C)			
Về lượng mưa			
Lượng mưa tháng cao nhất (mm)			
Lượng mưa tháng thấp nhất (mm)			
Lượng mưa trung bình năm (mm)			

TIẾT 30 **Bài 18: Thực hành: Phân tích biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa**

(Thời gian thực hiện: 1 tiết)

NS: 23/1/2024

I. MỤC TIÊU

Yêu cầu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Phân tích được biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa.
- Xác định được đặc điểm về nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm trên bản đồ khí hậu thế giới

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Giáo dục học sinh nhận biết về nhiệt độ, lượng mưa của một địa điểm.

4. HSKT

Xác định được các vị trí các địa điểm trên bản đồ

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: - Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của 3 địa điểm (tích xi, xơ un, manila).

2. Chuẩn bị của học sinh: Bảng phụ có sẵn

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

1. Hoạt động mở đầu

a. Mục đích: Giáo viên đưa ra nội dung để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Cách thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: Treo biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của Hà Nội lên giới thiệu: đây là biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của TP Hà Nội vậy nhìn vào biểu đồ em biết được những yếu tố gì?

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

HS: Trình bày kết quả

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới

HS: Lắng nghe, vào bài mới

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động 1: Hướng dẫn đọc biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa

a. Mục đích:

b. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Quan sát hình 1, em hây cho biết: - Trục bên tay trái thể hiện yếu tố nào. Đơn vị đo của yếu tố đó. - Trục bên tay phải thể hiện yếu tố nào. Đơn vị đo của yếu tố đó. - Biểu đồ cột màu xanh thể hiện cho yếu	**1. Hướng dẫn đọc biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa** B1: Đọc tên biểu đồ, nhận dạng các yếu tố nhiệt độ, lượng mưa. B2: Dựa vào biểu đồ để đo tính nhiệt độ và

tố nào. - Đường biểu diễn màu đỏ thể hiện yếu tố nào. Trục ngang thể hiện yếu tố nảo HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe	lượng mưa các tháng. Đặc biệt chú ý tháng cao nhất và tháng thấp nhất để tìm sự chênh lệch. B3: Từ kết quả đã phân tích để rút ra nhận xét, kết luận về đặc điểm khí hậu của địa phương đó.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2:Nội dung thực hành

a. Mục đích: HS biết vận dụng lí thuyết vừa học vào để đọc biểu đồ lượng mưa

b. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV Quan sát hình 2, em hãy: HSKT: Xác định vị trí của các địa điểm trên bản đồ (thuộc đới khí hậu nào). - Các nhóm theo yêu cầu từ tiết trước báo cáo thảo luận theo mẫu về biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa ở các địa điểm. Nêu đặc điểm về nhiệt độ, lượng mưa của ba địa điểm . N1 :Tích-xi N2: Xơ-un, N3: Ma-ni-la.	**2. Nội dung thực hành**

	Tích-xi	Xơ-un	Ma-ni-la
Về nhiệt độ			
Nhiệt độ tháng cao nhất (°C)			

Nhiệt độ tháng thấp nhất (°C)			
Biên độ nhiệt độ năm (°C)			
Nhiệt độ trung bình năm (°C)			
Về lượng mưa			
Lượng mưa tháng cao nhất (mm)			
Lượng mưa tháng thấp nhất (mm)			
Lượng mưa trung bình năm (mm)			

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS: Trình bày kết quả

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: GV nhận xét, đánh giá nội dung và thái độ học tập, hoạt động của các nhóm

HS: Lắng nghe

3. Hoạt động luyện tập.

a. Mục đích: Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học

b. Nội dung: Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm

c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh

d. Cách thực hiện.

B1: Giáo viên nhắc lại kiến thức của các bài tập.

Hướng dẫn học sinh hoàn thành các bài tập

B2: Học sinh hoàn thiện nội dung thực hành vào vở

B3: GV kiểm tra vơt một số học sinh

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục đích: HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay

b. Nội dung: Vận dụng kiến thức

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: HS đọc biểu đồ lượng mưa của tỉnh mình sinh sống

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS: Trình bày kết quả

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung và đánh giá kết quả học tập

Bước 4: Giao nhiệm vụ học tập

GV: Nhắc học sinh chuẩn bị nội dung bài **Bài 19: Thủy quyển và vòng tuần hoàn lớn của nước**

- Nêu khái niệm thuỷ quyển
- Kể tên các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển.
- Cho biết nước ngọt tồn tại dưới những dạng nào. Nêu tỉ lệ của từng dạng.

TIẾT 31 **Bài 19: Thủy quyển và vòng tuần hoàn lớn của nước**

Thời gian thực hiện (1tiết)

NS: 11/2/2024

I. MỤC TIÊU

Yêu cầu cần đạt

1. Kiến thức:

- Kể tên được các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển.
- Mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước.
- Có ỷ thức sử dụng hợp lí và bảo vệ tài nguyên nước

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất

- Yêu thích môn học, có niềm hứng thú với việc tìm hiểu các sự vật hiện tượng địa lí nói riêng và trong cuộc sống nói chung
- Có y thức sử dụng hợp lí và bảo vệ tài nguyên nước

- Tôn trọng các quy luật tự nhiên trong thủy quyển

4. HSKT

Biết được các thành phần của thủy quyển

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Biểu đồ phân bố nước trên Trái Đất trong sgk
- Sơ đồ vòng tuần hoàn lớn của nước
- Các hình ảnh, video về thủy quyển, vòng tuần hoàn của nước

2. Chuẩn bị của học sinh: sách giáo khoa, vở ghi, bảng vẽ vòng tuần hoàn lớn của nước

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động mở đầu

a. Mục đích: Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Tổ chức thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV:

quan sát bứa tranh và đọc tình huống sau.

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

HS: Trình bày kết quả

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới

HS: Lắng nghe, vào bài mới

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Thuỷ quyển

a. Mục đích: HS hiểu khái niệm thuỷ quyển, các thành phần cảu thuỷ quyển
b. Nội dung: Thuỷ quyển
c. Sản phẩm: Bài thuyết trình và câu trả lời của HS
d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Quan sát hình 1 và đọc thông tin trong mục 1, em hãy: - Nêu khái niệm thuỷ quyển ? HSKT: Kể tên các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển. - Cho biết nước ngọt tồn tại dưới những dạng nào. Nêu tỉ lệ của từng dạng. HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe	**l.Thuỷ quyển** - KN: Thuỷ quyển là toàn bộ lớp nước bao quanh Trái Đất, nằm trên bề mặt và bên trong của vỏ Trái Đất; - Gồm nước ở các đại dương, biển, sông, hồ, đầm lầy, nước dưới đất (nước ngầm), tuyết, băng và hơi nước trong khí quyển
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2: Vòng tuần hoàn lớn của nước

a. Mục đích: HS biết được các bước trong vòng tuần hoàn lớn của nước
b. Nội dung: Tìm hiểu Vòng tuần hoàn lớn của nước
c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: HS Quan sát sơ đồ hình 2 và kết hợp với hiểu biết của em, hãy:	**2.Vòng tuần hoàn lớn của nước**

- Cho biết nước mưa rơi xuống bề mặt đất sẽ tồn tại ở những đâu. - Mô tả vòng tuần hoàn lớn của nước HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	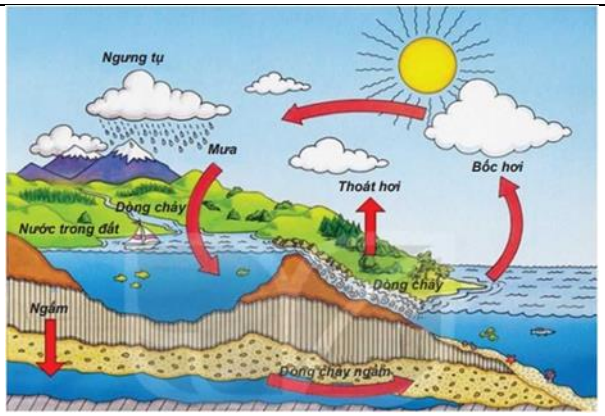
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Các nhóm đã chuẩn bị sơ đồ vòng tuần hoàn lên thuyết trình	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục đích: Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học

b. Nội dung: Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm

c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh

d. Cách thực hiện.

B1: GV đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1. Trên Trái Đất nước mặn chiếm khoảng

A. 2,5%. B. 30,1%.

C. 97,5%. D. 68,7%.

Câu 2. Thủy quyển là lớp nước trên Trái Đất không tồn tại ở trạng thái nào sau đây?

A. Rắn. B. Quánh dẻo.

C. Lỏng. D. Hơi.

Câu 3. Trên Trái Đất diện tích đại dương chiếm

A. 1/2. B. 3/4.

C. 4/5. D. 2/3.

Câu 4. Nước từ đại dương bốc hơi được gió đưa vào lục địa gây mưa rơi xuống thành các dạng nước rồi đổ ra đại dương, hiện tượng đó là

A. vòng tuần hoàn của sinh vật. B. vòng tuần hoàn địa chất.

C. vòng tuần hoàn nhỏ của nước. D. vòng tuần hoàn lớn của nước.

Câu 5. Nguồn nước bị ô nhiễm không bao gồm

A. Nước sông hồ. B. Nước biển.

C. Nước lọc. D. Nước ngầm.

B2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập: Chọn câu trả lời đúng

B3: GV đánh giá kết quả

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục đích: HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay

b. Nội dung: Vận dụng kiến thức

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: Nguồn nước ngọt ở Việt Nam đang suy giảm về số lượng và bị ô nhiễm nghiêm trọng. Em hãy tìm hiểu và cho biết, tình trạng đó dẫn đến những hậu quả gì

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS: Trình bày kết quả

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Chuẩn kiến thức , nhắc học sinh chuẩn bị tiết học sau

BÀI 20. SÔNG VÀ HỒ. NƯỚC NGẦM VÀ BĂNG HÀ

Các cặp đôi ngồi gần nhau, chuẩn bị phiếu học tập với nội dung như sau:

Đặc điểm	**Sông**	**Hồ**
Nguồn cung cấp		
Diện tích		
Sông chính		
phụ lưu		

TIẾT 32+33 **Bài 20: Sông và hồ. Nước ngầm và băng hà**

Thời gian thực hiện (2 tiết)

NS: 15/2/2024

I. MỤC TIÊU :

Yêu cầu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn, mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông.
- Nêu được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ.
- Nêu được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà.
- Có ý thúc sử dụng hợp lí và bảo vệ nước sông, hồ, nước ngầm và băng hà

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất

- Yêu thích môn học, có niềm hứng thú với việc tìm hiểu các sự vật hiện tượng địa lí nói riêng và trong cuộc sống nói chung
- Có ý thức sử dụng hợp lý và bảo vệ nước sông, hồ. Bảo vệ môi trường cũng chính là bảo vệ băng hà và nguồn nước ngầm

4. HSKT

Biết được vai trò của sông, hồ với con người

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Bản đồ sông ngòi Việt Nam

2. Chuẩn bị của học sinh: sách giáo khoa, vở ghi, phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

1. Hoạt động mở đầu

a. Mục đích: Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Cách thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: nước sông, hồ, nước ngầm và băng hà là nguồn nước ngọt chính trên Trái Đất. Các nguồn nước; này có vai trò như thế nào đối với tự nhiên và đời sống con người? Làm thế nào để sử dụng chúng đạt hiệu quả cao?

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

HS: Trình bày kết quả

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới

HS: Lắng nghe, vào bài mới

2. Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Sông, hồ

a. Mục đích: HS biết được khái niệm, cấu tạo, vai trò cảu nước của sông và hồ

b. **Cách thực hiện.**

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Nội dung</th></tr>
<tr><td>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập
a. Sông
? Sông là gì?
? Những nguồn cung cấp nước cho dòng sông
GV: Cho HS quan sát bảng số liệu (71SGK) và nội dung kiến thức , hoàn thành PHT
<table>
<tr><th>Nguồn cung cấp</th><th>Sông</th><th>Hồ</th></tr>
<tr><td>Diện tích</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Sông chính</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>phụ lưu</td><td></td><td></td></tr>
</table>
GV: Em hây nêu mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với nguồn cung cấp nước sông
? Sông chính cùng phụ lưu, chi lưu hợp lại gọi là gì?
b. Sử dụng tổng hợp nước sông, hồ
1. Em hãy cho biết nước sông, hồ có vai trò như thề nào đối với đời sống và sản xuất..
</td><td>
1. Sông, hồ
a. Sông.
- Sông là dòng chảy thường xuyên của nước, tương đối ổn định trên bề mặt lục đia .
- Nguồn cung cấp cho sông: Nước mưa, nước ngầm, băng tuyết tan.

- Diện tích đất đá cung cấp nước thường xuyên cho sông gọi là lưu vực sông .

- Sông chính cùng phụ lưu, chi lưu hợp lại gọi là hệ thống sông.

b. Sử dụng tổng hợp nước sông, hồ.
Nước sông, hồ được con người sử dụng vào nhiều mục đích: giao thông,
</td></tr>
</table>

2. Đọc thông tin trong mục b, quan sát hình 2 và dựa vào hiểu biết của em, ? Hãy cho biết việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ có thể mang lại những lợi ích gì (Ưu tiên HSKT). Nêu ví dụ. HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe	du lịch, nước cho sinh hoạt, tưới tiêu, đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản, làm thuỷ điện.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Trao đổi cặp, hoàn thành phiếu học tập	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2.2: Nước ngầm (nước dưới đất)

a. Mục đích: HS biết được các yếu tố tạo nên lượng nước ngầm. và giá trị của nguồn nước ngầm.

b. Nội dung: Tìm hiểu Nước ngầm (nước dưới đất)

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV Dựa vào hình 3, em hãy cho biết 1. Nước ngầm được hình thành như thế nào. 2. Nước ngầm chủ yếu được sử dụng vào mục đích gì? 3. Nêu một số biện pháp sử dụng hợp lí và bảo vệ nước ngầm HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**2. Nước ngầm (nước dưới đất)** - các yếu tố tạo nên lượng nước ngầm :Lượng nước ngầm nhiều hay ít, mực nước ngầm nông hay sâu phụ thuộc vào địa hình, nguồn cung cấp nước và lượng bốc hơi,... -Vai trò: nguồn cung cấp nước sinh hoạt và nước tưới quan trọng trên thế giới. Nước ngầm góp phần ổn định dòng chảy của sông ngòi; đồng thời, cố định các lớp đất đá bên trên,
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	ngăn chặn sự sụt lún
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2.3: Băng hà (sông băng)

a. Mục đích: HS biết được vai trò của băng hà đối với tự nhiên và đời sống con người

b. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: HS đọc thông tin SGK và cho biết Vai trò của băng hà đối với tự nhiên và đời sống con người HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**3. Băng hà (sông băng)** Băng hà góp phần điều hoà nhiệt độ trên Trái Đất, cung cấp nước cho các dòng sông
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Thảo luận, cử đại diện báo cáo	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, học sinh nhóm khác nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục đích: Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học

b. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục đích: HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay

b. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: HS hoàn thành các yêu cầu sau.

1. Thu thập thông tin và cho biết trong các sông: sông Đà, sông Luộc, sông Đuống, sông Lô, sông nào là phụ lưu, sông nào là chi lưu của sông Hồng.

2. Việc khai thác nước ngầm vượt quá giới hạn cho phép sẽ gây ra hậu quả như thế nào?HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS: trình bày kết quả

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Chuẩn kiến thức. Nhắc học sinh chuẩn bị cho Bài 21: Biển và đại dương

? Tìm hiểu các tên đại dương và biển lớn trên thế giới

TIẾT 34 + 35 **BÀI 21 - BIỂN VÀ ĐẠI DƯƠNG**

Thời gian thực hiện: (2 tiết)

ND:8/3/2024

I. MỤC TIÊU

Yêu cầu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Xác định được trên bản đồ các đại dương thế giới.
- Nêu được sự khác biệt về nhiệt độ, độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới.
- Trình bày được các hiện tượng sóng, thuỷ triều, dòng biển

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất

Yêu thiên nhiên và bảo vệ môi trường

4. HSKT

- Kể được tên các đại dương và một số biển lớn trên trái đất

II. Chuẩn bị học liệu

1. Giáo viên

- Bản đồ biển và đại dương trên thế giới
- Bản đồ các dòng biển trong đại dương thế giới
- Phiếu học tập
- Video, tranh ảnh về một số biển và đại dương nổi tiếng trên thế giới, hiện tượng sóng, thủy triều

2. Học sinh: Sơ đồ tư duy, sách, vở

III. Tiến trình bài dạy

1. Hoạt động khởi động.

a. Mục đích: Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Cách thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: Nước mặn chiếm 97,5% khối nước trên Trái Đất, gần như toàn bộ nằm trong các biển và đại dương. Nước trong các biển và đại dương có nhiệt độ và độ muối khác nhau theo và độ và luôn vận động

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

HS: Trình bày kết quả

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới

HS: Lắng nghe, vào bài mới

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Đại dương thế giới

a. Mục đích: kể tên được các đại dương trên thế giới

b. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
HĐ cá nhân	**1. Đại dương thế giới**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: HS đọc thông tin SGK và quan sát H1 cho biết ? HSKT : Kể tên các đại dương trên Trái đất mà em biết Xác định vị trí các đại dương trên hình 1. Cho biết mỗi đại dương tiếp giáp với các châu lục nào HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe	- Đại dương thế giới là lớp nước liên tục, bao phủ hơn 70% diện tích bề mặt Trái Đất. - Bao gồm: Thái Bình Dương, Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương và Bắc Băng Dương
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2: Độ muối, nhiệt độ của nước biển

a. Mục đích: HS biết được độ mặn TB của nước biển; nhiệt độ trung bình của nước biển

b. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
HĐ cặp đôi **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập** GV : Dựa vào thông tin trong mục 2, em hãy nhận xét sự thay đổi của độ muối và nhiệt độ giữa vùng biển nhiệt đới với vùng biển ôn đới HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**2. Độ muối, nhiệt độ của nước biển.** - Nước ở biển và đại dương có vị mặn. Độ muối trung bình của nước đại dương là 35%O. - Nhiệt độ trung bình bề mặt toàn bộ đại dương thế giới là khoảng 17°c
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Các cặp đôi trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 3. Một số dạng vận động của nước biển và đại dương

a. Mục đích: HS biết được các hình thức vận động và đặc điểm của từng vận động đó.

b. Cách thực hiện.

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Nội dung</th></tr>
<tr><td>HĐ nhóm (PHT)
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập
GV : Hoàn thành PHT theo mẫu sau
<table>
<tr><th>Tên các hình thức vận động</th><th>Đặc điểm</th></tr>
<tr><td>Sóng biển</td><td></td></tr>
<tr><td>Thủy triều</td><td></td></tr>
<tr><td>Dòng biển</td><td></td></tr>
</table>
HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập
GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ
HS: Suy nghĩ, trả lời
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
HS: Đại diện nhóm trình bày kết quả
GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng
HS: Lắng nghe, ghi bài</td><td>3. Một số dạng vận động của nước biển và đại dương
a. Sóng biển :
- Sóng là sự chuyển động tại chỗ của các lớp nước trên mặt
- Gió là nguyên nhân chính tạo ra sóng. Gió càng mạnh thì sóng càng lớn
b. Thuỷ triều:
- Thủy triều là hiện tượng nước biển dâng lên, hạ xuống trong một thời gian nhất định (trong ngày).

c. Dòng biển.
- Dòng biển là các dòng nước chảy trong biển và đại dương
- Có hai loại dòng biển: dòng biển nóng và dòng biển lạnh</td></tr>
</table>

3. Hoạt động luyện tập.

a. Mục đích: Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học

b. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: Đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.

Câu 1. Trên thế giới **không** có đại dương nào sau đây?

A. Bắc Băng Dương.

B. Thái Bình Dương.

C. Đại Tây Dương.

D. Châu Nam Cực.

Câu 2. Dao động thủy triều lớn nhất vào các ngày nào sau đây?

A. Trăng tròn và không trăng.

B. Trăng khuyết và không trăng.

C. Trăng tròn và trăng khuyết.

D. Trăng khuyết đầu, cuối tháng

Câu 3. Hình thức dao động tại chỗ của nước biển và đại dương gọi là

A. sóng biển.
B. dòng biển.
C. thủy triều.
D. triều cường.

Câu 4. Trên các biển và đại dương có những loại dòng biển nào sau đây?
A. Dòng biển nóng và dòng biển lạnh.
B. Dòng biển lạnh và dòng biển nguội.
C. Dòng biển nóng và dòng biển trắng.
D. Dòng biển trắng và dòng biển nguội.

HS: lắng nghe

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục đích: HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay

b. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: HS Chọn một trong hai nhiệm vụ sau:

1/ Sưu tầm thông tin về việc con người khai thác năng lượng từ sóng và thuỷ triều.

2/ Hãy sưu tầm tư liệu về ảnh hưởng của dòng biển nóng và dòng biển lạnh đối với các vùng ven bờ nơi chúng chảy qua.

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS: trình bày kết quả

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

* HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC: Xem lại nội dung để ôn tập kiểm tra giữa kì II

TIẾT 36 **ÔN TẬP GIỮA KÌ II**

(Thời gian thực hiện: 1 tiết)

NS: 14/03/2024

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Học sinh hệ thống lại kiến thức

- Nhiệt độ, mưa. Thời tiết và khí hậu
- Sự biến đổi khí hậu và biện pháp ứng phó
- Các thành phần của thủy quyển
- Sông hồ, việc sử dung sông hồ, nước ngầm và băng hà

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí: Sử dụng bản đồ và sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh để xác định nội dung theo yêu cầu của giáo viên.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học;
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong giờ học

4. HSKT

Học sinh trả lời được một số câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến nội dung ôn tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Ma trận, bảng đặc tả, đề cương

2. Học sinh

- Bảng phụ

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

1. Hoạt động mở đầu

a. Mục tiêu: Kết nối vào bài học, tạo hứng thú cho học sinh

b. Cách thức tổ chức

Cho học sinh khởi động cơ thể theo bài hát " baby shark"

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.

Bước 2: HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 3: HS tham gia khởi động

Bước 4: GV nhận xét và kết nối vào bài mới.

2. Nội dung ôn tập

Hoạt động 1: Phần trắc nghiệm (HĐ cá nhân)

a. Mục tiêu: Hệ thống hóa kiến thức bằng các câu hỏi trắc nghiệm

b. Tổ chức thực hiện
Bước 1: GV chiếu các câu hỏi có trong đề cương
Bước 2: HS quan sát các câu hỏi
Bước 3: HS trả lời bằng cách giơ tay, học sinh khác nhận xét
- GV quan sát, ưu tiên HSKT trả lời
Bước 4: GV nhận xét, lưu ý những câu hỏi trọng tâm

Hoạt động 2: Phần tự luận (HĐ nhóm)

a. Mục tiêu:

- Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.
- Trình bày được mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông
- Nêu được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ, Nêu được vai trò của nước ngầm

b. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV chia lớp thành các nhóm

HS thảo luận nhóm với các nội dung

N1: Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.
N2: Trình bày được mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông
N3: Nêu được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ,
N4: Nêu được vai trò của nước ngầm

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc nhóm, trình bày, nhận xét, bổ sung.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Hs Trả lời.
- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, đánh giá.

3. Hoạt động luyện tập và vận dụng

a. Mục tiêu:

- HS được luyện tập, củng cố kiến thức, kĩ năng đã ôn tập

b. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV nhắc lại những kiến thức ôn tập trọng tâm
Bước 2: Học sinh lắng nghe
Bước 3: Giáo viên:
- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc cá nhân, nhóm của HS.
- Nhắc nhở học sinh học bài, hướng dẫn phương pháp, nội dung ôn tập chuẩn bị cho kiểm tra giữa kì II

TIẾT 37 **KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

Thời gian thi: 29/3/2024

I. Mục tiêu

- Đánh giá về kiến thức, kĩ năng ở 3 mức độ nhận thức: nhận biết, thông hiểu và vận dụng các nội dung đã học:
- Nhiệt độ, mưa. Thời tiết và khí hậu
- Sự biến đổi khí hậu và biện pháp ứng phó
- Các thành phần của thủy quyển
- Sông hồ, việc sử dung sông hồ, nước ngầm và băng hà
- Đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm điều chỉnh nội dung dạy học và giúp đỡ học sinh một cách kịp thời đặc biệt HSKT

II. Hình thức kiểm tra

- Phân môn Địa lí: Tự luận và trắc nghiệm (TN: 1.0đ, TL: 2.5 đ)

III. Xây dựng ma trận đề kiểm tra

- Có ma trận+ bảng đặc tả + đề kèm theo

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II – NĂM HỌC 2023-2024

MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6 THỜI GIAN :60 PHÚT

I. PHÂN MÔN LỊCH SỬ (6.5 ĐIỂM)

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức				Tổng % điểm
			Nhận biết (TN)	Thông hiểu (TL)	Vận dụng (TL)	Vận dụng cao (TL)	
1	Việt Nam từ khoảng thế kỉ VII trước công nguyên đến đầu thế kỉ X	Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc	2TN	1TL			26,7%
		Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và sự chuyển biến của xã hội Âu Lạc	2TN				6,7%
		Các cuộc đấu tranh giành lại	3TN		1TL		20%

		độc lập					
		Bước ngoặt lịch sử ở đầu thế kỉ X	2TN			1TL	**11,6%**
Tỉ lệ			9 câu 3.0 điểm 30%	1 câu 2.0 điểm 20%	1 câu 2.0 điểm 10%	1 câu 0.5 điểm 5%	12 câu 6.5 điểm 65%

II. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ (3.5 ĐIỂM)

TT	**Nội dung kiến thức**	**Đơn vị kiến thức**	**Mức độ nhận thức**	**% Tổng điểm**

			Nhận biết (TN)	**Thông hiểu (TL)**	**Vận dụng (TL)**	**Vận dụng cao (TL)**	
1	**Khí hậu và biến đổi khí hậu**	Nhiệt độ và mưa. Thời tiết, khí hậu	1TN				8,3%
		Sự biến đổi khí hậu và biện pháp ứng phó				1TL	
2	**Nước trên Trái đất**	Thủy quyển và vòng tuần hoàn lớn của nước	1 TN				
		Sông, hồ và việc sử dụng nước sông, hồ, nước ngầm và băng hà	1 TN	1TL(a)	1TL (b)		26,7 %
Số câu			3 TNKQ	1TL (a)	1TL (b)	1 TL	6 câu
Tỉ lệ %			10%	10%	10%	5%	35 %
Tổng số câu			**12**	**1+ 1(a)**	**1+ 1(b)**	**2**	**17**

Tổng điểm	**4**	**3**	**2**	**1**	**10**
Tổng % điểm	**40%**	**30%**	**20%**	**10%**	**100%**
HSKT: **Đạt 6/12 câu TN**					

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II - NĂM HỌC 2023-2024

MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6 THỜI GIAN : 60 PHÚT

I. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết (TN)	Thông hiểu (TL)	Vận dụng (TL)	Vận dụng cao (TL)
1	**Việt Nam từ khoảng thế kỉ VII trước công nguyên đến đầu thế kỉ X**	**Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc**	**Nhận biết** – Nêu được khoảng thời gian thành lập của nước Văn Lang, Âu Lạc – Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang, Âu Lạc. **Thông hiểu** – Mô tả được đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang,	2TN	1TL		

			Âu Lạc				
		Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và sự chuyển biến của xã hội Âu Lạc	**Nhận biết** – Nêu được một số chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc trong thời kì Bắc thuộc	2TN			
		Các cuộc đấu tranh giành lại độc lập	**Nhận biết** – Trình bày được những nét chính của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc (khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc	3TN		1TL	

			Loan, Phùng Hưng,...): – Lập được biểu đồ, sơ đồ về diễn biến chính, nguyên nhân, kết quả và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc (khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng,...). **Vận dụng** – Lập được biểu đồ, sơ đồ về diễn biến chính, nguyên nhân, kết quả và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc (khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan,				

			Phùng Hưng,...).				
		Bước ngoặt lịch sử ở đầu thế kỉ X	**Nhận biết** – Trình bày được những nét chính (nội dung, kết quả) về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương **Vận dụng** - Nhận xét được những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền.	2TN			1TL
Số câu/ loại câu				***9 câu*** ***30%***	***1 câu*** 20%	***1 câu*** ***10%***	***1 câu*** ***5%***

II. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ							
Stt	**Nội dung kiến thức**	**Đơn vị kiến thức**	**Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra**	**Số câu hỏi theo mức độ nhận biết**			
				Nhận biết	**Thông hiểu**	**Vận dụng thấp**	**Vận dụng cao**
1	KHÍ HẬU VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	Nhiệt độ và mưa. Thời tiết, khí hậu	Nhận biết Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ bề mặt Trái Đất theo vĩ độ.	1TN			
		Sự biến đổi khí hậu và biện pháp ứng phó	**Vận dụng cao** Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.				1TL
2	NƯỚC TRÊN TRÁI ĐẤT	Các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển	**Nhận biết**: Kể được tên được các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển.	1TN			

		Sông, hồ và việc sử dụng nước sông, hồ, nước ngầm và băng hà	**Nhận biết:** Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn. **Thông hiểu:** Trình bày được mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông. **Vận dụng thấp** - Nêu được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ. – Nêu được vai trò của nước ngầm	1TN	1TL(a)	1TL(b)	
Số câu/ loại câu				***6 TN***	***1TL (a)***	***1TL (b)***	***1TL***
Tỉ lệ				***10%***	***10%***	***10%***	***5%***

UBND HUYỆN NÚI THÀNH

TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

ĐỀ CHÍNH THỨC

KIỂM TRA GIỮA KÌ II

NĂM HỌC 2023-2024

Môn: LỊCH SỬ- ĐỊA LÍ lớp 6

Thời gian: 60 phút *(không kể thời gian giao đề)*

MÃ ĐỀ A

I. Trắc nghiệm (4.0 điểm): Chọn câu trả lời đúng nhất rồi ghi vào giấy kiểm tra.

Câu 1. Nước Âu Lạc thành lập vào khoảng thời gian nào?

A. khoảng năm 208 TCN .
B. khoảng năm 209 TCN.
C. khoảng năm 207 TCN .
D. khoảng năm 206 TCN.

Câu 2. Nhà nước Văn Lang được chia thành mấy bộ?

A. 12 bộ .
B. 13 bộ.
C. 14 bộ .
D. 15 bộ .

Câu 3. Trên lĩnh vực chính trị, sau khi chiếm được Âu Lạc, các triều đại phong kiến phương Bắc đã làm gì?

A. Nắm độc quyền về sắt và muối.
B. Sáp nhập nước ta vào lãnh thổ Trung Quốc.
C. Bắt người Việt cống nạp nhiều sản vật quý.
D. Di dân Hán tới, cho ở lẫn với người Việt.

Câu 4. Nội dung nào dưới đây <u>không</u> phản ánh đúng chính sách bóc lột về kinh tế của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với Việt Nam dưới thời Bắc thuộc?

A. Áp đặt chính sách tô thuế, lao dịch nặng nề.
B. Chia ruộng đất của địa chủ cho nông dân nghèo.
C. Bắt người Việt cống nạp vải vóc, hương liệu, sản vật quý.
D. Chiếm ruộng đất của nhân dân Âu Lạc để lập thành ấp, trại.

Câu 5. Đầu năm 544, Lý Bí tự xưng là Lý Nam Đế, lập ra nhà nước Vạn Xuân, đóng đô ở đâu?

A. Phong Khê.
B. Phong Châu.

C. vùng cửa sông Bạch Đằng. D. vùng cửa sông Tô Lịch.

Câu 6. Những câu thơ dưới đây gợi cho em liên tưởng đến cuộc khởi nghĩa nào của người Việt thời bắc thuộc?

"Một xin rửa sạch nước thù,
Hai xin dựng lại nghiệp xưa họ Hùng,
Ba kẻo oan ức lòng chồng
Bốn xin vẹn vẹn sở công lênh này"

A. Khởi nghĩa Lý Bí. B. Khởi nghĩa Bà Triệu
C. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng. D. Khởi nghĩa Mai Thúc Loan.

Câu 7. Năm 248, Bà Triệu phất cờ khởi nghĩa ở?

A. Hát Môn (Phúc Thọ - Hà Nội).
B. Đầm Dạ Trạch (Hưng Yên).
C. Núi Nưa (Triệu Sơn – Thanh Hóa).
D. Hoan Châu (thuộc Nghệ An – Hà Tĩnh hiện nay).

Câu 8. Sự kiện lịch sử nào ở thế kỉ X đã chấm dứt thời kì đô hộ của phong kiến phương Bắc, đưa Việt Nam bước vào thời kì độc lập, tự chủ lâu dài?

A. Khởi nghĩa của Khúc Thừa Dụ (905).

B. Khúc Hạo cải cách hành chính, xây dựng quyền tự chủ (907).

C. Ngô Quyền xưng vương lập ra nhà Ngô (939).

D. Chiến thắng Bạch Đằng của Ngô Quyền (938).

Câu 9. Cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán xâm lược lần thứ nhất (931) của người Việt đặt dưới sự lãnh đạo của ai?

A. Khúc Thừa Dụ. B. Ngô Quyền.
C. Dương Đình Nghệ. D. Khúc Hạo.

Câu 10. Nhiệt độ trung bình ngày là kết quả tổng cộng nhiệt độ 4 lần trong ngày vào các thời điểm

A. 2 giờ, 8 giờ, 15 giờ, 21 giờ. B. 3 giờ, 9 giờ, 12 giờ, 19 giờ.
C. 1 giờ, 6 giờ, 14 giờ, 20 giờ. D. 1 giờ, 7 giờ, 13 giờ, 19 giờ.

Câu 11. Trên Trái Đất nước mặn chiếm khoảng?

A. 30,1%. B. 2,5%.
C. 97,5%. D. 68,7%.

Câu 12. Lưu vực của một con sông là

A. chiều dài từ thượng nguồn đến các cửa sông.
B. vùng hạ lưu của con sông và bồi tụ đồng bằng.

C. vùng đất đai đầu nguồn của các con sông nhỏ.

D. diện tích đất đai cung cấp nước thường xuyên.

II. Tự luận (6.0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm)

a. Trình bày mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông?

b. Tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp nước sông?

Câu 2. (0.5 điểm) Em hãy cho biết một số biện pháp phòng tránh thiên tai?

Câu 3. (2 điểm) Nêu đời sống vật chất của cư dân Văn Lang, Âu Lạc?

Câu 4. (1.5 điểm)

a. Nêu diễn biến và ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng?

b. Nhận xét những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền?

UBND HUYỆN NÚI THÀNH

TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

ĐỀ CHÍNH THỨC

KIỂM TRA GIỮA KÌ II

NĂM HỌC 2023-2024

Môn: LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ lớp 6

Thời gian: 60 phút *(không kể thời gian giao đề)*

MÃ ĐỀ B

I. Trắc nghiệm (4.0 điểm): Chọn câu trả lời đúng nhất rồi ghi vào giấy kiểm tra.

Câu 1. Năm 208 TCN, Thục Phán lên làm vua, xưng là An Dương Vương, lập ra nhà nước

A. Văn Lang. B. Âu Lạc.
C. Chăm-pa. D. Phù Nam.

Câu 2. Thời Văn Lang, người đứng đầu liên minh 15 bộ là

A. Lạc hầu. B. Lạc tướng.
C. Bồ chính. D. Vua Hùng.

Câu 3. Trên lĩnh vực chính trị, sau khi chiếm được Âu Lạc, các triều đại phong kiến phương Bắc đã làm gì?

A. Nắm độc quyền về sắt và muối.
B. Sáp nhập nước ta vào lãnh thổ Trung Quốc.
C. Bắt người Việt cống nạp nhiều sản vật quý.
D. Di dân Hán tới, cho ở lẫn với người Việt.

Câu 4. Nội dung nào dưới đây <u>không</u> phản ánh đúng chính sách bóc lột về văn hóa của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với Việt Nam dưới thời Bắc thuộc?

A. bắt nhân dân ta học chữ Hán.
B. di cư phương Bắc sang ở lẫn với người Việt.
C. thi hành chính sách đồng hóa dân tộc Việt
D. cho nhân dân ta thực hiện các truyền thống của người Việt.

Câu 5. Đầu năm 544, Lý Bí tự xưng là Lý Nam Đế, lập ra nhà nước Vạn Xuân, đóng đô ở đâu?

A. Phong Khê. B. Phong Châu.
C. vùng cửa sông Bạch Đằng. D. vùng cửa sông Tô Lịch.

Câu 6. Những câu thơ dưới đây gợi cho em liên tưởng đến cuộc khởi nghĩa nào của người Việt thời bắc thuộc?

"*Một xin rửa sạch nước thù,*
Hai xin dựng lại nghiệp xưa họ Hùng,
Ba kẻo oan ức lòng chồng
Bốn xin vẹn vẹn sở công lênh này"

A. Khởi nghĩa Lý Bí. B. Khởi nghĩa Bà Triệu
C. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng. D. Khởi nghĩa Mai Thúc Loan.

Câu 7. Năm 713, Mai Thúc Loan phất cờ khởi nghĩa ở đâu?

A. Hát Môn (Phúc Thọ - Hà Nội).
B. đầm Dạ Trạch (Hưng Yên).
C. núi Nưa (Triệu Sơn – Thanh Hóa).
D. Hoan Châu (thuộc Nghệ An – Hà Tĩnh hiện nay)

Câu 8. Sự kiện lịch sử nào ở thế kỉ X đã chấm dứt thời kì đô hộ của phong kiến phương Bắc, đưa Việt Nam bước vào thời kì độc lập, tự chủ lâu dài?

A. Khởi nghĩa của Khúc Thừa Dụ (905).

B. Khúc Hạo cải cách hành chính, xây dựng quyền tự chủ (907).

C. Ngô Quyền xưng vương lập ra nhà Ngô (939).

D. Chiến thắng Bạch Đằng của Ngô Quyền (938).

Câu 9. Cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán xâm lược lần thứ hai (938) của người Việt đặt dưới sự lãnh đạo của ai?

A. Khúc Thừa Dụ. B. Ngô Quyền.

C. Dương Đình Nghệ D. Khúc Hạo

Câu 10. Nhiệt độ trung bình ngày là kết quả tổng cộng nhiệt độ 4 lần trong ngày vào các thời điểm

A. 2 giờ, 8 giờ, 15 giờ, 21 giờ. B. 3 giờ, 9 giờ, 12 giờ, 19 giờ.

C. 1 giờ, 6 giờ, 14 giờ, 20 giờ. D. 1 giờ, 7 giờ, 13 giờ, 19 giờ.

Câu 11. Nước ngọt trên Trái Đất gồm có?

A. Nước ngầm, nước biển, nước sông và băng.

B. Nước mặt, nước biển, nước ngầm và băng.

C. Nước ngầm, nước ao hồ, sông suối và băng.

D. Nước mặt, nước khác, nước ngầm và băng.

Câu 12. Cửa sông là nơi dòng sông chính

A. chia nước cho sông chính. B. tiếp nhận các sông nhánh.

C. đổ nước ra biển . D. phân nước cho sông phụ.

II. Tự luận (6.0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm)

a. Trình bày mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông.

b. Nêu vai trò của nước ngầm.

Câu 2. (0.5 điểm) Em hãy cho biết một số biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.

Câu 3. (2 điểm) Nêu đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc?

Câu 4. (1.5 điểm)

a. Nêu diễn biến của cuộc khởi nghĩa Bà Triệu?

b. Nhận xét những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền?

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II

NĂM HỌC 2023-2024

MÔN LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ 6

ĐỀ A

I. TRẮC NGHIỆM (4.0 ĐIỂM)

Mỗi đáp án đúng được 0,33 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	D	B	B	B	C	A	D	C	D	C	D

HSKT: Đạt 6/12 câu TN

II. TỰ LUẬN (6.0 ĐIỂM)

Câu 1. (2.0 điểm)

a. Trình bày mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông?

Nguồn cung cấp nước	**Đặc điểm lũ**	
Chủ yếu từ nước mưa	Mùa lũ trùng với mùa mưa	0,25 điểm
Chủ yếu từ tuyết	Mùa lũ trùng với màu xuân	0,25 điểm
Chủ yếu từ băng tan	Mùa lũ đầu mùa hạ	0,25 điểm
Nhiều nguồn cung cấp	Mùa lũ phức tạp	0,25 điểm

b. Tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp nước sông

Việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ góp phần khai thác tốt nhất giá trị của sông, hồ đồng thời góp phần bảo vệ môi trường nước và phát triển bền vững **(1.0 điểm)**

Câu 2. Một số biện pháp phòng tránh thiên tai **(0.5 điểm)**

- Trước khi xảy ra thiên tai cần có biện pháp chủ động phòng ngừa (gia cố nhà cửa, bảo quản đồ đạc…..)

- Khi thiên tai xảy ra cần theo dõi để ứng phó kịp thời, đảm bảo an toàn cá nhân

- Sau thiên tai cần nhanh chóng khắc phục hậu quả (dọn dẹp, vệ sinh, phòng chống dịch bệnh)

Câu 3. (2 điểm) Nêu đời sống vật chất của cư dân Văn Lang, Âu Lạc?

Đời sống vật chất:

- Ăn: Nguồn lương thực chính là thóc gạo (gạo nếp và gạo tẻ), ngoài ra còn có khoai, sắn. Thức ăn có các loại cá, thịt, rau, củ. (0,5 điểm)

- Ở: Tập quán ở nhà sàn. (0,25 điểm)

- Nghề sản suất chính: trồng lúa nước, chăn nuôi, nghề thủ công. (0,5 điểm)

- Đi lại chủ yếu bằng thuyền bè trên sông. (0,25 điểm)

- Mặc: Nữ mặc áo, váy. Nam đóng khố, ngày lễ hội: đầu đội mũ lông chim, đeo trang sức. (0,5 điểm)

Câu 4. (1.5 điểm)

a) Nêu diễn biến của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng?

Diễn biến cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng:

+ Mùa Xuân năm 40, Hai Bà Trưng nổi dậy khởi nghĩa ở Hát Môn (Phúc Thọ, Hà Nội). Được đông đảo nhân dân nhiệt liệt hưởng ứng. (0,5 điểm)

+ Quân khởi nghĩa nhanh chóng làm chủ Mê Linh, sau đó hạ thành Cổ Loa, tiến đánh và làm chủ Luy Lâu (Bắc Ninh). (0,25 điểm)

+ Sau khi giành thắng lợi, Trưng Trắc được suy tôn làm vua, đóng đô ở Mê Linh. (0,25 điểm)

b) Nhận xét những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền?

- Sáng tạo ra cách sử dụng các cọc ngầm và quy luật lên – xuống của con nươc thủy triều để bố trí trận địa chiến đấu. (0.25 điểm)

- Bố trí các cánh quân bộ binh mai phục ở hai bên bờ sông; trong những vùng cây cối rậm rạp. Sử dụng các chiến thuyền nhỏ, nhẹ để nghi binh, lừa địch. (0.25 điểm)

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II

NĂM HỌC 2023-2024

MÔN LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ 6

ĐỀ B

I. TRẮC NGHIỆM (4.0 điểm)

Mỗi đáp án đúng được 0,33 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	D	B	D	B	C	D	D	B	D	D	C

HSKT: Đạt 6/12 câu TN

II. TỰ LUẬN (6.0 điểm)

Câu 1. (2.0 điểm)

a. Trình bày mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với các nguồn cấp nước sông. (1.0 điểm)

Nguồn cung cấp nước	**Đặc điểm lũ**	
Chủ yếu từ nước mưa	Mùa lũ trùng với mùa mưa	0,25 điểm
Chủ yếu từ tuyết	Mùa lũ trùng với màu xuân	0,25 điểm
Chủ yếu từ băng tan	Mùa lũ đầu mùa hạ	0,25 điểm
Nhiều nguồn cung cấp	Mùa lũ phức tạp	0,25 điểm

b. Nêu tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp nước ngầm.

- Nguồn cung cấp nước sinh hoạt và nước tưới quan trọng trên thế giới.

- Nước ngầm góp phần ổn định dòng chảy của sông ngòi; đồng thời, cố định các lớp đất đá bên trên, ngăn chặn sự sụt lún.

Câu 2. (0.5 điểm) Một số biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.

Giảm lượng khí nhà kính đưa vào khí quyển như:

- Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng,

- Sử dụng phương tiện công cộng

-Hạn chế dùng túi ni lông

- Trồng nhiều cây xanh

Câu 3. (2 điểm) Nêu đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc?

Đời sống tinh thần:

- Tín ngưỡng:

+ Sùng bái tự nhiên (thờ thần Mặt Trời, thần Sông, thần Núi và tục phồn thực). (0.5 điểm)

+Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, sùng kính các anh hùng, người có công với làng nước là nét đặc sắc của người Việt cổ. (0.5 điểm)

+ Dần dần hình thành một số tục lệ: cưới xin, ma chay. Lễ hội khá phổ biến, nhất là hội mùa. (0.5 điểm)

+ Có tập quán nhuộm răng đen, nhai trầu, xăm mình; cả nam lẫn nữ đều thích đeo đồ trang sức. (0.5 điểm)

Câu 4. (1.5 điểm)

a) Nêu diễn biến và ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Bà Triệu? (1 điểm)

Diễn biến:

+ Năm 248, từ căn cứ ở núi Nưa (Triệu Sơn, Thanh Hoá), khởi nghĩa bùng nổ. (0.25 điểm)

+ Lực lượng nghĩa quân đã đánh hạ nhiều huyện lị, thành ấp ở Cửu Chân, Cửu Đức, Nhật Nam. (0.25 điểm)

+ Trước tình hình đó, nhà Ngô đã cử 8 000 quân sang đàn áp. Do lực lượng quân Ngô quá mạnh, khởi nghĩa đã bị đàn áp, Bà Triệu anh dũng hi sinh tại khu vực núi Tùng (Thanh Hoá). (0.5 điểm)

b) Nhận xét những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền?

- Sáng tạo ra cách sử dụng các cọc ngầm và quy luật lên – xuống của con nươc thủy triều để bố trí trận địa chiến đấu. (0.25 điểm)

- Bố trí các cánh quân bộ binh mai phục ở hai bên bờ sông; trong những vùng cây cối rậm rạp. Sử dụng các chiến thuyền nhỏ, nhẹ để nghi binh, lừa địch. (0.25 điểm)

TIẾT 38+39 **Bài 22: Lớp đất trên Trái Đất**

Thời gian thực hiện (2 tiết)

NS: 29/3/2024

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nêu được các tầng đất và các thành phần chính của đất.
- Trình bày được một số nhân tố hình thành đất.
- Kể được tên và xác định được trên bản đồ một số nhóm đất điển hình ở vùng nhiệt đới hoặc ở vùng ôn đới.
- Có ý thức sử dụng hợp lí và bảo vệ đất.

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất

-Trách nhiệm:

- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

4. HSKT

Kể tên thành phần cấu tạo nên đất

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Hình vẽ các tầng đất, các nhân tố hình thành đất
- Biểu đồ thành phần đất
- Một số mẫu đất hoặc hình ảnh đất tại địa phương
- Tranh ảnh, video về các tầng đất, thành phần đất, nhân tố hình thành và đất điển hình trên Trái Đất
- Bản đồ các nhóm đất chính trên Trái Đất
- Phiếu học tập

2. Chuẩn bị của học sinh: sách giáo khoa, vở ghi..

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

1. Hoạt động Mở đầu

a. Mục đích: Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Cách thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: Đất là một trong các thành phần tự nhiên của Trái Đất. Sự sống trên Trái Đất đuọc bao bọc, nuôi dưỡng và phát triển nhờ đất. Em có biết: Đất gồm những thành phần nào? Đất dược hình thành như thế nào? Trên Trái Đất có bao nhiêu nhóm đất điển hình?

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

HS: Trình bày kết quả

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới

HS: Lắng nghe, vào bài mới

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Các tầng đất

a. Mục đích: kể tên được các tầng của đất và vai trò cảu tầng chứa mùn**.**

b. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: 1. Quan sát hình 1, em hãy kể tên các tầng đất Hình 1. Các tầng đất 2. Trong các tầng đất, tầng nào trực tiếp tác động đến sự sinh trưởng và phát triển của	**1. Các tầng đất** -Gồm 3 tầng: Tầng đá mẹ, tầng tích tụ và tầng chứa mùn. - Trong đó tầng tích tụ có tác động mạnh mẽ đến sự sinh trưởng và phát triển của sinh vật

thực vật HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2: Thành phần của đất

a. Mục đích: HS biết được các thành phần trong đất và tỉ lệ các thành phần đó.

b. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV 1. Quan sát hình 2, cho biết đất bao gồm những thành phần nào. Thành phần nào chiếm tỉ lệ lớn nhất trong đất? (ưu tiên HSKT) 2. Tại sao chất hữu cơ chiếm tỉ lệ rật nhỏ trong đất nhưng lại có ý nghĩa quan trọng đối với cây trồng? HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**2. Thành phần của đất** Đất bao gồm nhiều thành phần: khoáng, chất hữu cơ, không khi và nước. Tỉ lệ các thành phần trong đất thay đổi tuỳ thuộc vào điều kiện hình thành đất ở từng nơi.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập	

GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 3: Các nhân tố hình thành đất

a. Mục đích: HS biết được các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành đất như đá mẹ, khí hậu, sinh vật, địa hình và thời gian

b. Nội dung: Tìm hiểu Các nhân tố hình thành đất

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV 1/ Nêu các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành đất. 2/ Dựa vào hình ảnh và thông tin trong mục 3, em hãy trình bày nhân tố hình thành đất mà em cho là quan trọng nhất và giải thích cho sự lựa chọn đó. HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**3. Các nhân tố hình thành đất** - Các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành đất như đá mẹ, khí hậu, sinh vật, địa hình và thời gian. - Trong đó nhân tố đóng vai trò quan trọng nhất là đá mẹ.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 4: Một số nhóm đất điển hình trên Trái Đất

a. Mục đích: HS kể tên được 1 số loại đất có diện tích lớn trên thê giới

b. Nội dung: Tìm hiểu Một số nhóm đất điển hình trên Trái Đất

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV	**4. Một số nhóm đất điển hình trên Trái Đất**

1/ Nêu các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành đất. 2/ Dựa vào hình ảnh và thông tin trong mục 3, em hãy trình bày nhân tố hình thành đất mà em cho là quan trọng nhất và giải thích cho sự lựa chọn đó. HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	- Dựa vào quá trình hình thành và tinh chất đất. - Đất đen thảo nguyên ôn đới, đất pốt dôn vả đất đỏ vàng nhiệt đới là một số nhóm đất điền hình.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

3. Hoạt động luyện tập

a. Mục đích: Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học

b. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: Đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.

HS: lắng nghe

Câu 1. Nguồn gốc sinh ra thành phần khoáng trong đất là

A. Địa hình.

B. Khí hậu.

C. Đá mẹ.

D. Dinh vật.

Câu 2. Các thành phần chính của lớp đất là

A. không khí, nước, chất hữu cơ và vô cơ.

B. chất hữu cơ, nước, không khí và sinh vật.

C. nước, không khí, chất hữu cơ và độ phì.

D. cơ giới, không khí, chất vô cơ và mùn.

Câu 3. Loại đất nào sau đây thường được dùng để trồng cây lúa nước?

A. Đất phù sa.

B. Đất đỏ badan.

C. Đất feralit.

D. Đất đen, xám.

Câu 4. Tầng nào sau đây của đất chứa các sản phẩm phong hóa bị biến đổi để hình thành đất?

A. Thảm mùn.

B. Tích tụ.

C. Đá mẹ.

D. Hữu cơ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục đích: HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay

b. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: HS hoàn thành các nội dung sau.

1. Dựa vào bản đồ hình 5, cho biết tên nhóm đất phổ biến ở nước ta.

2. Tại sao đề bảo vệ đất, chúng ta phải phủ xanh đất trống, đồi núi trọc?

3. Con người có tác động như thế nào đến sự biến đổi đất?

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS: trình bày kết quả

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Chuẩn kiến thức , dặn dò chuẩn bị bài mới **BÀI 23. SỰ SỐNG TRÊN TRÁI ĐẤT**

1. Kể tên một số loài thực vật, động vật ở các đối mà em biết.

2. Nêu sự khác nhau về thực vật giữa rừng mưa nhiệt đới với rừng lá kim và đài nguyên.

TIẾT 40 **Bài 24: RỪNG NHIỆT ĐỚI**

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

ND:5/4/2024

I. MỤC TIÊU :

Yêu cầu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Trình bày được đặc điểm của rừng nhiệt
- Có ý thức báo vệ rừng

2. Năng lực

* Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

* Năng lực Địa Lí

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất

- Có lối sống xanh với môi trường, có trách nhiệm bảo vệ rừng
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

4. HSKT

Biết được các biện pháp bảo vệ rừng

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Tranh ảnh, video về rừng nhiệt đới trên Trái Đất.

2. Chuẩn bị của học sinh: sách giáo khoa, vở ghi..

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

1. Hoạt động mở đầu

a. Mục đích: Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Cách thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: Trong các thảm thực vật ở đới nóng, rừng nhiệt đới có vai trò hết súc quan trọng đối với môi trường trên Trái Đất. Rừng nhiệt đới có đặc điểm gì? Cần làm gì để bảo vệ rùng nhiệt đới?

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

HS: Trình bày kết quả

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới

HS: Lắng nghe, vào bài mới

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Đặc điểm rừng nhiệt đới

a. Mục đích: HS nêu được sự phân bố, nhiệt độ, lượng mưa và sự phong phú cảu sinh vật

b. Cách thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Nội dung</th></tr>
<tr><td>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập
GV: HS hoạt động cá nhân, hoàn thành nội dung sau vào phiếu học tập đã chuẩn bị
<table><tr><td>Phân bố</td><td></td></tr><tr><td>Nhiệt độ TB</td><td></td></tr><tr><td>Lượng mưa TB</td><td></td></tr><tr><td>Động vật</td><td></td></tr><tr><td>Thực vật</td><td></td></tr></table>HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe</td><td rowspan="4">1/ Đặc điểm rừng nhiệt đới
(Bảng chuẩn kiến thức)</td></tr>
<tr><td>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập
GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ
HS: Suy nghĩ, trả lời</td></tr>
<tr><td>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
HS: Trình bày kết quả
GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung</td></tr>
<tr><td>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng
HS: Lắng nghe, ghi bài</td></tr>
</table>

Phân bố	Từ vùng Xích đạo đến hết vành đai nhiệt đới ở cả bán cầu Bắc và bán cầu Nam
Nhiệt độ TB	Nhiệt độ trung bình năm trên 21 °C
Lượng mưa TB	Lượng mưa trung bình năm trên 1 700 mm
Động vật	Động vật rất phong phú, nhiều loài sống trên cây, leo trèo giỏi như khỉ, vượn,... nhiều loài chim ăn quả có màu sắc sặc sỡ

Hoạt động 2: Bảo vệ rừng nhiệt đới

a. Mục đích: HS biết được vai trò cảu rừng nhiệt đới đối với sự sống của nhân loại và các giải pháp bảo vệ rừng

b. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: HS thảo luận cặp đôi các nội dung. - Vai trò của rừng nhiệt đới. - Hiện trạng rừng nhiệt đới. - Các giải pháp bảo vệ rừng (ưu tiên HSKT) HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**2. Bảo vệ rừng nhiệt đới** - **Vai trò** của rừng nhiệt đới hết sức quan trọng đối với việc ổn định khí h Trái Đất, đồng thời là nơi bảo tồn đa dạng si học, nguồn dược liệu, thực phẩm vả gỗ - **Hiện trạng** rừng nhiệt đới diện tích rừng nhiệt đới đang giảm ở mức b động, mỗi năm mất đi 130 nghìn km do ch rừng và các hoạt động của con người - **Các giải pháp** bảo vệ rừng mỗi chúng ta cần có hành động cụ thể như dụng các sản phẩm có nguồn gốc từ rừng n cách tiết kiệm và hợp lí, đồng thời bảo vệ phát triển rừng.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

3. Hoạt động luyện tập.

a. Mục đích: Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học

b. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

So sánh rừng mưa nhiệt đới và rừng nhiệt đới gió mùa

	Rừng mưa nhiệt đới	**Rừng nhiệt đới gió mùa**
Khí hậu		
Cấu trúc rừng		

Thực vật		

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS suy nghĩ để hoàn thành

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS lần lượt trả lời c, hs khác nhận xét

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục đích: HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay

b. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: HS hoàn thành các nội dung sau.

1/ Hãy giải thích vì sao rừng nhiệt đới có nhiều tầng.

2/ Ở Việt Nam, kiểu rừng nhiệt đới nào chiếm ưu thế? Em hãy tìm hiểu về kiểu rừng đổ.

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS: trình bày kết quả

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Chuẩn kiến thức . Nhắc hs chuẩn bị bài mới

Bài 25: Sự phân bố các đới thiên nhiên trên Trái Đất:

Dựa và thông tin SGK, HS nêu đặc điểm về khí hậu và sinh vật ở đới nóng, đới ôn hòa, đới lạnh

TIẾT 41 BÀI 25. SỰ PHÂN BỐ CÁC ĐỚI THIÊN NHIÊN TRÊN TRÁI ĐẤT

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

NS: 6/4/2024

I. MỤC TIÊU :

Yêu cầu cần đạt:

1. Kiến thức:

Nêu được đặc điểm của các đới thiên nhiên trên Trái Đất.

Xác định dược trên bản đồ sự phàn bố các đới thiên nhiên trên Trái Đất.

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất

- Yêu thích môn học, có niềm hứng thú với việc tìm hiểu các sự vật hiện tượng địa lí nói riêng và trong cuộc sống nói chung
- Có ý thức bảo vệ môi trường

4. HSKT

Xác định dược trên bản đồ sự phân bố các đới thiên nhiên trên Trái Đất.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Bản đồ các đới thiên nhiên trên Trái Đất
- Video, tranh ảnh về các đới thiên nhiên trên Trái Đất

2. Chuẩn bị của học sinh: Sách giáo khoa, vở ghi..

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

1. Hoạt động mở đầu

a. Mục đích: Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Cách thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: Điều kiện khí hậu ở đới nóng, đới ôn hoà, đới lạnh khác nhau dẫn đến các đặc điểm đất, sinh vật,... củng khác nhau, hình thành nén các đới thiên nhiên. Các đới thiên nhiên trên Trái Đất khác nhau như thế nào?

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

HS: Trình bày kết quả

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới

HS: Lắng nghe, vào bài mới

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Đới nóng

a. Mục đích: HS biết được sự đa dạng về động thực vật ở đới nóng.

b. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Dựa và thông tin SGK, HS nêu đặc điểm về khí hậu và sinh vật ở đới nóng. HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe	**1. Đới nóng** Là nơi có nhiệt độ cao. Giới thực, động vật hết sức đa dạng, phong phú. Như rừng Xavan, linh dương, ngựa vằn …
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2. Đới ôn hoà

a. Mục đích: HS biết được đặc điểm khí hậu và sinh vật đới ôn hoà

b. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Hs quan sát H1 và thông tin SGK cho biết: 1/ Đặc điểm khí hậu đới ôn hoà. 2/ Đặc điểm sinh vật nổi bật HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**2. Đới ôn hoà** - Khí hậu mang tính trung gian giữa đới nóng và đới lạnh - Cảnh quan thay đổi theo vĩ độ và ảnh hưởng của dòng biển nóng cùng gió Tây ôn đới.Thực vật chủ yếu là cây lá kim: thông, linh sam, vân sam, tuyết tùng,... - Động vật chủ yếu là sóc, nhím, gấu nâu, chó sói, hổ Tai-ga
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 3: Đới lạnh

a. Mục đích: HS biết được sự khắc nghiệt của khí hậu và sự nghèo nàn của thực vật

b. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV Hs quan sát H1 và thông tin SGK cho biết: 1/ Đặc điểm khí hậu đới lạnh. 2/ Đặc điểm sinh vật nổi bật HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**3. Đới lạnh** - Khí hậu vô cùng khắc nghiệt, băng tuyết quanh năm. - Thực vật thấp lùn, chủ yếu là rêu, địa y và các loại cây thân thảo tồn t trong mùa hạ ngắn ngủi, tạo nên cả quan đài nguyên. - Động vật là các loài thích nghi đư với khí hậu lạnh như gấu trắng, chi cánh cụt,...
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

3. Hoạt động luyện tập.

a. Mục đích: Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học

b. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

NV1: HSKT - Hs quan sát H1 - Xác định dược trên bản đồ sự phân bố các đới thiên nhiên trên Trái Đất.

NV 2: Lớp chia thành 4 nhóm do sánh 3 đới thiên nhiên

	Đới nóng	**Đới ôn hòa**	**Đới lạnh**
Phạm vi			

Đặc điểm khí hậu			
Đặc điểm đất			
Đặc điểm sinh vật			

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS suy nghĩ để hoàn thành

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

Đại diện HS lần lượt trả lời , hs khác nhận xét

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục đích: HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay

b. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: Tìm và xác định vị trí của nước ta trên hình 2. Từ đó, nêu một số đặc điểm của thiên nhiên Việt Nam

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS: Trình bày kết quả

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Chuẩn kiến thức . Nhắc hs chuẩn bị bài mới

Bài 26: Thực hành: Tìm hiểu môi trường tự nhiên địa phương

HS nghiên cứu, tìm hiểu về môi trương tự nhiên của tỉnh Quảng Nam

TIẾT 41 BÀI 25. SỰ PHÂN BỐ CÁC ĐỚI THIÊN NHIÊN TRÊN TRÁI ĐẤT

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

NS: 12/04/2024

I. MỤC TIÊU :

Yêu cầu cần đạt:

1. Kiến thức:

Nêu được đặc điểm của các đới thiên nhiên trên Trái Đất.

Xác định dược trên bản đồ sự phàn bố các đới thiên nhiên trên Trái Đất.

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất

- Yêu thích môn học, có niềm hứng thú với việc tìm hiểu các sự vật hiện tượng địa lí nói riêng và trong cuộc sống nói chung
- Có y thức bảo vệ môi trường

4. HSKT.

Kể tên các đới thiên nhiên trên Trái Đất.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Bản đồ các đới thiên nhiên trên Trái Đất
- Video, tranh ảnh về các đới thiên nhiên trên Trái Đất

2. Chuẩn bị của học sinh: Sách giáo khoa, vở ghi..

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

1. Hoạt động mở đầu

a. Mục đích: Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Cách thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: Điều kiện khí hậu ở đới nóng, đới ôn hoà, đới lạnh khác nhau dẫn đến các đặc điểm đất, sinh vật,... củng khác nhau, hình thành nén các đới thiên nhiên. Các đới thiên nhiên trên Trái Đất khác nhau như thế nào?

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

HS: Trình bày kết quả

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới

HS: Lắng nghe, vào bài mới

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

HSKT: Dựa vào kiến thức SGK kể tên các đới thiên nhiên trên Trái Đất.

Hoạt động 1: Đới nóng

a. Mục đích: HS biết được sự đa dạng về động thực vật ở đới nóng.

b. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Dựa và thông tin SGK, HS nêu đặc điểm về khí hậu và sinh vật ở đới nóng. HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe	**1. Đới nóng** Là nơi có nhiệt độ cao. Giới thực, động vật hết sức đa dạng, phong phú. Như rừng Xavan, linh dương, ngựa vằn …
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2. Đới ôn hoà

a. Mục đích: HS biết được đặc điểm khí hậu và sinh vật đới ôn hoà

b. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Hs quan sát H1 và thông tin SGK cho biết: 1/ Đặc điểm khí hậu đới ôn hoà. 2/ Đặc điểm sinh vật nổi bật HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**2. Đới ôn hoà** - Khí hậu mang tính trung gian giữa đới nóng và đới lạnh - Cảnh quan thay đổi theo vĩ độ và ản hưởng của dòng biển nóng cùng gió Tây ôn đới.Thực vật chủ yếu là cây lá kim: thông, linh sam, vân sam, tuyết tùng,... - Động vật chủ yếu là sóc, nhím, gấu nâu, chó sói, hổ Tai-ga
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 3: Đới lạnh

a. Mục đích: HS biết được sự khắc nghiệt của khí hậu và sự nghèo nàn của thực vật

b. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV Hs quan sát H1 và thông tin SGK cho biết: 1/ Đặc điểm khí hậu đới lạnh. 2/ Đặc điểm sinh vật nổi bật HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**3. Đới lạnh** - Khí hậu vô cùng khắc nghiệt, băng tuyết quanh năm. - Thực vật thấp lùn, chủ yếu là rêu, địa y và các loại cây thân thảo tồn t trong mùa hạ ngắn ngủi, tạo nên cả quan đài nguyên. - Động vật là các loài thích nghi đư với khí hậu lạnh như gấu trắng, chi cánh cụt,...
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

3. Hoạt động luyện tập.

a. Mục đích: Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học

b. Nội dung: Làm bài tập

c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh

d. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Lớp chia thành 4 nhóm do sánh 3 đới thiên nhiên

	Đới nóng	**Đới ôn hòa**	**Đới lạnh**
Phạm vi			

Đặc điểm khí hậu			
Đặc điểm đất			
Đặc điểm sinh vật			

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS suy nghĩ để hoàn thành

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

Đại diện HS lần lượt trả lời , hs khác nhận xét

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục đích: HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay

b. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: Tìm và xác định vị trí của nước ta trên hình 2. Từ đó, nêu một số đặc điểm của thiên nhiên Việt Nam

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS: Trình bày kết quả

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Chuẩn kiến thức . Nhắc hs chuẩn bị bài mới

Bài 26: Thực hành: Tìm hiểu môi trường tự nhiên địa phương

HS nghiên cứu, tìm hiểu về môi trương tự nhiên của tỉnh Quảng Nam

TIẾT 42+43 Bài 26: Thực hành- Tìm hiểu môi trường tự nhiên địa phương

Thời gian thực hiện: (2 tiết)

NS:12/4/2024

I. MỤC TIÊU

Yêu cầu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương.
- Yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ thiên nhiên

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất

Yêu thích môn học, có niềm hứng thú với việc tìm hiểu các sự vật hiện tượng địa lí nói riêng và trong cuộc sống nói chung

Bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương, đất nước, có thức trách nhiệm và hành động cụ thể để bảo vệ tự nhiên nơi sinh sống

4. HSKT

Yêu thiên nhiên, có ý thúc bảo vệ thiên nhiên

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Hình ảnh, tư liệu và môi trường thiên nhiên ở địa phương, sinh vật ở địa phương

2. Chuẩn bị của học sinh: sách giáo khoa, vở ghi..

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

1. Hoạt động mở đầu

a. Mục đích: Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Cách thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: Nêu hiểu biết của bản thân về môi trương tự nhiên của địa phương mình

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

HS: Trình bày kết quả

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới

HS: Lắng nghe, vào bài mới

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Gợi ý một số nội dung

a. Mục đích: HS nắm được các nội dung cần thực hiện trong việc tìm hiểu về môi trường tự nhiên của tỉnh mình.

b. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: HS tiếp cận các nội dung nghiên cứu HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe	**1. Gợi ý một số nội dung** **Nội dung 1: Địa hình** - Đặc điểm chung - Các dạng địa hình chinh - Mối quan hệ giữa địa hình với các thàn phần tự nhiên khác (khi hậu, sông ngòi, đ trồng, sinh vật) **Nội dung 2: Khí hậu** - Đặc điểm chung - Các nét đặc trưng của khí hậu (nhiệt độ, ẩm, lượng mưa, gió,...) - Mối quan hệ giữa khí hậu và các thành phầ tự nhiên khác (địa hình, sông ngòi, đất trồn sinh vật) **Nội dung 3: Sông ngòi** - Mạng lưới sông ngòi - Đặc điểm chính của sông ngòi (hướng dòn chảy, mùa lũ - mùa cạn) - Mối quan hệ giữa sông ngòi với các thàn phần tự nhiên khác (địa hình, khi hậu,...) **Nội dung 4: Đất** - Các loại đất. Đặc điểm chung của đất - Phân bố đất ở địa phương - Mối quan hệ giữa đất với các thành phầ tự nhiên khác (địa hình, khí hậu, sông ngòi,... **Nội dung 5: Sinh vật** - Hiện trạng thảm thực vật tự nhiên (đặ biệt là độ che phủ) - Các loài động vật hoang dã - Mối quan hệ giữa thực vật với động vậ
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Hs suy nghĩ trả lời, học sinh khác nhận xét	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

	giữa sinh vật với các thành phần tự nhiên kh (khí hậu, đất,...)

Hoạt động 2: Cách thức tiến hành

a. Mục đích: HS biết được cách thức nghiên cứu, tìm hiểu về môi trương tự nhiên của tỉnh.

b. Nội dung: Tìm hiểu Cách thức tiến hành

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: hướng dẫn HS các bước làm như sau. a)Thành lập nhóm và lựa chọn nội dung b)Phân công nhiệm VỊI cho các thành viên trong nhóm c)Xác định thời gian và địa điểm tham quan ớ địa phương d)Thu thập tài liệu và xứ lí tài liệu - Thu thập tài liệu qua sách vở, mạng internet, cơ quan quản lí vấn đề ở địa phương. - Tham quan, tìm hiểu thực tế địa phương. - Tìm hiểu qua người dân địa phương (phương pháp xã hội học). - Phân tích, tổng hợp, so sánh các kết quả đã tìm hiểu được. đ) Viết báo cáo - Viết báo cáo Từ các tài liệu đã có, viết báo cáo theo gợi ý (nên viết ngắn gọn, súc tích): + Nêu ý nghĩa của việc tìm hiểu mồi trường tự nhiên. + Nêu hiện trạng và nguyên nhân. + Một số giải pháp. HSKT: Em hãy nêu một số giải pháp bảo vệ môi trường tự nhiên - Trình bày báo cáo + Phân công người báo cáo trước lớp. + Chuẩn bị nội dung kèm theo: tranh ảnh,	**2. Cách thức tiến hành**

bảng số liệu, biểu đồ,... HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

3. Hoạt động luyện tập.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.

HS: lắng nghe

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS: Trình bày kết quả

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Chuẩn kiến thức

HS: Lắng nghe và ghi nhớ.

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục đích: HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay

b. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: Viết báo cáo

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS:Trình bày kết quả

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Chuẩn kiến thức . Nhắc hs chuẩn bị bài mới

Bài 27: Dân số và sự phân bố dân cư trên thế giới

HS Dựa vào hình 2, em hãy:

- Xác định các khu vực trên thế giới có mật độ dân số trên 250 người/km2 và các khu vực có mật độ dân số dưới 5 người/km2.

- Nêu một số ví dụ cụ thể để thấy điều kiện tự nhiên hoặc kinh tế - xã hội ảnh hưởng tới sự phân bố dân cư trên thế giới.

TIẾT 44 **ÔN TẬP CUỐI KÌ II**

(Thời gian thực hiện: 1 tiết)

NS: 18/04/2024

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Học sinh hệ thống lại kiến thức

- Biển và đại dương. Một số đặc điểm của môi trường biển
- Nước ngầm và băng hà
- Lớp đất trên Trái đất và thành phần của đất
- Một số nhóm đất điển hình
- Sự phân bố các đới thiên nhiên
- Rừng nhiệt đới

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí: Sử dụng bản đồ và sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh để xác định nội dung theo yêu cầu của giáo viên.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học;
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong giờ học

4. HSKT

Học sinh biết được các đại dương lớn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Ma trận, bảng đặc tả, đề cương

2. Học sinh

- Bảng phụ

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

1. Hoạt động mở đầu

a. Mục tiêu: Kết nối vào bài học, tạo hứng thú cho học sinh

b. Cách thức tổ chức

Cho học sinh khởi động cơ thể theo bài hát " baby shark"

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.

Bước 2: HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 3: HS tham gia khởi động

Bước 4: GV nhận xét và kết nối vào bài mới.

2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Biển và đại dương. Một số đặc điểm của môi trường biển

a. Mục tiêu**:** HS hoàn thành nội dung các bảng nhằm ôn lại kiến thức

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Nhiệm vụ 1: Hoạt động cặp đôi

? So sánh sự khác biệt về nhiệt độ và độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới.

? Kể tên các đại dương trên thế giới (HSKT)

Bước 2: Tiếp nhận nhiệm vụ

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS: Trình bày kết quả

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

Bước 4: GV chuẩn kiến thức, trong quá trình học sinh báo cáo, giáo viên chốt kiến thức của mỗi nhóm và lưu ý những nội dung trọng tâm ôn tập

Hoạt động 2: Rừng nhiệt đới

a. Mục tiêu

- Đặc điểm kiểu rừng nhiệt đới gió mùa và rừng mưa nhiệt đới

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV: Các nhóm báo cáo nội dung đã yêu cầu

Nhóm 1,3: Đặc điểm kiểu rừng nhiệt đới gió mùa

Nhóm 2,4: Đặc điểm kiểu rừng mưa nhiệt đới

Nhóm 5, 6 : Các biện pháp bảo vệ rừng

Bước 2. Các nhóm xem lại nội dung chuẩn bị

- Bước 3: Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét bổ sung.
- Bước 4: Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Học sinh củng cố lại nội dung đã ôn tập

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: HS hoàn thành hệ thống câu hỏi trắc nghiệm nội dung ôn tập

Câu 1: Sức hút của Mặt Trời và Mặt Trăng là nguyên nhân chủ yếu hình thành hiện tượng tự nhiên nào sau đây?

A. Dòng biển. B. Sóng ngầm.
C. Sóng biển. D. Thủy triều.

Câu 2: Trên Trái Đất nước mặn chiếm khoảng?

A. 30,1%. B. 2,5%.
C. 97,5%. D. 68,7%.

Câu 3: Các thành phần chính của lớp đất là

A. không khí, nước, chất hữu cơ và vô cơ.
B. cơ giới, không khí, chất vô cơ và mùn.
C. chất hữu cơ, nước, không khí và sinh vật.
D. nước, không khí, chất hữu cơ và độ phì.

Câu 4: Khí hậu ôn đới lục địa có nhóm đất chính nào sau đây?

A. Đất pốtdôn. B. Đất đen.
C. Đất đỏ vàng. D. Đất nâu đỏ.

Câu 5: Hãy cho biết nước biển và đại dương có mấy sự vận động?

A. 3 B. 4
C. 2 D. 1

Câu 6: Rừng Tai ga thường phân bố ở đới?

A. Đới nóng. B. Đới lạnh.
C. Ôn hòa . D. Vùng cực

Câu 7: Nguyên nhân chủ yếu sinh ra các dòng biển là do

A. tác động của các loại gió thổi thường xuyên ở vùng vĩ độ thấp, trung bình.
B. sự chuyển động tự quay của Trái Đất và hướng chuyển động của Trái Đất.
C. sức hút của Mặt Trời và Mặt Trăng ngày càng lớn dần vào đầu, cuối tháng.
D. sự khác biệt về nhiệt độ và tỉ trọng của các lớp nước trong biển, đại dương

Câu 8: Nước ngọt trên Trái Đất gồm có?

A. Nước ngầm, nước biển, nước sông và băng.
B. Nước mặt, nước biển, nước ngầm và băng.
C. Nước ngầm, nước ao hồ, sông suối và băng.
D. Nước mặt, nước khác, nước ngầm và băng.

Câu 9: Nguồn gốc sinh ra thành phần hữu cơ trong đất là

A. sinh vật. B. đá mẹ.
C. địa hình. D. khí hậu.

Câu 10: Ở khu vực rừng nhiệt đới ẩm có loại đất nào sau đây?

A. Xám. B. Feralit.
C. Đen. D. Pốtdôn

Câu 11: Rêu và địa y thường phân bố ở đới?

A. Đới nóng. B. Đới lạnh.
C. Ôn hòa . D. Vùng xích đạo

Câu 12: Hình thức dao động tại chỗ của nước biển và đại dương gọi là

A. sóng biển. B. dòng biển.

C. thủy triều. D. triều cường.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS: Trình bày kết quả

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng

HS: Lắng nghe, ghi bài

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học để thực hiện nhiệm vụ thực tiễn liên quan.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Kể tên các loại đất tại tỉnh Quảng Nam.

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

+ HS làm việc theo yêu cầu.

+ HS làm việc ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

+ Tiết sau GV cho các bạn giới thiệu sản phẩm

Bước 4: Kết luận

+ GV khen ngợi tinh thần học tập của học sinh

Nhắc HS chuẩn học bài chuẩn bị kiểm tra cuối kì

TIẾT 46,47 Bài 28: Dân số và sự phân bố dân cư trên thế giới

(Thời gian thực hiện: 2 tiết)

NS: 27/04/2024

1. Kiến thức:

- Biết được số dân trên thế giới. Trình bày và giải thích được đặc điểm phàn bố dân cư trên thế giới.

- Đọc được biểu đồ quy mô dân số thế giới.

- Xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dân nhất thế giới

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất

- Yêu thích môn học, có niềm hứng thú với việc tìm hiểu các sự vật hiện tượng Địa lí nói riêng và trong cuộc sống nói chung

- HS cần thấy sự thay đổi về dân số và phân bố dân cư trên thế giới là do nhiều nguyên nhân. Tuy nhiên, trách nhiệm của con người là rất lớn trong việc hưởng những thay đổi trả thành tích cực hay tiêu cực đối với xã hội loài người và thiên nhiên Trái Đất.

4. Tích hợp HSKT

Biết được số dân cư trên thế giới vào năm 2018

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Biểu đồ số dân trên thế giới qua các năm

Các bản đồ: Phân bố dân cư trên thế giới, một số thành phố dân dân nhất thế giới..

2. Chuẩn bị của học sinh: sách giáo khoa, vở ghi..

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

1. Hoạt động mở đầu

a. Mục đích: Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Cách thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: Người hiện đại đầu tiên xuất hiện cách đày khoáng 40 000 năm. Đến nay, số lượng người trên Trái Đất đã lên tới hàng tỉ người và phàn bồ khắp các châu lục (trừ châu Nam Cực).

Em có biết số dàn và sự phàn bổ dân cư trên thế giới thay đổi như thế nào không?

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

HS: Trình bày kết quả

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới

HS: Lắng nghe, vào bài mới

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Dân số trên thế giới

a. Mục đích: Hs biết số dân, sự gia dân số thế giới trong những năm gần đây

b. Nội dung: Dân số trên thế giới

c. Sản phẩm: bài thuyết trình và sản phẩm của HS

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Đọc thông tin trong mục 1 và quan sát hình 1, 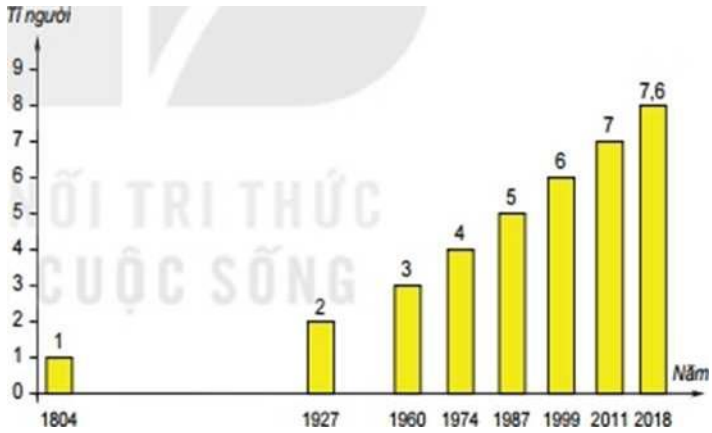 em hãy cho biết: - HSKT: Số dân thế giới năm 2018. - Số dân thế giới thay đổi như thế nào qua các năm. HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe	**1. Dân số trên thế giới** - Năm 2018, thế giới có 7,6 tỉ dân, sống trong hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ. - Số dân của các quốc gia rất khác nhau và luôn biến động.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2: Phân bố dân cư thế giới

a. Mục đích: HS biết được sự phân bố dân cư trên thế giới là rộng khắp nhưng chưa đồng đều

b. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: HS Dựa vào hình 2, em hãy - Xác định các khu vực trên thế giới có mật độ dân số trên 250 người/km2 và các khu vực có mật độ dân số dưới 5 người/km2. - Nêu một số ví dụ cụ thể để thấy điều kiện tự nhiên hoặc kinh tế - xã hội ảnh hưởng tới sự phân bố dân cư trên thế giới. HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**2. Phân bố dân cư thế giới** - Phân bố dân cư và mật độ dân số thế giới thay đổi theo thời gian và không đều trong không gian - Nơi đông dân: nơi kinh tế phát triển, điều kiện tự nhiên thuận lợi - Nơi thưa dân: các vùng khí hậu khắc nghiệt (băng giá, hoang mạc khô hạ
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 3: Một số thành phố đông dân nhất trên thế giới

a. Mục đích: HS biết được một số thành phố đông dân trên thế giới

b. Nội dung: Tìm hiểu Một số thành phố đông dân nhất trên thế giới

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Dựa vào bản đồ hình 4 và bảng số liệu trang 196, em hãy: 1. Kể tên năm thành phố đông dân nhất thế giới năm 2018. 2. Cho biết châu lục nào có nhiều siêu đô thị nhất HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**3. Một số thành phố đông dân nhất trên thế giới** (**Bảng kiến thức**)
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ	

HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

STT	TÊN THÀNH PHỐ	QUỐC GIA	SỐ DÂN (Triệu người)
1	Tô-ky-ô	Nhật Bản	37,5
2	Niu Đê-li	Án Độ	28,5
3	Thượng Hải	Trung Quốc	25,6
4	Xao Pao-lô	Bra-xin	21,7
5	Mê-hi-cô Xi-ti	Mê-hi-cô	21,6
6	Cai-rô	Ai Cập	20,1
7	Mum-bai	Án Độ	20,0
8	Đắc-ca	Băng-la-đét	19,6
9	Bắc Kinh	Trung Quốc	19,6
10	ồ-xa-ca	Nhật Bàn	19,3

3. Hoạt động luyện tập.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: Đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.

Câu 1. Ở châu Phi, dân cư tập trung đông ở khu vực nào sau đây?

A. Đông Phi.

B. Tây Phi.

C. Bắc Phi.

D. Nam Phi.

Câu 2. Ở châu Á, dân cư tập trung đông ở khu vực nào?

A. Tây Á.

B. Trung Á.

C. Bắc Á.

D. Đông Á.

Câu 3. Khu vực nào sau đây có dân cư thưa thớt?

A. Nam Á.

B. Tây Âu.
C. Bắc Á.
D. Bra-xin.
Câu 4: Năm 2018 dân số thế giới khoảng
A. 6,7 tỉ người.
B. 7,2 tỉ người.
C. 7,6 tỉ người.
D. 6,9 tỉ người.
HS: lắng nghe
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập
GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ
HS: Suy nghĩ, trả lời
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
HS: Trình bày kết quả
GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
GV: Chuẩn kiến thức
HS: Lắng nghe và ghi nhớ.
4. Hoạt động vận dụng
a. Mục đích: HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay
b. Cách thực hiện.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập
GV: Chọn một trong hai nhiệm vụ sau:
1/ Cho biết sự gia tăng dân số thế giới quá nhanh sẽ dẫn tới những hậu quả gì về đời sống, sản xuất và môi trường.
2/ Dựa vào hình 3 và tìm hiểu thông tin về thành phố Tô-ky-ô, sau đó chia sẻ với các bạn.
HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập
GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ
HS: Suy nghĩ, trả lời
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận
HS:Trình bày kết quả
GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
* HS tự học: HS chuẩn bị bài- Bài 28: Mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên

Đọc thông tin trong mục a và quan sát hình 1,2; em hãy nêu ví dụ về tác động của thiên nhiên đối với đời sống con người.

TIẾT 48 KIỂM TRA CUỐI KÌ II

Thời gian thi: 9/5/2024

I. Mục tiêu

- Đánh giá về kiến thức, kĩ năng ở 3 mức độ nhận thức: nhận biết, thông hiểu và vận dụng các nội dung đã học:
  - Biển và đại dương. Một số đặc điểm của môi trường biển
  - Nước ngầm và băng hà
  - Lớp đất trên Trái đất và thành phần của đất
  - Một số nhóm đất điển hình
  - Sự phân bố các đới thiên nhiên
  - Rừng nhiệt đới
- Đánh giá kết quả học tập của học sinh

II. Hình thức kiểm tra

- Phân môn Địa lí: Tự luận và trắc nghiệm (TN: 2.0đ, TL: 3 đ)

III. Xây dựng ma trận đề kiểm tra

- Có ma trận+ bảng đặc tả + đề kèm theo

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II – NĂM HỌC 2023-2024

MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6 THỜI GIAN: 60 PHÚT

I. PHÂN MÔN LỊCH SỬ (5.0 ĐIỂM)

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức	

			Nhận biết (TN)	**Thông hiểu (TL)**	**Vận dụng (TL)**	**Vận dụng cao (TL)**	**Tổng % điểm**
1	Chương 5: Việt Nam từ khoảng thế kỉ VII trước công nguyên đến đầu thế kỉ X.	Các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc trước thế kỉ X	2 TN				**6,7%**
2	Chương 5: Việt Nam từ khoảng thế kỉ VII trước công nguyên đến đầu thế kỉ X.	Bước ngoặt lịch sử đầu thế kỉ X.		1TL	1TL(a)		**43,3**
		Vương quốc Chăm-pa từ thế kỉ II đến thế kỉ X.	3 TN			1 TL(b)	
		Vương quốc cổ Phù Nam.	1TN				
Tỉ lệ			6 TNKQ 2 điểm 20%	1 TL 1.5 điểm 15%	1TL (a) 1 điểm 10%	1TL (b) 0.5 điểm 5%	50% = 5 điểm

II. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ (5.0 ĐIỂM)

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức				% Tổng điểm
			Nhận biết (TN)	Thông hiểu (TL)	Vận dụng (TL)	Vận dụng cao (TL)	
1	NƯỚC TRÊN TRÁI ĐẤT	Biển và đại dương. Một số đặc điểm của môi trường biển	2TN		1TL		
		Nước ngầm và băng hà	1TL				
2	ĐẤT VÀ SINH VẬT TRÊN TRÁI ĐẤT	Lớp đất trên Trái Đất. Thành phần của đất	1TN				
		Một số nhóm đất điển hình ở các đới thiên nhiên trên Trái Đất	1TN				
		Sự phân bố các đới thiên	1TN				

		nhiên					
		Rừng nhiệt đới		1TL		1TL	
Số câu			6TN	1TL	1TL	1 TL	5 điểm
Tỉ lệ %			20%	15%	10%	5%	50 %
Tổng số câu			**12 TN**	**2TL**	**1+ 1TL (a)**	**1+1TL (b)**	**17**
Tổng điểm			**4**	**3**	**2**	**1**	**10**
Tổng % điểm			**40%**	**30%**	**20%**	**10%**	**100%**
HSKT: Đạt 6/12 câu TN							

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II - NĂM HỌC 2023-2024

MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6 THỜI GIAN : 60 PHÚT

I. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chương 5: Việt Nam từ khoảng thế kỉ VII trước công nguyên đến đầu thế kỉ X	Các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc trước thế kỉ X.		2 TN			
2	Chương 5: Việt Nam từ	Bước ngoặt lịch sử đầu	**Thông hiểu:** Mô tả được những nét chính		1 TL	1 TL (a)	

	khoảng thế kỉ VII trước công nguyên đến đầu thế kỉ X.	thế kỉ X.	trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938. **Vận dụng:** Nhận xét được những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền.				
		Vương quốc Chăm-pa từ thế kỉ II đến thế kỉ X.	**Nhận biết:** – Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Champa – Nêu được một số thành tựu văn hoá của Champa **Vận dụng cao:** Liên hệ được một số thành tựu	3 TN			1 TL (b)

			văn hoá của Champa có ảnh hưởng đến hiện nay.				
		Vương quốc cổ Phù Nam.	**Nhận biết:** Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Phù Nam.	1 TL			
Số câu/ Loại câu				**6** **TNKQ** **2 điểm** **20%**	**1 TL** **1.5 điểm** **15%**	**1TL(a)** **1 điểm** **10%**	**1TL** **(b)** **0,5 điểm** **5%**
Tỉ lệ %				**25**	**15**	**10**	**5**

II. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

Stt	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận biết			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
1	NƯỚC TRÊN TRÁI ĐẤT	Biển và đại dương. Một số đặc điểm của môi trường biển	**Nhận biết** Trình bày được các hiện tượng sóng, thuỷ triều, dòng biển (khái niệm; nguyên nhân; hiện tượng thủy triều; phân bố các dòng biển nóng và lạnh trong đại dương thế giới) **Vận dụng** Nêu được sự khác biệt về	2TN			

			nhiệt độ và độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới.			1TL	
		Các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển	**Nhận biết** Kể được tên được các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển.	1TN			
2	ĐẤT VÀ SINH VẬT TRÊN TRÁI	Lớp đất trên Trái Đất. Thành phần của đất	**Nhận biết** Nêu được các tầng đất và các thành phần chính của đất.	1TN			

	ĐẤT	Một số nhóm đất điển hình ở các đới thiên nhiên trên Trái Đất	**Nhận biết:** Kể được tên một số nhóm đất điển hình ở vùng nhiệt đới hoặc ở vùng ôn đới.	1TN			
		Sự phân bố các đới thiên nhiên	- Xác định được sự phân bố các đới thiên nhiên trên Trái Đất - Đặc điểm các đới thiên nhiên	1TN			
		Rừng nhiệt đới	**Thông hiểu** Trình bày được đặc điểm của rừng nhiệt đới. **Vận dụng cao** Liên hệ bản thân về các biện pháp bảo vệ rừng		1TL		1TL
Số câu/ loại câu				***6 TN***	***1TL***	***1TL***	***1TL***

Tỉ lệ	***10%***	***10%***	***10%***	***5%***

UBND HUYỆN NÚI THÀNH

TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

ĐỀ CHÍNH THỨC

KIỂM TRA CUỐI KÌ II

NĂM HỌC 2023-2024

Môn: LỊCH SỬ- ĐỊA LÍ lớp 6

Thời gian: 60 phút *(không kể thời gian giao đề)*

MÃ ĐỀ A

I. Trắc nghiệm (4.0 điểm): Chọn câu trả lời đúng nhất rồi ghi vào giấy kiểm tra.

Câu 1: **Hai Bà Trưng phất cờ khởi nghĩa vào năm nào?**

A. Năm 40. B. Năm 43. C. Năm 248. D. Năm 542.

Câu 2: **Bà Trưng Trắc đã đọc lời thề với non sông vào ngày xuất quân tại đâu?**

A. Cổ Loa. B. Mê Linh. C. Luy Lâu D. Hát Môn.

Câu 3: **Hoạt động kinh tế chủ yếu của cư dân Chăm-pa là**

A. đánh bắt cá. B. sản xuất nông nghiệp.

C. khai thác lâm sản. D. buôn bán qua đường biển.

Câu 4: Tầng lớp nào đứng đầu trong xã hội Chăm-pa?

A. Vua, quý tộc, tu sĩ Bà La Môn.

B. Thợ thủ công và nghệ nhân, đánh cá.

C. Nông dân trồng lúa và khai thác lâm sản.

D. Thủy quân, hộ pháp, nhạc công, vũ nữ.

Câu 5: Trên cơ sở tiếp thu chữ Phạn của Ấn Độ, Chăm-pa đã sáng tạo ra chữ viết riêng, gọi là

A. chữ hình nêm. B. chữ Chăm cổ.

C. chữ Latinh. D. chữ Mã Lai cổ.

Câu 6: Xã hội Phù Nam có mấy tầng lớp

A. 2 tầng lớp B. 3 tầng lớp

C. 4 tầng lớp D. 5 tầng lớp

Câu 7: Sức hút của Mặt Trời và Mặt Trăng là nguyên nhân chủ yếu hình thành hiện tượng tự nhiên nào sau đây?

A. Dòng biển. B. Sóng ngầm.
C. Sóng biển. D. Thủy triều.

Câu 8: Trên Trái Đất nước mặn chiếm khoảng:

A. 30,1%. B. 2,5%.
C. 97,5%. D. 68,7%.

Câu 9: Các thành phần chính của lớp đất là

A. Khoáng. không khí, nước, chất hữu cơ .
B. cơ giới, không khí, chất vô cơ và mùn.
C. chất hữu cơ, nước, không khí và sinh vật.
D. nước, không khí, chất hữu cơ và độ phì.

Câu 10: Khí hậu ôn đới lục địa có nhóm đất chính nào sau đây?

A. Đất pốtdôn. B. Đất đen.
C. Đất đỏ vàng. D. Đất nâu đỏ.

Câu 11: Rừng Tai ga thường phân bố ở đới?

A. Đới nóng. B. Đới lạnh.

C. Ôn hòa . D. Vùng cực

Câu 12: Nguyên nhân chủ yếu sinh ra các dòng biển là do

A. sự chuyển động tự quay của Trái Đất và hướng chuyển động của Trái Đất.
B. tác động của các loại gió thổi thường xuyên ở vùng vĩ độ thấp, trung bình.
C. sức hút của Mặt Trời và Mặt Trăng ngày càng lớn dần vào đầu, cuối tháng.
D. sự khác biệt về nhiệt độ và tỉ trọng của các lớp nước trong biển, đại dương.

II. Tự luận (6.0 điểm)

Câu 1: (1.5 điểm) Mô tả những nét chính của trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938.

Câu 2: (1.5 điểm)

a. (1.0 điểm) Nhận xét những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền.

b. (0.5 điểm) Em hãy cho biết một số thành tựu của nền văn hóa Champa ở Việt Nam hiện nay .

Câu 3: (1.0 điểm) So sánh sự khác biệt về nhiệt độ và độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới.

Câu 4: (1.5 điểm) Trình bày đặc điểm kiểu rừng nhiệt đới gió mùa?

Câu 5: (0. 5 điểm) Em hãy đề xuất một số biện pháp để bảo vệ rừng?

UBND HUYỆN NÚI THÀNH

TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

ĐỀ CHÍNH THỨC

KIỂM TRA CUỐI KÌ II

NĂM HỌC 2023-2024

Môn: LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ lớp 6

Thời gian: 60 phút *(không kể thời gian giao đề)*

MÃ ĐỀ B

I. Trắc nghiệm (4.0 điểm): Chọn câu trả lời đúng nhất rồi ghi vào giấy kiểm tra.

Câu 1: Nội dung nào dưới đây *không* phản ánh đúng nguyên nhân thắng lợi của chiến thắng Bạch Đằng (938)?

A. Quân Nam Hán chủ quan, hiếu chiến, không thông thạo địa hình.

B. Nhân dân Việt Nam có tinh thần yêu nước, ý chí đấu tranh bất khuất.

C. Quân Nam Hán lực lượng không đông, khí thế kém cỏi, vũ khí thô sơ.

D. Tài thao lược và vai trò chỉ huy của Ngô Quyền và các tướng lĩnh khác

Câu 2: Năm 938, quân Nam Hán từ Quảng Đông theo đường biển ào ạt kéo sang xâm lược Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của chủ tướng…

A. Thoát Hoan. B. Lưu Hoằng Tháo.

C. Sầm Nghi Đống. D. Ô Mã Nhi.

Câu 3: Cư dân Chăm-pa sáng tạo ra chữ Chăm cổ trên cơ sở của hệ chữ viết nào dưới đây?

A. Chữ Phạn của Ấn Độ. B. Chữ La-tinh của La Mã.

C. Chữ Hán của Trung Quốc. D. Chữ hình nêm của Lưỡng Hà.

Câu 4: Hiện nay ở Việt Nam có công trình văn hoá Chăm nào đã được UNESCO công nhận là Di sản văn hoá thế giới?

A. Thánh địa Mỹ Sơn (Quảng Nam). B. Tháp Chăm (Phan Rang).

C. Tháp Pô Nagar (Khánh Hòa). D. Tháp Hoà Lai (Ninh Thuận).

Câu 5: Nội dung nào sau đây không đúng khi nói về đời sống kinh tế của cư dân Chăm-pa?

A. Trồng lúa nước ở các cánh đồng dọc theo lưu vực những con sông.

B. Nghề khai thác lâm sản (trầm hương, kì nam, ngà voi…) rất phát triển.

C. Có sự giao lưu, buôn bán với nhiều quốc gia, như: Trung Quốc, Ấn Độ…

D. Nền kinh tế đóng kín, không có sự tiếp xúc, giao lưu với bên ngoài.

Câu 6: Người Phù Nam giỏi nhất là nghề gì?

A. Trồng trọt B. Chăn nuôi

C. Buôn bán D. Làm thủ công

Câu 7: Hãy cho biết nước biển và đại dương có mấy sự vận động?

A. 3 B. 4

C. 2 D. 1

Câu 8: Nước ngọt trên Trái Đất gồm có?

A. Nước ngầm, nước biển, nước sông và băng.
B. Nước mặt, nước biển, nước ngầm và băng.
C. Nước ngầm, nước ao hồ, sông suối và băng.
D. Nước mặt, nước khác, nước ngầm và băng.

Câu 9: Nguồn gốc sinh ra thành phần hữu cơ trong đất?

A. Sinh vật. B. Đá mẹ.
C. Địa hình. D. Khí hậu.

Câu 10: Ở khu vực rừng nhiệt đới ẩm có loại đất nào sau đây?

A. Xám. B. Feralit.

C. Đen. D. Pốtdôn

Câu 11: Rêu và địa y thường phân bố ở đới?

A. Đới nóng. B. Đới lạnh.

C. Ôn hòa . D. Vùng xích đạo

Câu 12: Hình thức dao động tại chỗ của nước biển và đại dương gọi là

A. sóng biển. B. dòng biển.

C. thủy triều. D. triều cường.

II. Tự luận (6.0 điểm)

Câu 1: (1.5 điểm) Trình bày ngắn gọn kế hoạch đánh giặc và diễn biến của chiến thắng Bạch Đằng năm 938.

Câu 2: (1.5 điểm)

a. (1.0 điểm) Nhận xét những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền.

b. (0.5 điểm) Trình bày hiểu biết của em về một thành tựu văn hóa của người Champa tại tỉnh Quảng Nam

Câu 3: (1.0 điểm) So sánh sự khác biệt về nhiệt độ và độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới.

Câu 4: (1.5 điểm) Trình bày đặc điểm kiểu rừng mưa nhiệt đới?

Câu 5: (0. 5 điểm) Em hãy đề xuất một số biện pháp để bảo vệ rừng?

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II

NĂM HỌC 2023-2024

MÔN LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ 6

ĐỀ A

I. TRẮC NGHIỆM (4.0 ĐIỂM)

Mỗi đáp án đúng được 0,33 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	D	B	A	B	D	D	C	A	A	C	B

HSKT: Đạt 6/12 câu TN

II. TỰ LUẬN (6.0 ĐIỂM)

Câu 1: (1.5 điểm) Mô tả những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938.

- Năm 938 quân Nam Hán xâm lược nước ta. (0.25 điểm)

- Khi nước triều lên, Ngô Quyền cho lính ra khiêu chiến, giả thua để dụ địch vào trận địa cọc. (0.25 điểm)

- Hoằng Tháo cho quân đuổi theo. Khi nước triều rút, cọc nhô lên, Ngô Quyền hạ lệnh tổng tấn công, quân Nam Hán lọt vào trận địa cọc, bị đánh tan tác.(0.25 điểm)

- Kết quả:

+ Hoằng Tháo tử trận. Quân Nam Hán đại bại, phải rút quân về nước. (0.25 điểm)

-Ý nghĩa:

+ Đánh bại hoàn toàn ý chí xâm lược của nhà Nam Hán. Thể hiện ý chí quyết tâm đấu tranh chống xâm lược của dân tộc ta. (0.25 điểm)

+ Chấm dứt vĩnh viễn thời kì Bắc thuộc và mở ra kỉ nguyên độc lập, tự chủ lâu dài cho dân tộc.(0.25 điểm)

Câu 2: (1.5 điểm)

a. (1.0 điểm) Nhận xét những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền.

- Tận dụng địa thế tự nhiên hiểm trở của sông Bạch Đằng để xây dựng trận địa tấn công giặc.(0.25 điểm)

- Sáng tạo ra cách sử dụng các cọc ngầm và quy luật lên – xuống của con nươc thủy triều để bố trí trận địa chiến đấu. .(0.5 điểm)

- Tổ chức, bố trí và sử dụng các lực lượng hợp lý, linh hoạt để tiêu diệt quân địch (0.25 điểm)

b. (0.5 điểm) Em hãy cho biết một số thành tựu của nền văn hóa Champa ở Việt Nam hiện nay .

- Trên dải đất miền Trung Việt Nam còn nhiều di tích, công trình kiến trúc, tôn giáo quan trọng của Vương quốc Chăm-pa, tiêu biểu như Thánh địa Mỹ Sơn, Phật viện Đồng Dương (Quảng Nam), tháp Mỹ Khánh (Huế), tháp Cánh Tiên, Dương Long (Bình Định), tháp Bà Pô Na-ga (Khánh Hoà)...

Câu 3: (1.0 điểm) So sánh sự khác biệt về nhiệt độ và độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới.

Đặc điểm	**Vùng biển nhiệt đới**	**vùng biển ôn đới.**	
Nhiệt độ trung bình	24 - 27^{o}C	16 - 18^{o}C	0.5 điểm
Độ muối trung bình	35-36‰	34-35‰	0.5 điểm

Câu 4: (1.5 điểm) Trình bày đặc điểm kiểu rừng nhiệt đới gió mùa?

- Phân bố: Ở những nới có một mùa mưa và một mùa khô rõ rệt như Đông Nam Á, Đông Ấn Độ… (0,75 điểm)

- Đặc điểm: Phần lớn các cây trong rừng rụng lá vào mùa khô, cây trong rừng rụng lá vào mùa khô. Cây trong rừng thấp hơn và ít tầng hơn rừng mưa nhiệt đới (0,75 điểm)

Câu 5: (0.5 điểm) Em hãy đề xuất một số biện pháp để bảo vệ rừng?

- Sử dụng các sản phẩm từ rừng một cách tiết kiệm và hợp lí

- Trồng rừng, bảo vệ rừng, không đốt rừng làm nương rẫy

- Tuyên truyền cho mọi người biết vai trò của rừng…

HS có thể nêu theo ý khác nhưng ít nhất 3 biện pháp hợp lí đạt 0,5 điểm

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II

NĂM HỌC 2023-2024

MÔN LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ 6

ĐỀ B

I. TRẮC NGHIỆM (4.0 điểm)

Mỗi đáp án đúng được 0,33 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	B	A	A	D	C	C	D	A	B	B	A

HSKT: Đạt 6/12 câu TN

II. TỰ LUẬN (6.0 điểm)

Câu 1. (1.5 điểm) Trình bày ngắn gọn kế hoạch đánh giặc và diễn biến của chiến thắng Bạch Đằng năm 938.

***Kế hoạch đánh giặc**

- Lựa chọn trận địa đánh giặc ở sông Bạch Đằng. Sai người đem cọc lớn, vạt nhọn, đầu bịt sắt đóng ngầm ở trước cửa biển. (0.25 điểm)

- Lợi dụng nước triều lên xuống để dụ đối phương vào trận địa cọc.(0.25 điểm)

*** Diễn biến**

- Năm 938, quân Nam Hán do Hoằng Tháo làm chủ tướng đem quân vượt biển tiến vào xâm lược nước ta (0.25 điểm)

- Khi nước triều lên, Ngô Quyền cho lính ra khiêu chiến, giả thua để dụ địch vào trận địa cọc.(0.25 điểm)

- Hoằng Tháo cho quân đuổi theo. Khi nước triều rút, cọc nhô lên, Ngô Quyền hạ lệnh tổng tấn công.(0.25 điểm)

- Quân Nam Hán lọt vào trận địa cọc, bị đánh tan tác.(0.25 điểm)

Câu 2. (1.5 điểm)

a. (1.0 điểm) Nhận xét những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền.

- Tận dụng địa thế tự nhiên hiểm trở của sông Bạch Đằng để xây dựng trận địa tấn công giặc.(0.25 điểm)

- Sáng tạo ra cách sử dụng các cọc ngầm và quy luật lên – xuống của con nươc thủy triều để bố trí trận địa chiến đấu. .(0.5 điểm)

- Tổ chức, bố trí và sử dụng các lực lượng hợp lý, linh hoạt để tiêu diệt quân địch (0.25 điểm)

b. (0.5 điểm) Trình bày hiểu biết của em về một thành tựu văn hóa của người Champa tại tỉnh Quảng Nam

- Trình bày theo hiểu biết của em về các nội dung chính sau: Tên thành tựu, địa điểm, nét độc đáo.

Câu 3: (1.0 điểm) So sánh sự khác biệt về nhiệt độ và độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới.

Đặc điểm	**Vùng biển nhiệt đới**	**vùng biển ôn đới.**	
Nhiệt độ trung bình	24 - 27^{o}C	16 - 18^{o}C	0.5 điểm
Độ muối trung bình	35-36‰	34-35‰	0.5 điểm

Câu 4: (1.5 điểm) Trình bày đặc điểm kiểu rừng mưa nhiệt đới?

- Phân bố: Ở những nơi mưa nhiều quanh năm như lưu vực sông Amazon, lưu vực sông Công –gô (0.75 điểm)

- Đặc điểm: Rừng rậm rạp, có 4-5 tầng (0.75 điểm)

Câu 5: (0. 5 điểm) Em hãy đề xuất một số biện pháp để bảo vệ rừng?

- Sử dụng các sản phẩm từ rừng một cách tiết kiệm và hợp lí

- Trồng rừng, bảo vệ rừng, không đốt rừng làm nương rẫy

- Tuyên truyền cho mọi người biết vai trò của rừng…

HS có thể nêu theo ý khác nhưng ít nhất 3 biện pháp hợp lí đạt 0,5 điểm

TIẾT 49, 50 Bài 28: Mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên
(Thời gian thực hiện: 2 tiết)

NS: 28/04/2024

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

- Nêu được các tác động của thiên nhiên lén hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người.
- Trình bày được những tác động chủ yếu của con người tới thiên nhiên Trái Đất

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất

-Trách nhiệm:Yêu thiên nhiên, thấy được trách nhiệm với thiên nhiên.
- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

4. HSKT: Biết tác đông tác động chủ yếu của con người tới thiên nhiên Trái Đất

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Một số hình ảnh về tác động của thiên nhiên đến con người và tác động của con người.

2. Chuẩn bị của học sinh: sách giáo khoa, vở ghi..

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

1. Hoạt động mở đầu

a. Mục đích: Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Nội dung: Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: Đời sống và sản xuất của con người không thể

tách rời thiên nhiên Trái Đất. Thiên nhiên là môi trường sống của con người, đồng thời thiên nhiên cũng chịu tác động của con người

Bài học này cho chúng ta thấy thiên nhiên tác động đến con người như thế nào và con người tác động lại thiên nhiên ra sao

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

HS: Trình bày kết quả

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới

HS: Lắng nghe, vào bài mới

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Tác động của thiên nhiên đến con người

a. Mục đích: HS thấy được những tác động tích cực, tiêu cực của thiên nhiên tới con người và hoạt động sản xuất

b. Nội dung: Tác động của thiên nhiên đến con người

c. Sản phẩm: bài thuyết trình và sản phẩm của HS

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập **a. Tác động của thiên nhiên đến đời sống con người** Đọc thông tin trong mục a và quan sát hình 1,2; em hãy nêu ví dụ về tác động của thiên nhiên đối với đời sống con người. **b. Tác động của thiên nhiên tới sản xuất** Dựa vào thông tin trong mục b và các hình 3,	**1. Tác động của thiên nhiên đến con người** **a. Tác động của thiên nhiên đến đời sống con người** Trong đời sống hằng ngày, thiên nhiên cung cấp những điều kiện hết sức cần thiết (không khí, ánh sáng, nhiệt độ, nước,...) đề

4, 5; em hãy nêu ví dụ về tác động của thiên nhiên tới sản xuất (nông nghiệp, công nghiệp hoặc du lịch). HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe	con người có thể tồn tại **b. Tác động của thiên nhiên tới sản xuất** *Đối với sản xuất nông nghiệp* *Đối với sản xuất công nghiệp* *Đối với giao thông vận tải và du lịch*
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2. Tác động của con người tới thiên nhiên

a. Mục đích: HS biết được tác động tích cực và tiêu cực cảu con người tới thiên nhiên.

b. Nội dung: Tìm hiểu Tác động của con người tới thiên nhiên

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Tác động của con người tới thiên nhiên HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ HSKT: Em hãy nêu những tác động của con người đến thiên nhiên	**2/ Tác động của con người tới thiên nhiên** - Làm suy giảm nguồn tài nguyên. - Làm ô nhiễm môi trường. - Con người ngày càng nhận thức được trách nhiệm của mình với thiên nhiên và đã c những hành động tích cực để bảo vệ môi trường bằng cách trồng rừng, phủ xanh đồi núi, cải tạo đất, biến những vùng khô cằn, bạ màu thành đồng ruộng phì nhiêu
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập	

GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

3. Hoạt động luyện tập

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: Đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS: Trình bày kết quả

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Chuẩn kiến thức

HS: Lắng nghe và ghi nhớ.

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục đích: HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay

b. Nội dung: Vận dụng kiến thức

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: HS hoàn thành các nội dung sau

1. Theo em, những tác động nào của con người khiến tài nguyên thiên nhiên bị suy thoái.

2.Dựa vào hình 6, 7 và hiểu biết của em, hãy kể tên một số loại rác thải sinh hoạt, công nghiệp, nông nghiệp do con người đưa vào môi trường thiên nhiên

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS: trình bày kết quả

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Chuẩn kiến thức . Nhắc nhở HS chuẩn bị bài

Bài 29: Bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên thiên nhiên vì sự phát triển bền vững

TIẾT 51 **Bài 29: Bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên thiên nhiên vì sự phát triển bền vững**

ND: 28/5/2024

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

- Nêu đuọc ý nghĩa của việc bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên thiên nhiên vì sự phát triển bền vững.
- Thấy được trách nhiệm và có hành động cụ thể để bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh tài nguyên ở địa phương

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất

Yêu thích môn học, có niềm hứng thú với việc tìm hiểu các sự vật hiện tượng địa lí nói riêng và trong cuộc sống nói chung

Thấy được trách nhiệm với cộng đồng, cụ thể là có y thức trách nhiệm trong việc bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các TNTN

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Hình ảnh, video về thiên nhiên, các hiện tượng và đối tượng Địa lí

Một số công cụ địa lí học thường sử dụng như quả Địa cầu, sơ đồ, bản đồ, mô hình, bảng số liệu,...

2. Chuẩn bị của học sinh: sách giáo khoa, vở ghi..

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

1. Hoạt động mở đầu

a. Mục đích: Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Nội dung: Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: HS quan sát và đọc lại cuộc thoại sau.

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

HS: Trình bày kết quả

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới

HS: Lắng nghe, vào bài mới

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Thế nào là phát triển bền vững?

a. Mục đích: HS biết dược khái niệm phát triển bền vững.

b. Nội dung: Thế nào là phát triển bền vững?

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: 1/ Khái niệm phát triển bền vững. 2/ hãy nêu một số tác động của con người tới thiên nhiên sẽ làm ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ mai sau. HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe	**1.Thế nào là phát triển bền vững?** KN: Sự phát triển nhằm đáp ứng các nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm tổn hại đến nhu cầu của các thế hệ tương lai gọi là phát triển bền vững
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2. Bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên thiên nhiên

a. Mục đích: HS biết được

b. Nội dung: Tìm hiểu Bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên thiên nhiên

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: HS đọc thông tin SGK, thảo luận cặp đôi và cho biết: 1. Em hãy cho biết ý nghĩa của việc bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh tài nguyên thiên nhiên. 2. Để bảo vệ môi trường, mỗi người chúng ta cần phải làm gì? 3. Dựa vào sơ đồ trên và hình 1, em hãy lấy ví dụ cụ thể về các biện pháp khai thác và sử dụng thông minh tài nguyên thiên nhiên. HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	**2/ Bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên thiên nhiên** - Ý nghĩa: giữ gìn sự đa dạng sinh học, ngăn chặn ô nhiễm và suy thoái môi trường tự nhiên. Nhờ đó, bảo vệ được không gian sống của con người, đảm bảo cho con người tồn tại trong môi trường trong lành, thuận lợi đề phát triển kinh tế, xã hội. - Sử dụng tài nguyên hợp lí, tiết kiệm nhăm hạn chế sự suy giảm tài nguyên cả về số lượng và chất lượng,
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ	

HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

3. Hoạt động luyện tập

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: Đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS: Trình bày kết quả

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Chuẩn kiến thức

HS: Lắng nghe và ghi nhớ.

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục đích: HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay

b. Nội dung: Vận dụng kiến thức

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: HS hoàn thành những nội dung sau.

1/ Em hãy nêu một số việc có thể làm hằng ngày để bảo vệ môi trường.

2. Thu thập thông tin về việc khai thác các tài nguyên thiên nhiên để phát triển bền vững ở địa phương em.

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS: trình bày kết quả

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Chuẩn kiến thức . Nhắc nhở HS chuẩn bị bài

Bài 30: Thực hành: Tìm hiểu mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên địa phương

Chọn một trong các nội dung sau để làm báo cáo

Nội dung 1: Nguồn lợi tự nhiên ở địa phương
- Tài nguyên đất
- Tài nguyên sinh vật
- Tài nguyên khoáng sản
- Tài nguyên nước,...
- Vai trò của nguồn lợi tự nhiên với đời sống và sản xuất

Nội dung 3: Thiên tai và phòng chống thiên tai
- Các thiên tai: bão, lũ, hạn hán, trượt lở đất, xâm nhập mặn,...
- Các biện pháp phòng chống thiên tai ở địa phương

Nội dung 4: Bảo vệ thiên nhiên
- Sử dụng tài nguyên hợp lí
- Cải tạo thiên nhiên: đất, nước, không khí,...

TIẾT 52 **Bài 30: Thực hành: Tìm hiểu mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên địa phương**

NS: 28/04/2024

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

- Biết được mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên ở' địa phương.
- Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất

- Yêu thích môn học, có niềm hứng thú với việc tìm hiểu các sự vật hiện tượng địa lí nói riêng và trong cuộc sống nói chung
- HS thêm yêu quê hương có ý thức trách nhiệm với địa phương nơi mình sinh sống

4. HSKT

Biết được mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên ở' địa phương.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Tranh ảnh về thiên nhiên, tác động của người ở địa phương...

2. Chuẩn bị của học sinh: sách giáo khoa, vở ghi..

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

1. Hoạt động mở đầu

a. Mục đích: Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Nội dung: Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Gv gợi ý 1 số nội dung cho các nhóm lựa chọn.

a. Mục đích: Học sinh xác định được nội dung tìm hiểu

b. Nội dung: các đặc điểm tự nhiên, môi trường.. của huyện huyện Núi Thành

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý một số nội dung Chọn một trong các nội dung sau đây: a)Nội dung 1: Nguồn lợi tự nhiên ở địa phương - Tài nguyên đất - Tài nguyên sinh vật - Tài nguyên khoáng sản - Tài nguyên nước,... - Vai trò của nguồn lợi tự nhiên với đời sống và sản xuất b) Nội dung 2: ó nhiễm môi trường - ô nhiễm không khí - ô nhiễm nước - ô nhiễm đất - Hậu quả và biện pháp khắc phục c) Nội dung 3: Thiên tai và phòng chống thiên tai - Các thiên tai: bão, lũ, hạn hán, trượt lở đất, xâm nhập mặn,... - Các biện pháp phòng chống thiên tai ở địa phương d) Nội dung 4: Bảo vệ thiên nhiên - Sử dụng tài nguyên hợp lí	**1. Gv gợi ý 1 số nội dung cho các nhóm lựa chọn.** Sự lựa chọn của các nhóm Nhóm 1. Nội dung 3. Nhóm 2: nội dung 4. Nhóm 3. Nội dung 1 Nhóm 4 nội dung 2

- Cải tạo thiên nhiên: đất, nước, không khí,... HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

Hoạt động 2: Cách thức tiến hành

a. Mục đích: HS biết được các bước tiến hành

b. Nội dung: Tìm hiểu Cách thức tiến hành

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV a) Thành lập nhóm và lựa chọn nội dung b) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm c) Xác định thời gian và địa điểm tham quan ở địa phương d) Thu thập tài liệu và xử lí tài liệu - Thu thập tài liệu qua sách vở, mạng internet, cơ quan quản lí vấn đề ở địa phương. - Tham quan, tìm hiểu thực tế địa phương. - Tìm hiểu qua người dân địa phương (phương pháp xã hội học). - Phân tích, tổng hợp, so sánh các kết quả đã tìm hiểu được. đ) Viết bào cáo và trình bày - Viết báo cáo: Từ các tài liệu đã có, viết báo cáo theo gợi ý (nên viết ngắn gọn, súc tích): + Nêu ý nghĩa của việc tìm hiểu môi trường. + Nêu hiện trạng và nguyên nhân. + Một số giải pháp.	**2/ Cách thức tiến hành** **(HS làm báo cáo)**

- Trình bày báo cáo + Phân công người báo cáo trước lớp. + Chuẩn bị nội dung kèm theo: tranh ảnh, bảng số liệu, biểu đồ,... HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài	

3. Hoạt động luyện tập

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: Đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay.

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS: Trình bày kết quả

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Chuẩn kiến thức

HS: Lắng nghe và ghi nhớ.

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục đích: HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay

b. Nội dung: Vận dụng kiến thức

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: HS tiếp tục làm báo cáo

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS: trình bày kết quả

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Chuẩn kiến thức .

TIẾT 53 **ÔN TẬP**

(Thời gian thực hiện: 1 tiết)

NS: 1/05/2024

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Học sinh hệ thống lại kiến thức

- Biển và đại dương. Một số đặc điểm của môi trường biển
- Nước ngầm và băng hà
- Lớp đất trên Trái đất và thành phần của đất
- Một số nhóm đất điển hình
- Sự phân bố các đới thiên nhiên
- Rừng nhiệt đới

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí: Sử dụng bản đồ và sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh để xác định nội dung theo yêu cầu của giáo viên.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học;

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong giờ học

4. HSKT

Học sinh biết được các đại dương lớn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Ma trận, bảng đặc tả, đề cương

2. Học sinh

- Bảng phụ

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

1. Hoạt động mở đầu

a. Mục tiêu: Kết nối vào bài học, tạo hứng thú cho học sinh

b. Cách thức tổ chức

Cho học sinh khởi động cơ thể theo bài hát " baby shark"

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.

Bước 2: HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 3: HS tham gia khởi động

Bước 4: GV nhận xét và kết nối vào bài mới.

2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Biển và đại dương. Một số đặc điểm của môi trường biển

a. Mục tiêu**:** HS hoàn thành nội dung các bảng nhằm ôn lại kiến thức

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Nhiệm vụ 1: Hoạt động cặp đôi

? So sánh sự khác biệt về nhiệt độ và độ muối giữa vùng biển nhiệt đới và vùng biển ôn đới.

? Kể tên các đại dương trên thế giới (HSKT)

Bước 2: Tiếp nhận nhiệm vụ

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS: Trình bày kết quả

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

Bước 4: GV chuẩn kiến thức, trong quá trình học sinh báo cáo, giáo viên chốt kiến thức của mỗi nhóm và lưu ý những nội dung trọng tâm ôn tập

Hoạt động 2: Rừng nhiệt đới

a. Mục tiêu

- Đặc điểm kiểu rừng nhiệt đới gió mùa và rừng mưa nhiệt đới

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV: Các nhóm báo cáo nội dung đã yêu cầu

Nhóm 1,3: Đặc điểm kiểu rừng nhiệt đới gió mùa

Nhóm 2,4: Đặc điểm kiểu rừng mưa nhiệt đới

Nhóm 5, 6 : Các biện pháp bảo vệ rừng

Bước 2. Các nhóm xem lại nội dung chuẩn bị

- Bước 3: Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét bổ sung.
- Bước 4: Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Học sinh củng cố lại nội dung đã ôn tập

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: HS hoàn thành hệ thống câu hỏi trắc nghiệm nội dung ôn tập

Câu 1: Sức hút của Mặt Trời và Mặt Trăng là nguyên nhân chủ yếu hình thành hiện tượng tự nhiên nào sau đây?

A. Dòng biển. B. Sóng ngầm.

C. Sóng biển. D. Thủy triều.

Câu 2: Trên Trái Đất nước mặn chiếm khoảng?

A. 30,1%. B. 2,5%.

C. 97,5%. D. 68,7%.

Câu 3: Các thành phần chính của lớp đất là

A. không khí, nước, chất hữu cơ và vô cơ.

B. cơ giới, không khí, chất vô cơ và mùn.

C. chất hữu cơ, nước, không khí và sinh vật.

D. nước, không khí, chất hữu cơ và độ phì.

Câu 4: Khí hậu ôn đới lục địa có nhóm đất chính nào sau đây?

A. Đất pốtdôn. B. Đất đen.

C. Đất đỏ vàng. D. Đất nâu đỏ.

Câu 5: Hãy cho biết nước biển và đại dương có mấy sự vận động?

A. 3 B. 4

C. 2 D. 1

Câu 6: Rừng Tai ga thường phân bố ở đới?

A. Đới nóng. B. Đới lạnh.

C. Ôn hòa . D. Vùng cực

Câu 7: Nguyên nhân chủ yếu sinh ra các dòng biển là do

A. tác động của các loại gió thổi thường xuyên ở vùng vĩ độ thấp, trung bình.

B. sự chuyển động tự quay của Trái Đất và hướng chuyển động của Trái Đất.

C. sức hút của Mặt Trời và Mặt Trăng ngày càng lớn dần vào đầu, cuối tháng.

D. sự khác biệt về nhiệt độ và tỉ trọng của các lớp nước trong biển, đại dương

Câu 8: Nước ngọt trên Trái Đất gồm có?

A. Nước ngầm, nước biển, nước sông và băng.

B. Nước mặt, nước biển, nước ngầm và băng.

C. Nước ngầm, nước ao hồ, sông suối và băng.

D. Nước mặt, nước khác, nước ngầm và băng.

Câu 9: Nguồn gốc sinh ra thành phần hữu cơ trong đất là

A. sinh vật. B. đá mẹ.

C. địa hình. D. khí hậu.

Câu 10: Ở khu vực rừng nhiệt đới ẩm có loại đất nào sau đây?

A. Xám. B. Feralit.

C. Đen. D. Pốtdôn

Câu 11: Rêu và địa y thường phân bố ở đới?

A. Đới nóng. B. Đới lạnh.

C. Ôn hòa . D. Vùng xích đạo

Câu 12: Hình thức dao động tại chỗ của nước biển và đại dương gọi là

A. sóng biển. B. dòng biển.

C. thủy triều. D. triều cường.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS: Trình bày kết quả

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng

HS: Lắng nghe, ghi bài

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học để thực hiện nhiệm vụ thực tiễn liên quan.

b. Cách thức tổ chức

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Kể tên các loại đất tại tỉnh Quảng Nam.

HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

+ HS làm việc theo yêu cầu.

+ HS làm việc ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

+ Tiết sau GV cho các bạn giới thiệu sản phẩm

Bước 4: Kết luận

+ GV khen ngợi tinh thần học tập của học sinh